



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Trung Quốc trước áp lực của dân chủ và nhân quyền

Nhìn một cách phiến diện, chế độ cộng sản Trung Quốc có vẻ rất vững chắc. Hội nghị lần thứ tư của Liên Hiệp Quốc về phụ nữ đã kết thúc mà không gây một xáo trộn nào đáng kể. Trung Quốc đã không nao núng trước những phản đối sau khi thử bom nguyên tử. Bắc Kinh đã dẫn dắt Đài Loan bằng một cuộc tập dượt hải quân lớn, cách Đài Loan không đầy 200 hải lý. Chỉ có một sự kiện bất lợi, mà Bắc Kinh coi là không quan trọng, là thắng lợi của phe dân chủ trong cuộc bầu cử hội đồng lập pháp tại Hồng Kông ngày 17-9-1995. Tuy vậy, với một cái nhìn thấu đáo hơn người ta có thể đi tới một nhận định khác.

Tệ hơn những lên án gay gắt và sôi nổi, Hội Nghị Về Phụ Nữ trong thượng tuần tháng 9-1995 đã là một sự nhìn nhận đồng tình và không cần bàn cãi về tình trạng nhân quyền tồi tệ tại Trung Quốc. Các đại biểu ra về với một sự khinh ghét cao độ. Cả thế

giới nhìn chế độ Bắc Kinh như một chế độ gian trá thô bạo. Hội nghị này đã không sôi nổi chỉ vì Bắc Kinh đã không tranh cãi.

Cuộc bầu cử hội đồng lập hiến Hồng Kông là một biến cố hứa hẹn rất nhiều hậu quả. Kết quả đã trái hẳn với hy vọng của Bắc Kinh và dự đoán của nhiều chính phủ. Những hăm dọa và trấn áp tinh thần - đe dọa và lên án các phần tử dân chủ Hồng Kông là gây rối, tuyên bố sẽ giải tán hội đồng lập pháp Hồng Kông ngay khi tiếp thu Hồng Kông năm 1997 - đã không ngăn chặn được khát vọng dân chủ của nhân dân Hồng Kông. Đảng Dân Chủ công khai đối lập với Bắc Kinh đã thắng lớn, giành được 17 trong số 20 ghế nghị viên. Đảng Dân Chủ sẽ còn được hai năm hoạt động tự do để bành trướng và lan rộng vào lục địa. Như thế năm 1997 khi lấy lại Hồng Kông, Trung Quốc cũng sẽ phải lần đầu tiên nhận lãnh một đối lập công khai và có tổ chức. Đàn áp Đảng Dân Chủ sẽ không dễ, bởi vì chắc chắn sẽ gây khủng hoảng tại Hồng Kông và có thể kéo theo sự suy sụp tại nhiều nơi khác.

Lúc này, khi mà nhiều con mắt đang hướng về Bắc Kinh, cũng là lúc mà chúng ta thử dự đoán tương lai của Trung Quốc. Chúng ta cần theo dõi tình hình của Trung Quốc bởi vì Việt Nam và Trung Quốc chia sẻ cùng một văn hóa, chế độ cộng sản Việt Nam từ trước vẫn rập khuôn theo chế độ cộng sản Trung Quốc và ngay bây giờ cũng đang theo đuổi cùng một chính sách "kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa" như Trung Quốc. Số phận của chế độ cộng sản Việt Nam gắn liền với số phận của chế độ cộng sản Trung Quốc. Cái gì xảy ra ở Trung Quốc chắc chắn sẽ có ảnh hưởng mạnh và trực tiếp lên tình hình Việt Nam. Có thể nói mà không sợ sai lầm rằng nếu phong trào dân chủ Trung Quốc không bị đàn áp tại Thiên An Môn năm 1989 thì tình hình Việt Nam đã rất khác.

Nhiều chuyên gia và nhiều chính phủ cho rằng chế độ cộng sản Trung Quốc sẽ kéo dài. Trung Quốc sẽ tiếp tục phát triển và mỗi ngày một cởi mở hơn, dù là một cách chậm chạp; tham nhũng sẽ tiếp tục gia tăng cùng với chênh lệch giàu nghèo, xã hội dân sự sẽ thêm sức mạnh; quyền lực của chính quyền trung ương sẽ giảm đi trong khi vai trò của các địa phương càng ngày càng mạnh lên, v.v... nhưng sẽ không có đảo lộn lớn. Chính quyền Bắc Kinh đủ khả năng dập tắt những đòi hỏi dân chủ hóa, nếu cần bằng bạo lực, như họ đã làm tại Thiên An Môn. Dự đoán này là một suy diễn thẳng hàng từ những gì hiện có, do đó ngay từ khởi

Trong số này

	Thông Luận
1. <i>Vấn đề trong tháng</i>	
3. <i>Chính trị quốc tế:</i>	
Nữ quyền và Nhân quyền	Diệp Tường Bảo
4. Tương lai nào cho Bắc Hàn	Nguyễn Liên Hiệp
6. Thấp nển nhang cho...	Nguyễn Thanh Giang
8. Trang điểm đời sống cho ai?	Nghiêm Phong Tuấn
9. Đơn khiếu nại	Lê Hồng Hà
14. Đảng cộng sản VN với vđ của cải...	Trần Minh Thảo
17. Cyclo hay là Tiếng Ru Địa Ngục	Thụy Khuê
19. "Đổi mới" kinh tế	Vô Nhân Trí
21. Cống Mỹ cứu nước	Phạm Ngọc Lân
24. Đối thoại	Nguyễn Huy Bảo
26. Lòng yêu nước của người VN	Vô Xuân Minh
27. <i>Thời sự - Tin tức</i>	
29. <i>Độc giả viết</i>	
31. Đọc lại Trần Bình Nam	Nguyễn Gia Kiểng
32. <i>Sổ tay:</i>	Phù Du

điểm nó đã mặc nhiên loại trừ khả năng có đảo lộn đột ngột. Mặt khác, những người dự đoán như vậy cũng tỏ ra không nắm được nguyên lý vận hành của lịch sử Trung Quốc.

Cho tới nay lịch sử Trung Quốc, cũng như lịch sử Việt Nam, chỉ là sự lặp lại của một chu kỳ quen thuộc. Điểm khởi đầu của chu kỳ này là một xã hội loạn lạc, tan hoang và cơ cực. Một người hùng nào đó, mà ngôn ngữ dân gian thường gọi là minh chúa, nhờ bản lãnh hay hoàn cảnh, đã thu gom được quyền hành về một mối. Một thời đại thịnh trị mở ra và kéo dài vài đời vua, xã hội tìm lại được hòa bình và no ấm. Thế rồi triều đại bắt đầu suy vi, lại có giặc giã, xã hội lại cơ cực. Và một chu kỳ mới bắt đầu.

Chu kỳ này đã quá quen thuộc đến nỗi nó trở thành một thành tố trong triết lý Á Đông, nhất là Trung Hoa và Việt Nam. Kinh Dịch đặt căn bản trên lẽ tuần hoàn, cho vạn vật âm dương biến đổi, sau hòa bình thịnh trị tất nhiên phải đến loạn ly cơ cực, sau cơ cực lại đến thái bình, v.v..., biến và thông đi đôi với nhau, như âm và dương bổ túc cho nhau. Chúng ta cần nhận diện rõ cái lôgic của chu kỳ này bởi vì lần này nó sẽ không lặp lại.

Ở giai đoạn đầu của chu kỳ, hỗn loạn đã đẩy xã hội xuống tận đáy vực thẳm. Đói khổ và chết chóc là số phận thường ngày của quần chúng. Con người vì thế có thể chấp nhận tất cả, miễn là được sống. Vị minh chúa xuất hiện được tất cả mọi đề dai: một xã hội đã xuống tới mức thấp nhất và chỉ có thể tiến lên, những người dân không đòi hỏi gì cả. Ông chỉ có thể thành công mà thôi. Thời đại của ông, cũng như của vài đời con cháu ông sau đó trong khoảng thời gian mà xã hội dần dần phục hồi, chỉ có thể là một thời kỳ tiến bộ. Nhưng dần dần xã hội lấy lại được sinh lực và bắt đầu có những đòi hỏi phức tạp hơn. Lúc đó nảy sinh ra một mâu thuẫn giữa một xã hội đã thay đổi, về cả cơ cấu lẫn tâm lý, và một thể chế không còn phù hợp. Như thế những thời đại mà ta gọi là suy vi thực ra chỉ là suy vi đối với kẻ cầm quyền chứ nhìn về mặt xã hội đó là lúc mà xã hội mạnh lên và đạt tới giới hạn tiến bộ có thể đạt được trong khuôn khổ chế độ. Chỉ có hai trường hợp có thể xảy ra. Một là mâu thuẫn đưa tới loạn lạc phá vỡ những thành quả đã đạt được và đẩy xã hội dân sự về tình trạng cơ cực đến độ có thể chấp nhận tất cả, nghĩa là về điểm khởi đầu của một chu kỳ mới. Hai là xã hội tìm được một thể chế mới để tiếp tục tiến lên. Cho đến nay trường hợp đầu tiên luôn luôn xảy ra.

Tại sao lịch sử lại cứ diễn ra như vậy? Tại sao chưa bao giờ trong lịch sử Trung Quốc và Việt Nam mâu thuẫn giữa xã hội và chính quyền đưa tới sự thay đổi thể chế cho phép xã hội tiếp tục tiến lên? Đó là vì mọi thay đổi thể chế đều đòi hỏi những tư tưởng mới, trong khi các xã hội kiểu Trung Quốc bị trói buộc quá chặt chẽ trong khuôn mẫu Khổng Giáo, nền tảng của chế độ quân chủ chuyên chính. Người Á Đông quá tôn thờ Khổng Tử nên coi tư tưởng của ông là hoàn chỉnh, không có gì cần bổ túc, do đó họ đã không có tư tưởng mới để rồi đã bị tù hãm trong một chu kỳ đau khổ mà họ tưởng là luật tự nhiên của vũ trụ.

Từ đầu thế kỷ này, mặc dầu lịch sử có gia tăng vận tốc, nhưng lôgic lịch sử Trung Hoa vẫn không đổi. Về bản chất, chủ nghĩa cộng sản chỉ là Khổng Giáo tân trang. Trung Quốc vẫn là một nước quân chủ chuyên chế dưới những tên gọi mới, với các hoàng đế Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Nhưng lần này chu kỳ cố hữu sẽ không lặp lại vì cái mất xích vẫn thiếu vắng từ trước đến nay - nghĩa là tư tưởng - đã có mặt. Người Trung Hoa đã biết đến một chọn lựa chính trị mới: thể chế dân chủ.

Cùng một lôgic lịch sử ấy đã chế ngự các xã hội Tây Phương

cho tới nửa sau thế kỷ 18. Cuộc Cách Mạng 1789 tại Pháp, và ngay cả sự thành lập quốc gia dân chủ Hoa Kỳ, đã chỉ có được nhờ những tiến bộ về mặt tư tưởng trước đó.

Hiểu như vậy, ta có thể quả quyết rằng tại Trung Quốc lần này lịch sử sẽ không tái diễn như trước nữa. Tình trạng Trung Quốc hiện nay là gì? Đó là một tăng trưởng kinh tế xõ bồ trên 10% mỗi năm đi song hành với một sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông mà tác dụng chính là làm tăng tốc những giao lưu của tư tưởng. Đó cũng là sự gia tăng nhanh chóng của chênh lệch giàu nghèo và những căng thẳng giữa giới này với giới khác, giữa vùng nọ với vùng kia. Có ít nhất ba câu hỏi phải được đặt ra và phải được trả lời cùng một lúc.

- Trong mười năm nữa, khi lợi tức trung bình của người Trung Quốc đã gia tăng gấp quá ba lần hiện nay, có thể nào hàng trăm triệu trí thức tư sản Trung Quốc, với lợi tức và kiến thức cao, lại hiểu biết tất cả những gì đang xảy ra trên thế giới, tiếp tục chấp nhận để một Bộ Chính Trị vài chục người quyết định một cách độc đoán và tùy tiện số phận của họ hay không?

- Có thể nào các tỉnh của Trung Quốc vẫn còn gắn bó với nhau trong một quốc gia khi mức sống tại các tỉnh ven biển cao gấp mười lần mức sống tại các tỉnh lục địa?

- Và, có thể nào các địa phương rộng lớn, đông dân và phồn vinh, tiếp tục thần phục một chính quyền trung ương không?

Tại Thiên An Môn lá cờ dân chủ đã được dựng lên mùa xuân năm 1989. Đó là một yếu tố hoàn toàn mới trong lịch sử Trung Quốc. Thiên An Môn không phải chỉ là một cuộc biểu tình mà còn là bình minh của một thời đại mới. Vì thế cuộc đàn áp thô bạo và đẫm máu đã chỉ là một trận đấu hoãn lại. Đà tiến của xã hội Trung Quốc và trào lưu dân chủ vẫn tiếp tục tiến tới.

Đến nay Trung Quốc đã chín muồi cho một thay đổi lớn, nhất là vì sau Đặng Tiểu Bình giải pháp người hùng hoàn toàn không thể hình dung được nữa. Tất cả vấn đề là thay đổi sẽ xảy ra theo kịch bản nào?

Hoặc là Trung Quốc sẽ có một Gorbachev chấp nhận cải tổ cơ cấu và thay đổi hiến pháp. Kết quả lúc đó sẽ tương tự như những gì đã thấy tại Liên Xô cũ trước đây. Có thể Trung Quốc sẽ không suy sụp về mặt kinh tế, nhưng sẽ không tránh khỏi vài năm xáo trộn lớn về chính trị. Cuối cùng đảng cộng sản sẽ mất chính quyền, và sự thống nhất của Trung Quốc sẽ chỉ gìn giữ được qua một hình thức liên bang.

Hoặc là Giang Trạch Dân, hay một người nào khác lên cầm quyền, sẽ cố gắng duy trì chế độ chuyên chính bằng bạo lực. Nhưng lúc đó tình hình không thể khó xảy ra như tại Thiên An Môn năm 1989. Các quan sát viên đều đồng ý trên ít nhất một điểm: cuộc đàn áp đẫm máu này đã gây chia rẽ trầm trọng trong nội bộ quân đội Trung Quốc. Rất có thể quân đội được lệnh đàn áp sẽ quay lại lật đổ người đã ra lệnh cho họ. Một khả năng khác là vài năm tới đây rất có thể một chủ tịch tỉnh bị Bắc Kinh cách chức sẽ dựa vào hậu thuẫn tại địa phương để không chịu từ chức. Trong cả hai trường hợp, ý đồ duy trì chế độ độc tài bằng bạo lực sẽ khiến Trung Quốc trải qua một thời kỳ cực kỳ hỗn loạn và suy thoái trước khi chế độ dân chủ liên bang được thiết lập.

Mọi tiên liệu chỉ là tiên liệu, và do đó đều có thể sai. Dầu sao dự đoán những xáo trộn lớn tại Trung Quốc là một dự đoán có căn bản xứng đáng để cả đảng cộng sản lẫn đối lập dân chủ lưu ý.

Thông Luận

Nữ quyền và Nhân quyền

Giao cho Bắc Kinh việc tổ chức Hội nghị Thế giới về Phụ nữ (HNTGPN) lần thứ tư, tương tự như lựa chọn Ryad để đón tiếp một hội chợ triển lãm về rượu, nghĩa là phải thích những gì nghịch lý! Như người ta đã chờ đợi, tại các nước dân chủ đã có nhiều chống đối. Những người chủ trương tẩy chay Hội nghị Bắc Kinh, chủ yếu đưa ra ba lập luận:

- Họ coi việc bàn cãi về nữ quyền tại một nước chà đạp nhân quyền một cách thô bạo như Trung Quốc là vô ý thức. Họ lên án những tai hại của chính sách dân số Trung Quốc: những biện pháp cưỡng bức, đi đến cả việc sử dụng bạo lực để ép buộc đàn bà phá thai, hoặc tuyệt sinh, hiện tượng những đứa bé gái sơ sinh bị giết hại hoặc bỏ rơi, nạn buôn bán phụ nữ, v.v...

- Về tiến trình của hội nghị, họ phản đối những hình thức kiểm duyệt của chính quyền Trung Quốc. Để cản trở những tiếp xúc giữa các phái đoàn không chính thức với giới quan chức, chính quyền Trung Quốc đã đưa Diễn đàn các Tổ chức Phi Chính phủ (TCPCP) ra Hoài Nhu, một thành phố cách thủ đô 55 cây số, thường để dành cho quân đội đồn trú và không có phương tiện đủ để đón tiếp một hội nghị quốc tế.

- Họ cũng lo sợ là Hội nghị Bắc Kinh có khả năng đưa nữ quyền lùi lại thay vì tiến lên. Họ lên án việc tranh thủ nhằm xét lại thành quả của những hội nghị trước (như quyền đàn bà làm chủ khả năng sinh sản của mình) của một liên hiệp gồm các quốc gia tôn giáo do Vatican và Iran dẫn đầu. Trên bình diện ngữ nghĩa chẳng hạn, các quốc gia này muốn thay thế trong các văn kiện danh từ "bình đẳng" bằng danh từ "công lý", một khái niệm mơ hồ hơn, để cho phép họ chính thức hóa một số bất công đối với phái nữ.

Trung Quốc đã tự đề nghị làm chủ nhân HNTGPN lần thứ tư vài tháng sau vụ tàn sát tại Thiên An Môn vì coi đó là một phương cách để phục hồi hình ảnh quốc tế của mình. Nhưng qua những gì đã xảy ra những ngày gần đây, chưa chắc gì các nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ không coi đề xướng đó như một sai lầm lớn.

Trước hết, cuộc hội nghị đã mở đầu sau một tuần lễ xung đột giữa các TCPCP với công an Trung Hoa. Ngay ngày khai mạc Diễn đàn các TCPCP, Ân xá Quốc tế đã biểu tình bằng cách giăng ra mười hai cái áo thun mang hình ảnh những phụ nữ - trong đó một người Trung Quốc - bị chính quyền bản xứ truy hại. Hai ngày sau, tới phiên các phụ nữ Tây Tạng xuống đường, tự bịt miệng lại để biểu tượng sự đàn áp của nhà nước Trung Quốc đối với nước của họ. Vào buổi khai mạc HNTGPN, hàng trăm phụ nữ đã biểu tình để chống mọi hình thức hung bạo trên thế giới và người ta thấy trên một tấm biển những chữ: "đừng quên Thiên An Môn".

Hội nghị chính thức cũng không xảy ra một cách khả quan hơn cho chính quyền Trung Quốc. Vô cùng mỉa mai, người đã hạ nhục một cách khủng khiếp chính phủ Bắc Kinh là phu nhân tổng thống Hoa Kỳ, mà chính quyền Trung Quốc đã mua chuộc sự hiện diện bằng cách phóng thích chiến sĩ nhân quyền người Mỹ gốc Hoa, ông Harry Ngô. Hillary Clinton đã kích nhà nước Trung Quốc một cách rõ rệt khi tuyên bố: "người đàn ông và người đàn bà phải có quyền lấy những quyết định [về số con] ngoài những

đe dọa, cưỡng bức hoặc bạo lực, như những biện pháp ép buộc đàn bà phá thai hay tuyệt sinh". Bà chất vấn những khó khăn mà chính phủ Trung Quốc đã gây cho các TCPCP và lợi dụng cơ hội đó để ra khỏi chủ đề phụ nữ theo nghĩa hẹp: "Tự do nghĩa là quyền tập hợp, tổ chức, bàn cãi một cách công khai. Điều ấy có nghĩa không tách rời các công dân với thân nhân của họ, bỏ họ vào tù, hành hạ họ [...] chỉ vì những người này đã phát biểu một cách ôn hòa những ý kiến hoặc quan điểm của mình". Mặc dù có sự kiểm duyệt của chính quyền Bắc Kinh, tại Trung Quốc cũng như khắp nơi trên thế giới, người ta sẽ nhớ lâu những lời nói của bà Rodham-Clinton: "Nữ quyền là nhân quyền và nhân quyền là nữ quyền. Dứt khoát phải là như thế".

Cuối cùng, sự thắng gần như hoàn toàn của phe cấp tiến được thể hiện qua bản Tuyên ngôn và một Cơ sở Hành động. Bản Tuyên ngôn thừa nhận "quyền phụ nữ là bộ phận không thể phân chia của quyền con người" và coi việc phụ nữ "tham gia quyền hành là điều cơ bản cho việc thực hiện bình đẳng". Cơ sở Hành động nhằm thúc đẩy các chính phủ xúc tiến việc nam nữ tham gia vào đời sống chính trị và đạt đến phúc lợi, tài nguyên đất nước một cách ngang nhau. Đây cũng là lần đầu tiên một văn kiện quốc tế gọi đến quyền người đàn bà có một đời sống sinh lý ngoài việc sinh đẻ: "nữ quyền gồm quyền người đàn bà làm chủ và quyết định một cách tự do và trách nhiệm trong tất cả lãnh vực liên hệ đến sinh lý của mình [...] ngoài mọi cưỡng bức, phân biệt và bạo lực". Thu hoạch của phe bảo thủ là cụm từ "quyền sinh lý" được rút khỏi bản Tuyên ngôn và câu văn "quyền thừa hưởng gia tài bằng nhau" được thay thế bởi thành ngữ "cùng có quyền thừa hưởng gia tài". Ngoài ra, họ dành nêu lên những "đe dọa chính thức" và báo cáo họ tự cho phép sẽ không thi hành một số điều khoản.

HNTGPN lần thứ tư đánh dấu sự ra đời một chiến tranh mới mà đối tượng là trào lưu dân chủ và chủ nghĩa chính thống. Trên tiền tuyến vì là một trong cái được thua của cuộc tranh chấp, nữ giới đã chỉ phương cách đấu tranh. Họ đã chứng minh dũng cảm và sáng chế là những khí giới có thể thách thức sức mạnh thô bạo của những nhà nước vô si. Một lần nữa, bằng chứng được đưa ra là chiến lược xâm nhập địch thủ để lợi dụng các kẻ hở của nó có hiệu quả hơn là thái độ đứng ngoài cuộc. Tại trung tâm của một trong những nước phản động nhất trên thế giới, phụ nữ đã mang lại phương thức đấu tranh mà những kẻ độc tài sợ nhất vì nó tế nhị nhưng cứng rắn, đơn giản nhưng rất hiệu lực.

Nhân dịp Hà Nội sắp sửa đón tiếp hội nghị Thượng đỉnh Cộng đồng Nói tiếng Pháp 1997, đối lập Việt Nam có cơ hội để áp dụng "bài học phụ nữ" một cách cụ thể. Thay vì lập trường chống đối máy móc, chúng ta nên lợi dụng biến cố này như một diễn đàn để mang tiếng nói dân chủ đến tại nước nhà. Thứ nhất, chúng ta phải tìm mọi cách để thúc đẩy những nhà tham luận ngoại quốc đặt nặng giá trị dân chủ trong các buổi trao đổi. Sau đó, trong số chúng ta, những người có phương tiện tham dự hội nghị, phải không bỏ qua cơ hội để trình bày quan điểm của những người dân chủ Việt Nam. Trong trường hợp này, chính quyền Việt Nam sẽ được đặt trước hai lựa chọn: nếu họ để các thuyết trình viên phát biểu một cách tự do thì đó sẽ là một thắng lợi thêm cho trào lưu dân chủ; ngược lại, nếu họ ra tay đàn áp thì thế giới sẽ thấy rõ bản chất của chế độ mà chính quyền Hà Nội muốn che dấu sau bề ngoài "đổi mới".

Diệp Tường Bảo

Tương lai nào dành cho Bắc Hàn ?

Nguyễn Liên Hiệp

Tranh chấp nguyên tử

Ngày 20-10-1994, Bắc Hàn và Hoa Kỳ đã ký kết với nhau một thỏa ước. Theo thỏa ước này, hai bên chấp nhận những điều căn bản như sau: Về phía Bắc Hàn, họ chịu tiếp tục ở lại làm thành viên của hiệp ước cấm phổ biến nguyên tử mà trước đây Bắc Hàn đòi rút lui. Bắc Hàn cũng đồng ý ngưng tất cả chương trình chế tạo vũ khí nguyên tử của mình. Đổi lại, Hoa Kỳ một mặt viện trợ cho Bắc Hàn hai trung tâm năng lượng chạy bằng nước nhẹ, trị giá 4 tỷ USD, thay thế các lò phản ứng nguyên tử cũ chạy bằng than chì; mặt khác, Hoa Kỳ chấp nhận bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Bắc Hàn, điều mà Bắc Hàn lâu nay đòi hỏi.

Hiệp ước căn bản này, sau khi ký xong đã xảy ra tranh chấp về kỹ thuật mà hai bên không thấy trước. Điều Hoa Kỳ muốn: Nam Hàn là quốc gia cung cấp thiết bị xây dựng hai trung tâm nước nhẹ. Trong khi đó Bắc Hàn lại muốn bất cứ quốc gia nào, ngoại trừ Nam Hàn, kẻ thù của mình. Đây là điểm tế nhị và khó xử.

Sau nhiều tranh chấp và thương lượng, tháng 6-1995, tại Kuala Lumpur, hai bên đã đi đến thỏa thuận giải quyết dị biệt trên. Theo đó, Bắc Hàn chấp thuận điều kiện của Mỹ đưa ra. Lý do đơn giản, chỉ có Nam Hàn là quốc gia duy nhất có khả năng kỹ thuật cung cấp hai lò phản ứng nước nhẹ mà thôi. Thời gian chuyển tiếp từ lúc đóng cửa các trung tâm cũ đến lúc có trung tâm mới, Mỹ chịu cung cấp nhiên liệu giải quyết nhu cầu năng lượng cho Bắc Hàn. Hai bên cũng ký kết một thông báo chung, trong đó điểm tế nhị được thông qua: tên Nam Hàn không được đề cập đến như quốc gia cung cấp lò phản ứng nước nhẹ. Thay vào đó, dự án này chuyển giao cho nhà thầu KEDO được phép tìm quốc gia cung cấp. Nhưng "châu về Hợp Phố", KEDO là chữ viết tắt của Tổ chức Phát triển Năng lượng Triều Tiên", tức tổ chức hình thành theo thỏa ước Genève, gồm 20 quốc gia, trong đó Mỹ, Nam Hàn và Nhật đóng vai chủ quản.

Khủng hoảng kinh tế

Trong lúc Bình Nhưỡng theo đuổi giấc mơ trở thành cường quốc nguyên tử, đe dọa nền hòa bình và an ninh thế giới, đến nỗi xảy ra tranh chấp với Liên Hiệp Quốc và Hoa Kỳ, thì nền kinh tế của Bắc Triều Tiên càng ngày càng đi dần đến chỗ sa sút và suy sụp. Giống tình trạng Việt Nam trước đây, sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Bắc Triều Tiên đã mất đi chỗ dựa và nguồn tiếp liệu đáng kể. Nền kinh tế mấy năm qua cứ sút giảm 5%. Cán cân mậu dịch thâm thủng, xuất khẩu 920 triệu, trong khi nhập khẩu lên đến 1,5 tỷ USD. So với năm 1988,

khả năng chỉ còn một nửa. Trong khi đó, phát xuất từ chính sách hiếu chiến với Nam Hàn, nguồn chi quốc phòng chiếm đến 20% ngân sách quốc gia. Vì đóng cửa với thế giới bên ngoài, nền ngoại viện hiện nay Bắc Hàn chỉ dựa vào hai nguồn chính. Một từ Trung Quốc, viện trợ có tính cách cầm chừng, đủ cho Bắc Hàn xoay sở. Thứ hai, đến từ cộng đồng người Đại Hàn định cư ở Nhật. Đây là tập thể đa số có thiện cảm với Bắc Triều Tiên. Nhưng kinh tế Nhật mấy năm qua bị khủng hoảng, nên nguồn tiếp viện này chỉ còn ở mức 75 triệu USD một năm. Không thấm vào đâu so với nhu cầu trong nước.

Bắc Triều Tiên 80% là núi. Diện tích canh tác còn lại không nhiều. Sản xuất nông nghiệp đáp ứng 60% nhu cầu. Vì ý thức được tầm quan trọng của vấn đề tự túc lương thực trong hoàn cảnh địa lý như vậy nên khẩu hiệu "lúa gạo là chủ nghĩa cộng sản" được đưa lên hàng quốc sách.

- Kinh tế Bắc Hàn hiện nay đang gặp khủng hoảng. Nạn thiếu hụt nhiên liệu, thiết bị xây dựng, nhất là thực phẩm xảy ra khắp nơi trong nước. Cái đói đe dọa trầm trọng. Bắc Triều Tiên đang thiếu 2 triệu tấn lương thực. Bình Nhưỡng đã kêu gọi sự giúp đỡ của Liên Hiệp Quốc, các nước Tây Phương, kể cả Nhật, đặc biệt là Mỹ, quốc gia lâu nay được coi "đế quốc đầu sỏ" liên kết với Hán Thành, kẻ thù phương Nam của mình.

Đầu năm 1995, Bắc Triều Tiên gởi một phái đoàn sang Mỹ cầu viện vấn đề thực phẩm. Tháng 3-1995, chính phủ Mỹ vì lý do nhân đạo cho phép chở đến Bình Nhưỡng 54.000 tấn bắp. Bình Nhưỡng cũng yêu cầu Nhật viện trợ một triệu tấn gạo. Dù không có gạo, hàng năm phải nhập cảng từ Trung Quốc và Thái Lan, thế mà Nhật đã quyết định cho không Bình Nhưỡng 300.000 đến 500.000 tấn trong số gạo dự trữ của mình thuộc tài khóa 1993-1994. Riêng đối với Hán Thành, sau 5 ngày thương lượng tại Bắc Kinh, Bắc Triều Tiên đã "chấp thuận" nhận "sự giúp đỡ" cho phép Nam Triều Tiên chở đến Bắc Triều Tiên 150.000 tấn gạo. Tại sao lại thương lượng? Vẫn theo cách giấu giếm và tự ái chủ nghĩa lỗi thời là Bình Nhưỡng yêu cầu trên các bao gạo không mang nhãn hiệu xuất xứ từ Nam Triều Tiên. Và hai bên cũng thỏa thuận không tuyên bố một lời nào cả về hình thức giúp đỡ này. Qua sự kiện trên ta thấy Hán Thành mang dáng dấp người anh cả, biết nhẫn nhục, khôn ngoan và có một trái tim lớn. Tưởng cũng nên nhắc lại, đầu tháng 6, Nam Hàn đã chở đến Bắc Hàn 4.000 tấn bột mì. Nguồn tin từ chính phủ Nam Hàn cho hay là một phần dân số Bình Nhưỡng bị đẩy đi các vùng nông thôn phụ cận để giúp canh tác và gặt hái.

Hậu trường chính trị

Nền kinh tế bị bế tắc như vậy, nhưng về chính trị thì cũng

không khá hơn gì.

Khi Kim Nhật Thành còn tại thế, đã chuẩn bị cho vai trò người con Kim Chánh Nhật lên thay thế mình. Người ta ghi nhận từ 1973 họ Kim đã bắt đầu đưa con ra hoạt động chính trị. Từ đó đến nay bộ máy tuyên truyền của đảng và nhà nước không ngớt huyền thoại hóa Kim Chánh Nhật như một thánh sống tái sinh để lãnh đạo đất nước. Những mẫu chuyện đại loại như khi Chánh Nhật sinh ra núi phải rung chuyển, trên trời mây ngũ sắc tụ lại, chim chóc reo vui, báo hiệu một vĩ nhân xuất thế. Bộ máy tuyên truyền còn thổi phồng về tài lãnh đạo, lòng can đảm, trí thông minh của Kim Chánh Nhật, giống như chuyện thần thoại trẻ em. Thế mà nhân dân ai cũng tin.

Di nhiên thế giới bên ngoài thì lại nhìn Chánh Nhật dưới một con mắt khác. Chánh Nhật được biết năm nay 53 tuổi. Khi cha còn sống, mọi hoạt động của Chánh Nhật chưa bao giờ thoát ra khỏi cái bóng của cha. Ông được xem như người nông nổi, lập dị, không bao giờ chú ý đến quốc ngoại. Thật sự Chánh Nhật chưa bao giờ xuất ngoại. Sự nghiệp chính trị cũng chẳng có gì sáng giá. Chánh Nhật cho đến nay được coi như là thủ phạm vụ khủng bố gây ra cái chết của 4 bộ trưởng và 13 nhân viên cao cấp của Nam Triều Tiên năm 1978 tại Miến Điện. Chánh Nhật cũng được xem là kẻ nhúng tay trong vụ nổ chiếc máy bay Nam Triều Tiên, gây tử vong cho 115 nhân mạng.

Kể từ khi Kim Nhật Thành chết, ngày 8-7-1994 đến nay, người ta chưa hề thấy Kim Chánh Nhật xuất hiện trước công chúng. Chính quyền Bình Nhưỡng cũng không chính thức công bố xác nhận Kim Chánh Nhật là người thừa kế cha trong chức vụ chủ tịch nước kiêm chủ tịch đảng như chúc thư Kim Nhật Thành để lại. Ngoại trừ một vài nhân vật chớp bu thượng tầng kiến trúc quyền lực của Bắc Hàn, không ai có thể trả lời được câu hỏi hiện nay Chánh Nhật ở đâu? Tình trạng sức khỏe? Có gia đình vợ con gì không? Ngay cả Norodom Sihanouk, thời gian lưu vong 12 năm (1979-1991) ở Bình Nhưỡng là bạn thân của Kim Nhật Thành, cũng cho biết chưa bao giờ gặp mặt Kim Chánh Nhật. Như vậy, phải chăng có điều gì không ổn sau hậu trường chính trị? Vài nguồn tin cho rằng có sự tranh chấp quyền lực trong nội bộ đảng nên chưa tiện công bố chính thức người kế vị. Tuy nhiên đến nay vẫn không có bằng chứng xác thực về nguồn tin này. MÀN BÍ MẬT bao phủ. Cho đến tháng 5-1995, mới biết được qua nguồn tin của tình báo Nam Hàn là Kim Chánh Nhật đau nặng, trải qua cuộc giải phẫu não bộ. Điều này phù hợp với sự kiện trước đó một nhóm bác sĩ thần kinh Mỹ đến Bình Nhưỡng trong vòng bí mật. Người ta biết rằng tháng 9-1993, Kim Chánh Nhật bị té khi cỡi ngựa khiến bị gãy chân và bị chấn thương não bộ. Cũng có tin là Chánh Nhật bị đá đường và đau thận nặng. Tình báo Nam Hàn cũng phân tích qua một đoạn video âm, khi Kim Chánh Nhật nói chuyện với cha lúc còn sống, và đi đến một khám phá bất ngờ là Kim Chánh Nhật bị cà lăm không phát ngôn bình thường được.

Tất cả những sự kiện trên cho ta thấy phải chăng Kim Chánh Nhật hiện nay vẫn là người nắm quyền lực tại Bắc Hàn? Tuy nhiên, do tình trạng sức khỏe và bệnh hoạn nên chưa thể

chính thức công khai xác nhận Kim Chánh Nhật vào vị trí đứng đầu cả nước. Nhưng nếu Kim Chánh Nhật là số một, thì ai là số hai trong hệ thống lãnh đạo. Câu hỏi vẫn còn bỏ ngỏ vì đến nay không thấy có hiện tượng tranh giành quyền lực ở Bắc Triều Tiên. Như để thử lại những xác quyết của mình, Hán Thành tuyên bố sẵn sàng chờ đợi cuộc họp tiếp tục lãnh tụ hai miền. Đây là cuộc gặp gỡ do chính Kim Nhật Thành đề nghị lúc còn sống. Và để tỏ thiện chí cho thái độ đứng đắn của mình về ý muốn thống nhất lãnh thổ, Hán Thành đã chính thức yêu cầu Bình Nhưỡng xác định ai là người số một của Bắc Hàn để tiếp tục cuộc thảo luận. Về phía Bắc Hàn đến bây giờ vẫn còn im lặng.

Trong vài quốc gia theo chủ thuyết cộng sản còn lại cuối thế kỷ này, so với Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, thì chính quyền Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên phải nói là chính quyền cộng sản cực đoan, cố chấp, cô lập nhất từ trước đến nay. Trong nước họ cai trị dân bằng một chế độ phong kiến còn hơn cả phong kiến. Bên ngoài thì họ tỏ thái độ bất cần, lên gân và hiếu chiến. Đặc biệt đối với Nam Hàn, họ thỉnh thoảng trích thượng đe dọa mở cuộc chiến xuống phương Nam để thống nhất lãnh thổ. Thực ra, tình trạng chia cắt đất nước hiện nay là kết quả thỏa ước đình chiến 1953, tức thỏa ước ngưng bắn. Nó không phải là hiệp ước chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình nên sự có mặt của Hoa Kỳ được xem như ý chí bảo vệ cho Nam Hàn khỏi bị thôn tính.

Tuy nhiên trước tình trạng suy sụp kinh tế, khủng hoảng lãnh đạo, cô lập thế giới bên ngoài, nhất là trước nạn đói hiện nay, Bình Nhưỡng phải tìm cho mình một lối thoát. Người ta tiên đoán Bắc Hàn đang đứng trước sự chọn lựa. Hoặc thích nghi với một trật tự thế giới mới, trong đó mở cửa đối thoại, hợp tác bình đẳng là nguyên tắc chính. Hoặc phải cô lập với chủ thuyết lỗi thời của mình. Bình Nhưỡng dường như đang phân vân trước khả năng thứ nhất. Cách đây ba năm đã có hiện tượng dò dẫm "bung kinh tế, thắt chính trị" theo mô thức Trung Quốc và Việt Nam nhưng đã thất bại, vì thói quen của một xã hội đóng kín lâu ngày, ngộp thở, không đáp ứng được lẽ lối cởi mở hiện nay. Họ cần thời gian. Bên thêm thế kỷ 21, thế giới chờ đợi Bắc Hàn một chính sách thay đổi thật sự, ít ra như những quốc gia cộng sản khác. Trường hợp này họ phải có quyết tâm. Còn nếu họ tiếp tục đi theo mô hình ý thức hệ cứng nhắc cũ, thì trong đoàn kỳ nạn thiếu thực phẩm trầm trọng, người ta e ngại có thể dẫn đến tình trạng bất ổn xã hội đưa đến rối loạn. Để giải quyết, Kim Chánh Nhật có thể mở cuộc chiến vô vọng với Nam Triều Tiên trong chiêu bài thống nhất lãnh thổ để có cơ đê bẹp những lực lượng đối kháng trong nước. Nếu như vậy thì đây là bất hạnh cho dân tộc Triều Tiên cả hai miền nói riêng và nền hòa bình khu vực nói chung. Cũng có lẽ dự đoán như thế, nên thời gian gần đây, Nam Hàn đã xử sự một cách nhân nhượng đầy sáng suốt.

Giữa kinh nghiệm Việt Nam và Đức Quốc, Hán Thành thừa thông minh để biết chọn lựa cho dân tộc mình một giải pháp tốt nhất.

Nguyễn Liên Hiệp (Hòa Lan)

Thấp chung nén nhang cho tám thảm kịch quá khứ

Nguyễn Thanh Giang

LTS: Đây là bài viết mới nhất của Nguyễn Thanh Giang. Tác giả đã chọn ngày 19-8-1995, kỷ niệm 50 năm Cách Mạng tháng 8, để đề nghị chúng ta cùng chôn vùi quá khứ và dặt tay nhau cùng nhìn về tương lai. Những xung đột vừa qua đã chia rẽ chúng ta một cách trầm trọng và ngay bây giờ chúng ta vẫn chưa thể có cùng một cái nhìn về quá khứ. Rất có thể nhiều độc giả không chia sẻ nhận định của Nguyễn Thanh Giang về giai đoạn Cách Mạng tháng 8. Điều đáng chú ý là lần đầu tiên một người đã từng thuộc "phe cộng sản" bày tỏ tình cảm với những liệt sĩ của phe Việt Nam Cộng Hòa. Chúng ta cần những tình cảm như thế, những tình cảm của những tâm hồn còn bị quá khứ trói buộc. Nén hương của Nguyễn Thanh Giang có hương thơm của tình anh em tìm lại.

Nguyễn Thanh Giang, 58, tuổi, chuyên viên tại Cục Địa Chất, Hà Nội, là một trong những người công khai lên tiếng đòi dân chủ ở trong nước.

R.S. Mc Namara đã từng toán học hóa tư duy quốc phòng của mình thông qua một hình tượng có thể rất đúng đắn "Tôi tin là quan hệ giữa chi phí quân sự và an ninh có dạng một parabol, trong đó an ninh được tăng cường khi chi phí quân sự tăng cho tới một điểm mà sau đó đường cong dừng lại, thậm chí có thể đi xuống" (1).

Ông cũng có một nhân quan chính trị đẹp khi ông lưu ý rằng "Khoảng cách nguy hiểm hiện có giữa các nước giàu và nghèo đang ngày càng rộng ra và sự nghèo khổ trong các quốc gia làm nảy sinh căng thẳng về chính trị, về xã hội và thường bùng lên thành xung đột giữa các quốc gia" (1).

Nhà quản lý kinh doanh tốt nghiệp cao học ở trường đại học Havard đang làm chủ tịch công ty ô tô Ford, thì đột nhiên được tổng thống J.F. Kennedy bổ nhiệm làm bộ trưởng quốc phòng. So với bảy vị tiền nhiệm, R.S. Mc Namara là bộ trưởng quốc phòng Hoa Kỳ trẻ nhất. Lúc đó ông mới 44 tuổi. Ông tự xác định là khi được đề bạt bộ trưởng quốc phòng, tổng thống Kennedy kỳ vọng rằng ông "sẽ đem lại cho quân đội kỹ thuật quản lý của giới kinh doanh" (1).

Có lẽ một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất trong quãng đời quan chức của ông Mc Namara tại Lầu Năm Góc là việc ông được tổng thống Johnson khấn khoản triệu hồi, từ buổi đi xem trận đấu bóng đá, có con trai giữ chân trung vệ, về để lo điều chỉnh khẩn cấp giá hàng nhôm. Ông đã đáp ứng được lòng mong mỏi của tổng thống một cách xuất sắc. Chỉ sau mấy ngày ra tay, không những ông chặn đứng được tốc độ tăng mà còn hạ được giá nhôm, giải quyết được mối lo về tác động gây lạm phát trên phạm vi cả nước.

Khi đó ông không phải là bộ trưởng bộ thương mại, cũng không phải là bộ trưởng bộ tài chính mà vẫn là bộ trưởng quốc phòng. Thế mà định mệnh cứ lôi cuốn ông tham gia vào các quyết định về Việt Nam để rồi "đã sai lầm, sai lầm khủng khiếp" đến nỗi "mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại sai lầm như vậy" (1).

Trong lời nói đầu cuốn hồi ký của mình, ông cảnh báo "Tôi cho rằng những người viết hồi ký rất hay dựa vào ký ức của mình. Dù ý định của họ có ngay thực đến mấy thì điều này luôn đưa họ đến chỗ chỉ nhớ lại những gì họ muốn nhớ - những gì họ mong đã xảy ra - chứ không phải là những gì đã thực sự xảy ra. Tôi đã giảm đến mức tối đa cái nguy cơ thực tế đó của con người" (1).

Người ta tin ông trung thành với đỉnh ước ấy khi ông kể lại câu chuyện xảy ra vào tháng 8-1966 lúc ông và gia đình đang chờ lên máy bay ở sân bay Seattle sau cuộc leo núi ở Mont Rainier với Jim, người Mỹ đầu tiên chinh phục đỉnh Everest, thì một người đàn ông tiến đến chửi mắng "đồ sát nhân" và nhả vào mặt ông. Một

lần khác, khi ông và vợ ông đang ăn trưa trong một nhà hàng trên núi Aspen vào dịp nghỉ lễ giáng sinh thì một phụ nữ cũng tiến đến hét to cho cả phòng nghe thấy "Kẻ thiếu sống trẻ em! Máu vẫn còn dính trên tay người đấy!".

Ông bị coi là đã đồng lõa với tổng thống Johnson lôi cuốn nước Mỹ sa lầy vào chiến tranh Việt Nam, đặc biệt là thông qua nghị quyết Vịnh Bắc Bộ ngày 7-8-1964. Ông loay hoay tốn nhiều giấy mực mong làm sáng tỏ điều nghi vấn là, vào các đêm 2-8-1964 và 4-8-1964, Mỹ đã cố ý khiêu khích hay Việt Nam tự ý chủ động sử dụng các tàu ngầm tiêu lôi tấn công các tàu khu trục Maddox và Turner Joy của Mỹ. Đến nay điều đó phỏng còn có ích gì khi mà chính ông cũng đã biết "Bắc Việt Nam, trong lịch sử chính thức về chiến tranh của mình, đã khẳng định họ ra lệnh tấn công Maddox. Khi bị tấn công, Maddox đang nằm trong hải phận quốc tế, cách hải phận Bắc Việt Nam trên 25 hải lý" (1).

Những người lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam không chỉ dám ra lệnh tấn công tàu Maddox mà còn khẳng định từ lâu rằng: "Khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, Ban chấp hành Trung ương Đảng ta đã sớm xác định được kẻ thù mới là đế quốc Mỹ... Rõ ràng, đế quốc Mỹ không chỉ là kẻ thù chính và trực tiếp của toàn dân ta mà còn là kẻ thù nguy hiểm nhất của loài người tiến bộ. Cho nên quyết đánh và quyết thắng Mỹ trở thành tư tưởng lớn của thời đại" (2).

Thật là ngạc nhiên khi đọc thấy thái độ hả hê, thích thú qua các dòng này "Tổng cộng, các máy bay của hải quân Mỹ đã bay 64 lần đánh phá các căn cứ hải quân và khu cung cấp nhiên liệu cho chúng. Điều này được coi là thích hợp để trả đũa cho ít nhất là một, và có thể là hai, cuộc tiến công tàu chiến Mỹ" (1). Không biết có thể hiểu đây là biểu hiện của sự hiểu thắng vụn vặt hay của thái độ trịch thượng kẻ cả chỉ muốn lăm lăm dạy cho thiên hạ một bài học.

Điều kỳ lạ là khi lâm trận rồi mà một bên đã khẳng định "nắm lấy thất bại Mỹ mà đánh..., còn cái lai quần cũng đánh..., sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân..., kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn, đồng bằng và thành thị...; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ..." (2) thì bên kia dò dò dẫm dẫm trả đũa... leo thang... chiến tranh cục bộ... chiến tranh hạn chế...

Trước một trận đánh mà ông tướng tổng chỉ huy chỉ lẩn quẩn qua lẩn quẩn "Hiển nhiên là chúng ta không muốn làm điều đó cho

đến khi chúng ta biết rõ điều gì đã xảy ra" (1) để rồi, đi đánh xong về, ngồi lẩm bẩm tính toán không biết là đã trả đũa được cho một hay hai cuộc tiến công của đối phương. Người ta có thể yêu quý chàng sinh viên Mc Namara "xem toán học như là một quá trình tư duy, một thứ ngôn ngữ dùng để diễn đạt phần lớn các hoạt động của con người... coi việc xác định số lượng là một thứ ngôn ngữ để tăng thêm tính chính xác cho việc lý giải thế giới" (1) nhưng toán học hoá tư duy chiến lược quân sự một cách thô sơ như trên thì không thích hợp với một ông tướng đang điều hành một cuộc chiến ngắn ngang đầy biến động.

Sĩ quan tình báo cao cấp Mỹ Philip Davidson đã đưa ra những nhận xét đáng lưu tâm "Chúng ta phải nhảy nhót theo vũ điệu chiến lược của Bắc Việt Nam..., Mỹ cho Bắc Việt Nam quyền chủ động chiến lược, một phần thưởng đặc biệt quý giá". "Sai lầm của chủ nghĩa dân tộc thượng đẳng đã dẫn đến một vụ thu hoạch gồm những thiếu sót và những điều không may trong chiến tranh Việt Nam. Mỹ tham gia chiến tranh với ý nghĩ rằng, với một lực lượng quân sự tối thiểu thêm vào, sẽ buộc Bắc Việt Nam chấm dứt xâm lược miền Nam. Chúng ta đã đánh giá quá thấp thái độ kiên quyết của Hồ Chí Minh và Bộ chính trị của ông ta trong việc thống nhất Việt Nam dưới chế độ cộng sản... Chúng ta cũng không bao giờ hiểu được rằng nếu đó là một cuộc chiến tranh hạn chế đối với Mỹ thì đó lại là một cuộc tranh đấu sống chết đối với những người cộng sản Việt Nam" (3).

R.S. Mc Namara tự cho rằng việc dính líu của ông tới Việt Nam đã kết thúc sau khi ông rời phòng họp phía đông của tòa nhà trắng từ 7 năm trước, từ khi Mỹ rút khỏi Việt Nam. Nhưng trong ký ức của ông vẫn cứ thường vang vọng những câu thơ trong bài thơ "Lâu đài" của R. Kipling:

"Tất cả những gì đã làm xong đều bỏ lại

Cho niềm tin vào những năm vô vọng mai sau" (1).

Theo Mc Namara, có 11 nguyên nhân chính gây nên thảm bại của Mỹ tại Việt Nam, trong đó nguyên nhân được ông nêu lên hàng thứ hai là "Chúng ta đã đánh giá nhân dân và các nhà lãnh đạo Việt Nam theo kinh nghiệm của chúng ta. Chúng ta đã không nhìn thấy ở họ niềm khao khát và quyết tâm chiến đấu giành tự do và dân chủ" (1). Ông cho rằng như thế là sai lầm. Có đúng như vậy không?

Tự do và dân chủ luôn là niềm khao khát mãnh liệt của nhân dân Việt Nam, có lẽ không kém một dân tộc nào trên thế giới. Chính Hồ Chí Minh, nhờ gương cao khẩu hiệu "không có gì quý hơn độc lập tự do", đã tập hợp được sức mạnh chiến thắng trong cuộc chiến tranh đó. Ngay cả khi đất nước còn bị đế quốc Pháp đô hộ, đã có thời kỳ dài mục tiêu tranh đấu cho dân chủ tự do được nêu lên hàng đầu cho cách mạng Việt Nam. Lê Hồng Phong, khi chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng tháng 7-1936 tại Thượng Hải đã chỉ ra rằng "Tuy nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là đánh đổ đế quốc Pháp và giai cấp địa chủ phong kiến để thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng, vẫn không thay đổi, song trong lúc này vẫn chưa phải là nhiệm vụ cách mạng trực tiếp. Yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống". Cần lưu ý đến cách sắp xếp thứ tự ưu tiên giữa ba yêu cầu: Tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Tinh thần này còn xuyên suốt mãi về sau trong tiêu đề của tất cả các văn thư sau ngày cách mạng tháng tám thành công khi vị trí của chữ tự do vẫn được đặt trước chữ hạnh phúc: Việt Nam dân chủ cộng hòa - Độc lập tự do hạnh phúc.

Niềm khao khát ấy, tinh thần ấy tồn tại chung trong mọi người dân cả bắc và nam Việt Nam. Khi miền Bắc có Xô Viết Nghệ Tĩnh thì miền Nam có Nam kỳ khởi nghĩa, nổ ra trên một phạm

vi rộng tới 8 tỉnh. Chẳng những thế, vào những năm tiền khởi nghĩa, phong trào nông dân Nam kỳ cũng đã từng mạnh nhất trong ba kỳ.

Về điểm này, đương kim tổng thống Hoa kỳ Bill Clinton có cái nhìn tinh tế hơn, thấu đáo hơn khi ông tuyên bố "Tôi tự hào là có được chung quan điểm này với các cựu chiến binh xuất sắc của cuộc chiến tranh Việt Nam. Họ đã phụng sự tổ quốc họ một cách dũng cảm. Họ thuộc những đẳng phái khác nhau. Một thế hệ trước đây đã có những đánh giá khác nhau về cuộc chiến tranh đã từng chia rẽ chúng ta hết sức gay gắt. Nhưng giờ đây họ có cùng một suy nghĩ. Họ nhất trí với nhau rằng đã đến lúc nước Mỹ phải tiến lên phía trước về vấn đề Việt Nam... Giờ đây người Việt Nam đã được độc lập và chúng ta tin tưởng rằng bước đi này (việc bình thường hóa quan hệ) sẽ giúp mở rộng tự do ở Việt Nam và việc làm này đã giúp cho các cựu chiến binh ưu tú Việt Nam tiếp tục vận động cho nền tự do đó" (5). Nếu chia sẻ sâu sắc với những nhận thức trên đây của tổng thống Bill Clinton thì lời sám hối của Mc Namara "Tôi thực sự tin rằng chúng tôi đã mắc sai lầm không phải về nhận thức các giá trị và mục đích, mà là về phán đoán và khả năng" (1) mới có ý nghĩa.

Để kết thúc cuốn hồi ký "Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam", cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ viết: "Cuối cùng tôi muốn đề cập đến số phận của những người lính Mỹ đã chiến đấu ở Việt Nam và đã không bao giờ trở về. Có phải sự thiếu khôn ngoan trong việc can thiệp của chúng ta đã vô hiệu hóa nỗ lực và sự hy sinh của họ? Tôi nghĩ là không. Họ không làm ra những quyết định. Họ là những người đáp theo tiếng gọi của dân tộc, ra đi chiến đấu. Họ đã đi tới nơi chết chóc, nhân danh cho dân tộc. Và họ đã cống hiến cuộc sống của mình cho tổ quốc và những lý tưởng của tổ quốc họ" (1).

Sao lại chỉ có vậy? Sao lại chỉ biết nhấn mạnh "bất kỳ sự cải thiện trong quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam đều dựa trên tiến bộ đạt được về vấn đề những người Mỹ mất tích trong khi làm nhiệm vụ hay bị bắt làm tù binh" (5). Thế còn những người lính Việt Nam thì sao? Cũng may mà ông Mc Namara đã không dung nạp những đề nghị hàm hồ trong lời gào thét đầy miền Bắc Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá" của tướng Curtis Lemay. Dẫu sao, với sở thích thống kê, có lúc ông cũng đã từng nhấm nháp các con số theo kiểu thế này: "Một điều khích lệ đối với chúng ta ở Việt Nam trong năm qua là số lượng lớn quân địch bị chết trận. Đó là kết quả của các chiến dịch quân sự lớn. Dù có phóng đại trong các báo cáo thì số tổn thất của địch là hơn 60.000 người mỗi năm" (1).

Ai phải chịu trách nhiệm đối với những con số ghê rợn kể ra sau đây? Phía Việt Nam: 1.100.000 liệt sĩ, 559.000 thương bệnh binh, hơn 300.000 người mất tích, hơn hai triệu dân thường bị chết, hơn hai triệu người lớn và trẻ em bị tàn tật vì bom đạn... Phía Mỹ: 58.000 người cả nam lẫn nữ. Đây phải là nỗi đau chung. Và, trước cái đống xương vô định cao bằng đầu ấy, trách nhiệm phải thuộc về tất cả những ai đã gây cuộc binh đao quá tàn khốc, quá lâu dài như vậy! Vẫn chưa hết. Những con số thống kê trên còn khuyết hẳn một mảng rất lớn. Đó là con số những quân đội của tổng thống Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu hay của tướng Nguyễn Khánh... Ai mặc mặt cho họ, ai gọi hồn cho họ??!!

Năm 1977 tôi đã từng gặp những thương phế binh, thậm chí mất cả tứ chi, chỉ còn lại thân mình, nằm phơi trên nhựa đường, dưới cái nắng thiêu đốt bên chợ Bến Thành. Ít năm sau đó, trên hành trình đi lấy mẫu Cổ tử, tôi vẫn còn gặp những cựu chiến binh lê lết trong bùn nhầy nhựa ở các chợ nhỏ Đức Trọng, Đông Hà,... tay ôm khư khư chiếc ăng gô gô cầu bần. Có phép thần nào cứu họ

còn sống được đến ngày nay không? Họ đã được chôn cất như thế nào?

Theo báo cáo của Bộ Lao động và Thương binh xã hội, tính đến nay có hơn 600.000 hài cốt liệt sĩ đã được quy tập và dự kiến đến tháng 7-1997 sẽ cơ bản hoàn thành việc tìm kiếm khoảng 400.000 hài cốt liệt sĩ còn lại. Đạt được như vậy thì tốt. Nhưng, nếu chỉ thế thôi thì trên đất nước này đâu đó vẫn còn nhiều lắm những:

"Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,...

Mặt chinh phu trắng giời giời soi".

Mấy năm gần đây một số người mẹ mất con, vợ mất chồng trong các cuộc chiến đã được nhà nước quan tâm săn sóc hơn. Nhìn những bộ mặt nhăn nheo, vạc đi vì đau khổ, những bàn tay khô quắt rưng rưng đón góì quà hay bước chân run rẩy đặt lên thềm "ngôi nhà tình nghĩa" ai cũng thấy xúc động, với một chút mừng vui an ủi lẫn ngập tràn thương cảm xót xa. Sự bù đắp này muộn màng và nhỏ nhoi làm sao! Càng ân hận hơn khi chợt nhớ đến quá nửa số người mẹ, người vợ không còn đủ sức sống tới ngày hôm nay để nhận sự bù đắp đó. Dấu sao, ít và muộn nhưng có còn hơn không. Chỉ e rằng còn rất nhiều người mẹ, người vợ, cũng có chồng có con là người Việt Nam, cũng đã từng ra trận và từng ngã xuống trên mảnh đất này nhưng chẳng những chẳng được ai đoái hoài mà còn bị đẩy sang một thế giới ghê lạnh. Họ vừa mang chung nỗi đau mất chồng, mất con của người phụ nữ, lại còn chịu chồng chất thêm cái đau bội phần của sự phân biệt đối xử, kỳ thị, thậm chí hắt hủi. Ai giúp họ tìm kiếm hài cốt chồng con? Ai cứu mạng, chăm sóc những ngày sống tàn sót còn lại và vong linh họ mai sau! Con số những thân phận hẩm hiu, tủi buồn, những nỗi lòng tan tác kia không thể nhỏ, bởi nếu từ một phía, chỉ tính riêng con số đạt tiêu chuẩn "bà mẹ Việt Nam anh hùng" đã tới hai trăm chín mươi ngàn người.

Cựu bộ trưởng quốc phòng Mc Namara xem một phần quá khứ của ông tại Việt Nam là một tấm thảm kịch đầy đau khổ. Song, ông lại tự xoa dịu bằng cách viện dẫn lời của nhà viết kịch Hy Lạp cổ đại Aeschylus "phần thưởng cho nỗi khổ đau là kinh nghiệm".

Kinh nghiệm để làm gì? Kinh nghiệm thì có ý nghĩa gì nếu không có hành động thiết thực để xoá đi hoặc ít ra là làm dịu nỗi đau.

Hãy thấp chung tấm nhang cho tấm thảm kịch quá khứ để tất cả những linh hồn đã khuất đều được mát mẻ, để tâm linh chúng ta trở nên bác ái và dễ hòa hợp hơn. Từ đây chúng ta mới có thể cùng tổng thống Bill Clinton "tin tưởng mạnh mẽ rằng việc cuốn người Việt Nam vào mặt trận kinh tế rộng lớn của cuộc cải cách kinh tế và mặt trận rộng lớn của cải cách dân chủ sẽ giúp tôn vinh sự hy sinh của những người đã chiến đấu vì tự do ở Việt Nam"(5).

Nguyễn Thanh Giang

Hà Nội

(1) Robert S. Mc Namara, *Nhìn lại quá khứ - Tấm thảm kịch và những bài học về Việt Nam*.

(2) Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và những bài học...*

(3) Philip Davidson, *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*.

(4) Nguyễn Thanh Giang, Thư gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ngày 20-11-1993.

(5) Bill Clinton, *Tuyên bố ngày 14-7-1995 về việc Hoa kỳ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam*.

Trang điểm đời sống cho ai?

Nghiêm Phong Tuấn

Bên nhà mới có lệnh cấm việc bán rong trên lề đường ở các đô thị. Thế là thủ đô Hà-nội đẹp bỏ được một hình ảnh làm người ngoài thấy sự chậm tiến của dân mình.

Nhưng còn hàng trăm ngàn người sinh sống bằng nghề bán rong, bỗng dưng mất hết công ăn việc làm, thì không biết nhà nước giải quyết vấn đề của họ thế nào.

Lệnh mới ra này lại làm ta nhớ đến lệnh cấm pháo trong dịp Tết vừa qua.

Làm pháo là một nghề rất thịnh ở nước nhà. Ngoài Bắc thì gần Hà-nội có làng truyền thống làm pháo từ xưa. Nhờ nghề làm pháo họ đã trở nên giàu có. Lệnh cấm pháo làm họ mất cả một nguồn tài lớn. Họ cũng được bù vốn. Nhưng được bù vốn đâu phải là kiếm ra tiền.

Nghề bán rong không giàu nhưng cũng là nghề sống được. So với mức sống trung bình trong nước thì những người bán rong, đặc biệt những người bán hàng ăn trên lề đường Hà-nội, chắc cũng không thuộc vào hạng nghèo khổ lắm. Họ làm một nghề vất vả. Nhiều người (hầu hết là phụ nữ), ngày ngày đạp chõ cả một quầy hàng nặng từ ngoại thành vào trung tâm thành phố, bán một buổi, hay cả hai buổi, xong lại xe đạp chở đồ về nhà. Nghề này trung bình có nhẽ cũng cho người ta được khác sung túc. Ít ra, họ cũng có vẻ kiếm đủ cho gia đình được sống một cuộc đời không phải thiếu thốn. Lệnh cấm làm họ bỗng nhiên mất cả cái kế sinh nhai.

Cấm bán rong hay cấm đốt pháo, nhà nước đã phạm đến hạnh phúc của nhiều người, và còn làm hại một phần nào nữa cho nền kinh tế nước nhà.

Lệnh cấm đã làm cho bao nhiêu người đang sống yên vui, phải sa vào cảnh khốn cùng thất vọng. Quyền hưởng hạnh phúc là một quyền được ghi trong tiêu ngữ của nhà nước. Do những vụ cấm này nhà nước làm tan vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình mà không thấy có kế hoạch nào để đền bù cho họ.

Về mặt kinh tế thì trong trước mắt, lệnh cấm đã làm mất đi một nguồn lợi tức của một số người dân, tức đã làm mất đi phần đóng góp của họ vào kinh tế nước nhà.

Trong tương lai khả năng đóng góp vào việc xây dựng kinh tế của họ lại còn quan trọng hơn nữa.

Đặc biệt là người ở những làng làm pháo. Sống quen trong cảnh giàu có do tay người thân thuộc tạo nên, họ tự nhiên thu nhiệm được cái óc kinh tế nó cho họ tiềm năng lập nên được cơ nghiệp lớn. Một điều nữa là nghề của họ là một nghề cha truyền con nối, sự thành công của họ có rễ sâu trong phong tục đất nước, vì thế ta có thể tin rằng, dù họ có học thêm những kỹ thuật Âu Mỹ cần thiết, con đường xây dựng của họ nó sẽ phảng phất một hương vị dân tộc đặc biệt.

Dù có khả năng lập nên nghiệp lớn hay không, một người dân mà đã biết tự tạo ra việc làm để đủ nuôi sống gia đình thì cũng là một viên gạch quý trong công cuộc xây dựng kinh nước nhà. Đặc biệt trong tình cảnh hiện tại. Những cơ nghiệp lớn mình cần phải dựng nên, nó không thể bột phát ở đâu mà ra. Nó phải được nuôi dưỡng trong một môi trường có nhiều cơ nghiệp nhỏ, có đông đảo người dân được sung túc dồi dào. Bằng không, nó sẽ là những cơ nghiệp của người nước ngoài, dùng một số người mình để khai thác ra nguồn lợi nước mình. Và do đó xã hội mình tách ra thành một giai cấp thật giàu, phục vụ quyền lợi của nước ngoài và một giai cấp thật nghèo. Đó là sự chia rẽ nước mình chưa từng thấy bao giờ mà hiện thấy ở nhiều nước trên thế giới.

Những đạo luật nói trên, có hại như ta đã thấy, nhưng dĩ nhiên không phải không có lý do đích đáng ở một khía cạnh nào.

Ta được biết rằng cấm đốt pháo là vì có nhiều tai nạn gây ra vì pháo. Nếu quả thật pháo có gây ra tai nạn, thì thiết tưởng chỉ cấm thứ pháo nguy hiểm thôi chứ, cần đâu phải cấm hết.

Còn những hàng bán rong bên đường, lý do bị cấm, ta để hiểu là lý do thẩm mỹ, và là lý do thể diện.

Ở Hà-nội có vài nơi có hàng bán đồ ăn trên lề đường: những phố chung quanh Cửa Nam, một vài đoạn trong những phố lớn như phố Ngô Quyền, Bà Triệu. Không phải la liệt chỗ nào cũng có. Ở những phố bán như thế, những quầy hàng bày ra, thấy cũng chẳng có gì làm cản trở cho việc đi lại trên hè.

Đã đành rằng cho những quầy hàng bán rong đặt lấn vào chỗ người đi lại thì không được chỉnh tề cho lắm. Nhưng ta thử nhìn rõ cái hại là thế nào. Có người nghĩ rằng vì đó mà thành phố của ta mất đi vẻ đẹp, hoặc không được xứng đáng với những đô thị tân tiến trên thế giới.

Không đẹp, không xứng đáng trong mắt ai? Những đô thị lớn bên Á Đông, từ Vọng Các đến Bắc Kinh, nơi nào cũng tấp nập những hàng bán đủ đồ trên lề đường.

Khách du lịch Tây phương qua thăm Á Đông, không thấy ai đánh giá những cảnh tượng hàng bán bên đường như thế là thiếu văn minh hoặc đáng chê về một góc độ nào. Đối với họ đó là những cảnh lạ, cho họ đầy kỷ niệm để đem về làm chuyện vui với chúng bạn.

Đối với người Việt thì cái cảnh bán rong bên đường không thể có gì là nghịch mắt. Những quầy bán đồ ăn có thể gọi là đủ sạch sẽ. Có nhẽ còn dễ tin hơn những hàng bán trong nhà. Vì ở bên đường, ăn cái gì ta nhìn thấy hết; những chõng bát đĩa chờ đợi khách ăn, thường thường thì sạch sẽ bóng nhoáng. Những Việt kiều về nhà ăn uống mà đau bụng, không chắc họ đã ăn ở bên đường, và lý do đau bụng không phải là đồ ăn thiếu vệ sinh (mà cũng không phải vì họ không yêu nước), lý do là bao tử của họ không quen với đồ ăn, có thể thôi.

Nước mình nghèo, có người phải bán rong để sống. Thành phố mình chưa đủ tổ chức thì họ phải bán ở chỗ đi lại. Có gì mà hổ thẹn.

Đẹp lề đường cấm người bán rong đâu phải là một việc cấp bách đến thế. Thông thả, giao hẹn trước vài năm cho họ có thì

giờ lo liệu thì đâu đã muộn?

Ở các nước văn minh, những người có học thức, tức là những có khả năng chi phối dư luận quần chúng, không ai đánh giá mình thấp vì mình không được giàu có như họ. Họ đánh giá mình theo những tiêu chuẩn luân lý cao hơn. Đối với người hiểu biết thì không biết tôn trọng phẩm giá con người mới là thấp kém. Giăm cầm người vì lý do tư tưởng mới là thiếu trình độ.

Dù nghèo nàn trong hiện tại, dân mình có khả năng đứng ngang hàng với những nước văn minh nhất trên thế giới. Đứng ngang hàng tức là để họ coi mình như thuộc vào vòng nội những nước bạn thật sự, vì mình chia sẻ với họ những giá trị căn bản của thế giới văn minh. Điều này không phải không có tác dụng trong thực tế.

Những nước Tây phương, vì cần cho hòa bình trên thế giới, ít nhiều cũng sẽ giúp mình, và cũng đã giúp. Sau này Trung Quốc có thể sẽ chia ra làm ba bốn nước như lịch sử đã cho ta từng thấy, hoặc sẽ trở thành một nước dân chủ, như những người yêu chuộng hòa bình đều mong muốn. Bằng không, Trung Quốc sẽ là một mối đe dọa cho sự an ninh của thế giới. Rồi đến lúc các nước chung quanh, đặc biệt nước Mỹ, sẽ phải tìm cách ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc. Vì thế, ta có thể tin rằng mặc dầu vấn đề nhân quyền, Mỹ sẽ có kế hoạch giúp Việt Nam.

Nhưng sự giúp đỡ miễn cưỡng vì địa chính, nó chỉ là sự viện trợ nhỏ giọt của nhà nước mà thôi mà nó lại không khỏi có nhiều hậu ý.

Ở một nước dân chủ như nước Mỹ, tư gia có khi có phương tiện còn hơn nhà nước. Bỏ được cái nạn tù nhân chính trị, ta rất có triển vọng gây nên một làn sóng tình cảm cho dân ta, trong dư luận các nước tiên tiến. Được dư luận ủng hộ thì ta sẽ thu được một sự giúp đỡ ào ạt muôn hình muôn dạng. Nó sẽ đỡ được cho ta hàng chục năm trong công cuộc xây dựng kinh tế nước nhà.

Cử động để nhằm được nước ngoài giúp đỡ, không phải là ta sẽ "theo" họ, hoặc là ta muốn từ bỏ những vẻ đẹp dân tộc của ông cha ta để lại.

Xưa kia ở bên Mỹ có phong trào ủng hộ Trung Hoa khá mạnh. Bấy giờ lãnh đạo nhà nước Trung Hoa là Thống Chế Tưởng Giới Thạch. Hồi đó Tưởng phu nhân là một trong những người phụ nữ được dư luận Mỹ ái mộ nhất trên thế giới. Một hôm, được Câu Lạc Bộ Báo Chí mời đến nói chuyện, bà đã tuyên bố: "*Tôi thì chỉ có vẻ mặt là Trung Hoa thôi*" (*The only thing Chinese me is my face*). Nhớ đến câu này, ta hiểu ngay tại sao trong cuộc Mao Tưởng tranh hùng, phe Mao đã thắng.

Ta không cần từ bỏ nguồn gốc như thế. Nhận viện trợ của nước ngoài, ta vẫn là ta. Hà Nội ba mươi sáu phố phường sẽ cải tiến theo lối của ta. Trong tạm thời nếu người dân nghèo có cần lấy nghề bán rong làm kế sinh nhai thì họ vẫn phải được sống. Trong tâm hồn, ngoại trừ bộ mặt cho đến đầu ngón chân, Giao Chỉ hay không, ta vẫn cứ là người Việt Nam.

Nghiêm Phong Tuấn

Tài liệu về vụ án "xét lại chống Đảng"

Đơn khiếu nại của ông Lê Hồng Hà

LTS. Ngày 26-6-1995 thành ủy Hà Nội đã ra quyết định khai trừ hai ông Lê Hồng Hà và Nguyễn Trung Thành. Lý do là hai ông "có hoạt động chống Đảng, gây rối chính trị". Vụ án "xét lại chống Đảng" càng ngày càng có chiều hướng nở bung, không thể dập tắt, đẩy đảng cộng sản vào thế lúng túng, làm lộ rõ "mặt thật" của những cán bộ lãnh đạo cao cấp. Đơn khiếu nại của ông Hà dài 16 trang đánh máy mà khuôn khổ tờ báo Thông Luận có giới hạn nên chúng tôi xin giới thiệu tài liệu này với bạn đọc qua hai số báo, số tháng này và số tháng 11 sắp tới.

Hà Nội ngày 18-7-1995

Kính gửi : Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII

Tôi là Lê Hồng Hà, đảng viên từ năm 1946, vừa bị kỷ luật khai trừ trong tháng 6-1995, đưa đơn khiếu nại này lên Ban chấp hành Trung ương theo như quy định trong điều 37 của Điều lệ Đảng.

Sở dĩ tôi phải khiếu nại lên Ban chấp hành Trung ương Đảng vì ba lẽ :

1. Tôi hành động hoàn toàn đúng với nghĩa vụ và quyền hạn của đảng viên đã được ghi trong Điều lệ Đảng thế mà lại bị khai trừ ra khỏi Đảng.
2. Cách làm việc của Bộ chính trị, của Ủy ban kiểm tra Trung ương Đảng (khóa VII) có phần thiếu khách quan và thiếu ý thức trách nhiệm.
3. Các tổ chức Đảng của Hà Nội, dù không hiểu thực chất của vụ án, nhưng vì phải chấp hành nghiêm chỉnh Thông báo số 111 ngày 14-4-1995 của Bộ chính trị do ông Lê Đức Anh ký, đã vội vã khai trừ với tốc độ kỷ lục tôi và Nguyễn Trung Thành - hai đảng viên tốt ra khỏi Đảng - chỉ vì tôi "có lương tâm và dũng khí đề nghị giải oan cho hàng trăm người vô tội, bị oan khuất gần 30 năm nay", chỉ vì tôi "đảm thực hiện quyền của đảng viên ghi trong điều 3 của Điều lệ Đảng ". Các lời buộc tội đối với tôi chỉ là sự phê phán tùy tiện, vô nguyên tắc mà dưới đây sẽ được trình bày rõ. Vì vậy chính các tổ chức Đảng của Hà Nội đã làm trái với Điều lệ Đảng được đại hội VII thông qua.

Tôi gửi đơn khiếu nại lên Trung ương, là cơ quan cao nhất của Đảng giữa hai nhiệm kỳ đại hội, có quyền kiểm tra công việc của các cơ quan do mình bầu ra như Bộ chính trị, ủy ban kiểm tra trung ương. Rất có thể những người có quyền thế sẽ dìm đi, không để cho Trung ương Đảng biết và bàn.

Cũng như trước đây, khi giúp đ/c Nguyễn Trung Thành đánh máy và gửi "Thư 3-2-95 đề nghị giải oan cho những người vô tội", tôi hoàn toàn không vì lợi ích cá nhân của tôi, thì lần này tôi làm đơn khiếu nại với Trung ương cũng không phải vì lợi ích cá nhân của tôi, không phải vì vấn đề đả kích của tôi còn hay mất.

Đơn khiếu nại này nhằm vào hai mục tiêu chủ yếu :

- a. Đề nghị ban chấp hành Trung ương Đảng xem xét giải oan cho hàng trăm người đã bị oan khuất, khổ đốn gần 30 năm nay (con số 32 nêu trong thư 3-2-95 chỉ nói đến những người bị giam giữ) qua đó cứu vãng uy tín của Đảng, của nhà nước, của chế độ ta. Tôi vẫn tin tưởng mãnh liệt vào sự thật mà không có một quyền lực nào dù to đến mấy có thể "đổi trắng thay đen" được.
- b. Đề nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng kiểm tra lại cách làm việc của Bộ chính trị, của Ủy ban điều tra trung ương, của Đảng bộ Hà Nội và hủy bỏ hai quyết định kỷ luật và khai trừ ông Lê Hồng Hà và ông Nguyễn Trung Thành để lấy lại uy tín và kỷ cương của Đảng. Hai quyết định kỷ luật này thực tế là một vết nhơ trong sinh hoạt chính trị của Đảng. Trong cách chỉ đạo của Bộ chính trị và Đảng bộ Hà Nội vừa qua, tôi thấy tái diễn lại

phong cách tư duy và hành động sai lầm của thời kỳ cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức trước kia.

Từ những sự kiện nói trên rút ra những bài học cho Đảng và nhà nước ta để tránh tái phạm những sai lầm đã lặp đi lặp lại nhằm xây dựng một đảng thực sự vì dân, một nhà nước pháp quyền vì dân, do dân, của dân.

Tôi chỉ có một tội : "Có lương tâm và dũng khí đưa ra kiến nghị giải oan cho những người vô tội"; và một đại tội : "quá tin vào lương tri và ý thức trách nhiệm của một số người lãnh đạo của Đảng; quá tin vào các điều khoản trong Điều lệ Đảng"

Trung ương có thể lập một ban thẩm tra lại các vụ án và thẩm tra cách làm việc của Bộ chính trị, của ủy ban kiểm tra trung ương, của ban bảo vệ chính trị nội bộ, của đảng bộ Hà Nội. Tôi tạm gọi đây là ban Bao Công. Ban này gồm có một số người có uy tín, có công tâm và không hề dính líu đến quá trình xét xử vụ án trước và nay.

Ban này sẽ nghiên cứu lại một cách có hệ thống các loại tài liệu, các ý kiến khác nhau, xem xét kỹ các hồ sơ hồi cung, các bản luận tội, các đơn khiếu oan và cũng có thể gặp gỡ một số cán bộ bị xử trí oan trong vụ này.

I. Thủ pháp thì "cao tay" nhưng hoàn toàn trái ngược với tư tưởng Hồ Chí Minh

Tôi đang viết đơn khiếu nại này thì được nghe nói về Hội nghị ngày 13-7-1995 do ban bí thư triệu tập các cán bộ lâu năm để nghe thông báo về tình hình an ninh chính trị. Hội nghị này do ông Đào Duy Tùng (ĐDT) chủ trì và hai báo cáo viên chính là ông Lê Minh Hương (LMH), thứ trưởng bộ nội vụ và ông Nguyễn Đình Hương (NDH), trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương Đảng. Tôi đành phải viết bỏ xung vào ngay trong đơn khiếu nại này.

Với việc đề ông Đào Duy Tùng đọc lời khai mạc và đưa ông LMH ra báo cáo đầu tiên, một số người lãnh đạo của Đảng quả đã giáng một đòn quyết định trong việc bôi đen, hạ nhục ông Lê Hồng Hà (LHH) và ông Nguyễn Trung Thành (NTT). LMH qua việc trình bày toàn cảnh phá hoại, tình báo của đế quốc Mỹ, đã cho thấy đế quốc Mỹ đang có âm mưu tập hợp những lực lượng chống Đảng nhằm chống phá nước ta. Về các lực lượng chống Đảng hiện nay thì LMH đã liệt kê ra đến 7, 8 nhóm, trong đó có ông Lê Hồng Hà và ông Nguyễn Trung Thành. Thủ đoạn này nhằm tác động mạnh mẽ đến người nghe, gây cho họ một ấn tượng sâu sắc rằng Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà là những phần tử xấu, chống Đảng và nằm trong mưu đồ đen tối của đế quốc Mỹ hoạt động chống phá nước ta (?).

Nếu liên hệ với nội dung bản thông báo số 111 của Bộ chính trị do ông Lê Đức Anh (LDA) ký ngày 14-4-1995, nếu gắn nó với cách chỉ đạo cho các cấp đảng bộ Hà Nội phải ra những quyết định khai trừ hai ông Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà, nếu

gắn nó với thông báo ngày 26-6-1995 của thành ủy Hà nội đã coi hoạt động của hai ông Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà như là một bộ phận của những hoạt động phá hoại tư tưởng hiện nay thì có thể thấy thủ đoạn quy kết "Nguyễn Trung Thành và Lê Hồng Hà có hoạt động chống Đảng, gây rối chính trị" là khá nhất quán.

Có lẽ họ cho rằng chỉ cần những nhận định, đánh giá kiểu ấy được chính các ủy viên trung ương Đảng nói ra là đã có sức thuyết phục to lớn, và là những kết luận cuối cùng không thể phản bác được chẳng?

Ồi, còn có thủ đoạn nào "cao tay" và "độc địa" hơn thế được không? Mà thủ đoạn đó lại được chính ông Đào Duy Tùng tung ra, nhân danh Bộ chính trị Trung ương Đảng (?).

Nhưng, theo tôi, thủ đoạn ấy tuy bề ngoài có vẻ "cao tay" nhưng thực ra chỉ có thể đánh lừa được những người nhẹ dạ, cả tin mà thôi! Các ông tưởng rằng đòn đánh phủ đầu này thì có thể che dấu được sự thiếu vắng tình người và lương tâm người cộng sản được sao? Các ông không hề động tâm một chút nào về số phận những người đã từng tham gia cách mạng trước các ông hoặc đã cùng các ông hoạt động cách mạng nhiều chục năm. Các ông không hề cúi đầu trước cảnh bị oan khuất của con người. Tim các ông đã chai xạm rồi sao? Nhưng trước hết phải nói ngay là ông Đào Duy Tùng đã hoàn toàn đi ngược lại tư tưởng Hồ Chí Minh. Muốn vậy, thử hỏi tưởng lại, đối chiếu lại với thái độ, tác phong trung thực, chân thành của Hồ Chí Minh năm xưa.

[tác giả nhắc lại những lời nói của ông Hồ Chí Minh trong thời kỳ tự phê về sai lầm trong cải cách ruộng đất]

Dù không phải là chủ đề chính của lá đơn này, ở đây tôi cũng xin phép được đề cập sơ qua đến một số tài liệu lý luận mà tôi đã có dịp phát biểu đây đó ở các cuộc hội thảo khoa học. Đúng là trong các cuộc hội thảo đó, tôi có phê phán bản thân chủ nghĩa Mác với lòng mong mỏi đi tìm cơ sở lý luận cho công cuộc phát triển đất nước ta hiện nay. Những quan điểm lý luận của tôi đúng hay sai, có ích hay độc hại, điều đó chỉ có thể được làm rõ qua những cuộc thảo luận dân chủ, bình đẳng của hàng trăm hàng ngàn nhà khoa học có tấm lòng thiết tha với tiền đồ của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Lối đối thoại bằng cách "độc thoại" vừa phê phán, vừa bịt miệng đối phương như một số báo chí của Đảng đã làm vừa qua, chẳng những không làm rõ được chân lý, mà còn gạt sang bên lề sự nghiệp của tổ quốc ta biết bao nhà trí thức có tài năng của dân tộc. Tôi mong điều này sẽ không tái diễn nữa! Bây giờ tôi xin trở lại trình bày ý kiến của mình về bản thân vụ án đã được ông Nguyễn Đình Hương báo cáo trong ngày 13-7 vừa qua.

II. Báo cáo của ông Nguyễn Đình Hương ngày 13-7 đã xuyên tạc sự thật về vụ án và do đó lừa dối Đảng

Để đánh một đòn quyết định, họ đã cho ông Nguyễn Đình Hương lên diễn đàn sáng 13-7 để trình bày rõ sự "có tội" của những người bị bắt bị xử trí trong vụ án, về sự đúng đắn của việc phá án, bắt và xử trí của ban chỉ đạo năm xưa.

Các ông ủy viên Bộ chính trị hiện nay thực ra không ai hiểu rõ vụ án ra sao nên toàn bộ việc trình bày vụ án năm xưa tại các hội nghị cán bộ phải dựa vào ông Nguyễn Đình Hương. Những điều mà các ông không lường trước được là:

- Chính nội dung trình bày của ông Nguyễn Đình Hương ngày 13-7 đã phơi bày những sai lầm trong việc điều tra, kết tội những người bị bắt, giam giữ trong vụ án.

Thông báo số 111 của Bộ chính trị do ông Lê Đức Anh ký đã đưa ra những kết luận sai lầm vì chỉ dựa vào những báo cáo vốn

đã sai lầm của ông Nguyễn Đình Hương. Và qua đó sẽ thấy ngay cách đặt vấn đề của ông ĐDT là sai lầm.

Trong ngày 13-7, ông Nguyễn Đình Hương đã trình bày báo cáo với một thái độ khá tự tin, đã đưa ra những lời khai, những bản tự viết của một vài bị can (của Hoàng Minh Chính, của Đặng Kim Giang...), thư của ông Nguyễn Lương Bằng gửi Vũ Đình Huỳnh, sơ đồ tổ chức do tự tay Hoàng Minh Chính vẽ... để cho các tài liệu đó "tự nói lên sự thực"! và trân trọng mời ai muốn đọc tài liệu thì xin đến 59 Phan Đình Phùng, ở đó có máy điều hòa nhiệt độ trong thời gian nóng bức này (!).

Cách trình bày như vậy quả thực có thể thuyết phục được những người nhẹ dạ, chưa có kinh nghiệm, lười suy nghĩ, chưa có thói quen đi sâu so sánh phải trái trong cách tư duy... Còn đối với chúng tôi (anh Trung Thành và tôi) nhờ đã trải qua một quá trình lâu dài trong công tác công an, công tác bảo vệ Đảng, công tác kiểm tra xem xét và rút kinh nghiệm hàng chục hàng trăm vụ án oan sai trong 40 năm vừa qua, nhất là những vụ án oan sai trong chính đốn tổ chức và cải cách ruộng đất... dù chưa phải là chuyên gia nhưng vì đã làm nhiều, nên chúng tôi rất dễ dàng phát hiện và phân biệt cái đúng với cái sai, cái có tội và cái vô tội, người bị oan với kẻ tội phạm.

Dù được nói với thời gian không hạn chế, ông Nguyễn Đình Hương vẫn không thể trình bày được:

a. Sự hình thành tổ chức này ra sao? Có từ bao giờ? Do ai sáng lập? Ai là lãnh tụ? Có tên gọi không? Có điều lệ không? Có cương lĩnh không? Cương lĩnh ấy đã được cấp nào thông qua, thông qua năm nào? Có cấp trên, cấp dưới không? Ai là ủy viên chấp hành? Ban chấp hành do chỉ định (ai chỉ định?) hay do bầu (ai bầu?) Hay tự phong? Được ai thừa nhận? Có thủ tục kết nạp và khai trừ không? Tổ chức theo chi bộ, tổ, đảng hay đơn tuyến?...

Tất cả những điều trên đây ông Nguyễn Đình Hương không thể trình bày được vì nó không có thật. Xin lưu ý hai điều:

- Ông Nguyễn Đình Hương có viện dẫn bài viết của Trần Minh Việt với tên gọi là "chủ nghĩa giáo điều ở Việt Nam", coi đó là cương lĩnh (?), nhưng xin hỏi "cương lĩnh" đó được cơ quan nào, những ai thông qua và tuyên bố là cương lĩnh? Ông Nguyễn Đình Hương đã dấu hẳn một điểm quan trọng: chính Hoàng Minh Chính phản đối bài viết đó (!).

- Ông Nguyễn Đình Hương có cho triển lãm sơ đồ tổ chức do Hoàng Minh Chính tự vẽ ra để nói là có tổ chức. Vậy xin hỏi: Hoàng Minh Chính giữ vai trò gì trong tổ chức này (là tổng bí thư, là trưởng ban tổ chức hay là cái gì) mà vẽ ra tổ chức? Có bao nhiêu người thừa nhận sơ đồ đó? Sao lại lấy lời khai của một người để quy tội cho hàng chục hàng trăm người là hoạt động phá hoại có tổ chức ư? Ông Nguyễn Đình Hương có thể chấp nhận cách lập luận ấy ư?

b. Trong bản trình bày ông Nguyễn Đình Hương đã có thể nói một cách tổng quát về những tội danh chung chung của "tổ chức" này, nhưng ông Nguyễn Đình Hương không thể đưa ra bản quy tội cụ thể cuối cùng đối với mỗi người (tương đương với nội dung bản án được quy định trong bộ luật tố tụng hình sự), trong đó phải ghi rõ: "việc phạm tội của bị cáo, phân tích những chứng cứ xác định bị cáo có phạm tội hay không, và nếu bị cáo phạm tội thì phạm tội gì? Nếu bị cáo không phạm tội thì bản án phải ghi rõ những căn cứ xác định bị cáo vô tội và phải giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền lợi, nghĩa vụ của họ".

Nếu nói những người bị bắt trước đây quả thực là có tội, xin ông Nguyễn Đình Hương công bố bản kết tội cuối cùng đối với từng người. Nếu ông Nguyễn Đình Hương quá bận thì chỉ xin ông

giới thiệu "bản án" đối với một vài người thôi. Ví dụ: Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh, Lê Trọng Nghĩa, Lê Minh Nghĩa, Đỗ Đức Kiên, Hoàng Minh Chính, Lê Liêm, Nguyễn Văn Vịnh, Hoàng Thế Dũng, Trần Thư. Vì theo luật, "người phạm tội chỉ chịu trách nhiệm vì hành vi của chính người đó, chứ không phải do người khác hoặc tập thể đã gây ra". Đó cũng chính là nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong luật hình sự.

Nếu ông Nguyễn Đình Hương chỉ nêu tội chung chung của tổ chức, hoặc của 1, 2 người bị cáo rồi từ đó quy tội cho mọi người khác thì điều này càng chứng tỏ ông Nguyễn Đình Hương không có những hiểu biết sơ đẳng về luật pháp.

c. Trong hội nghị 13-7 vừa rồi ông Nguyễn Đình Hương đã cho in sao lại nhiều văn bản trong đó phần lớn là lời tự khai tự viết của một số bị cáo, với ý đồ để cho các tài liệu khách quan tự chúng nói lên sự thật mà không cần có sự biện luận thêm của ông Nguyễn Đình Hương. Ôi thật là chí lý chí tình! Nhưng buồn thay, ông Nguyễn Đình Hương quên mất một số điều cần lưu ý:

- Trong công tác nghiệp vụ điều tra, xét hỏi và quy tội thì "không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội". "Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ, nếu phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án". "Phải trọng chứng cứ không được dễ tin lời cung". Cách dẫn chứng của ông Nguyễn Đình Hương hoàn toàn thiếu sức thuyết phục.

- Trong tố tụng, các cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện, và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội... Điều đáng tiếc là báo cáo của ông Nguyễn Đình Hương chỉ cố lựa chọn nêu lên một số lời khai buộc tội, còn vô số những lời khai gỡ tội thì hoàn toàn giấu đi. Vậy thì còn đâu là sự thật?

- Ông Nguyễn Đình Hương có đưa ra thư viết tay nhận tội của Đặng Kim Giang cuối năm 1975 để muốn chứng minh một cách hùng hồn rằng chính Đặng Kim Giang đã nhận có tội mà nay Nguyễn Trung Thành lại nói vô tội (?). Nhưng xin hỏi tại sao ông Nguyễn Đình Hương lại dấu hoàn toàn bức thư dài 21 trang của ông Đặng Kim Giang viết năm 1984 gửi đại hội V trong đó có phê phán gắt gao toàn bộ cách tiến hành vụ án, và nói rõ sự vô tội của mình. Vậy thì còn đâu là sự thật?

- Tôi không hiểu vì sao ông Nguyễn Đình Hương lại không dám đối chiếu những lời khai của các bị cáo khi đang bị giam giữ, khống chế, thậm chí bị truy bức, nhục hình, với những đơn khiếu oan thống thiết khác của họ những năm sau đó. Việc đối chiếu, so sánh đó chắc chắn sẽ đem lại nhiều điều bổ ích cho chúng ta khi đang cần đi tìm sự thật. Có thể ông Nguyễn Đình Hương cho rằng "chỉ những lời khai khi họ bị bắt mới đáng tin cậy", còn toàn bộ các đơn khiếu nại đều là ótét cả chăng? Vậy thì đâu là sự thật?

Còn có thể trình bày nhiều hơn nữa, nhưng chỉ với một vài điều nêu trên, tôi có thể nói rằng: báo cáo của ông Nguyễn Đình Hương đã xuyên tạc sự thật về vụ án, do đó đã lừa dối Đảng. Bộ chính trị mà chỉ dựa vào báo cáo của ông Nguyễn Đình Hương và của một số người đã gây ra những sai lầm trước đây, tất nhiên không thể có những nhận định và kết luận đúng đắn được. Điều đó chẳng rõ ràng lắm sao?!

Trong cuộc họp ngày 13-7-1995 ông tổng bí thư Đỗ Mười đã nói một cách trịnh trọng: "Chúng ta sẽ lật ngửa bài lên bàn, sẽ cho toàn dân biết". Nếu quả thực đó là một lời nói nghiêm túc, tôi xin phép đ/c tổng bí thư được tranh luận đối thoại với ông Nguyễn Đình Hương hoặc ở trên báo chí, hoặc trên vô tuyến truyền hình

để cho toàn dân biết. Xin chờ mong sự cho phép đó.

III. Vì sao báo cáo của ông Nguyễn Đình Hương lại xuyên tạc sự thật ?

Có thể hiểu điều đó. Thứ nhất từ những nhược điểm cá nhân của ông Nguyễn Đình Hương. Thứ hai phần quan trọng là do cách chỉ đạo điều tra, xét hỏi, kết tội các bị cáo trước đây quá cầu thả, bất chấp nguyên tắc, luật pháp, quy oan những người vô tội. Thứ ba là do tư tưởng chỉ đạo có định kiến của Bộ chính trị vừa rồi.

a. Đánh giá cá nhân ông Nguyễn Đình Hương, tôi chưa vội kết luận về phẩm chất xấu tốt của ông ta, vì cần đầy đủ chứng cứ (dù tôi được biết Nguyễn Đình Hương đi nói với mọi người rằng Hồng Hà là phần tử xấu). Riêng đối với vụ án này, ông Nguyễn Đình Hương có những nhược điểm lớn như thiếu hiểu biết về nghiệp vụ công tác điều tra, về kiến thức pháp lý cơ bản (nhất là về tội phạm, về luật hình sự và tố tụng hình sự)... Những nhược điểm này có thể khắc phục được nếu ông Nguyễn Đình Hương chịu khó học hỏi. Song ông Nguyễn Đình Hương có một nhược điểm lớn nhất không thể khắc phục được: sự không hiểu biết về thực trạng và tình tiết của vụ án. Trong thời gian từ 1963 cho tới 1972, đặc biệt là những năm 67-68, là thời kỳ sôi động nhất, phong phú nhất, quyết định nhất của vụ án, thì do còn ở cấp thấp, và ở bộ phận khác nên ông Nguyễn Đình Hương không hề được tham gia vào việc điều tra bắt giam giữ, xét hỏi, quy tội, chuẩn bị báo cáo của Bộ chính trị, Trung ương Đảng, không được dự các cuộc giao ban, các cuộc họp của những người có trách nhiệm ở từng lúc... Gần đây, với cương vị trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ, ông Nguyễn Đình Hương phải nắm lại vụ án qua một đống hồ sơ và báo cáo cách đây 30 năm. Vì vậy ông Nguyễn Đình Hương phải dựa vào các lời cung, lời khai của các bị can khi đang bị công an giam giữ, truy bức và nhục hình, khống chế, đe dọa dưới mọi hình thức. Đó là vốn liếng, là căn cứ quan trọng nhất của ông Nguyễn Đình Hương trong việc xây dựng báo cáo tổng hợp vụ án vừa rồi. So với ông Nguyễn Đình Hương thì ông Nguyễn Trung Thành ở vào một thế trội hơn hẳn, không thể nào so sánh được. Nguyễn Trung Thành đã làm công tác tổ chức cán bộ từ năm 1951, đã là vụ trưởng vụ bảo vệ Đảng từ 1962 trở đi, đã là người tin cẩn nhất, tâm phúc nhất của ông Lê Đức Thọ trong việc theo dõi, tổng hợp vụ án, báo cáo tình hình hàng ngày cho lãnh đạo, tiếp nhận và truyền đạt nhận định và chỉ thị của đ/c Lê Đức Thọ cho các bộ phận công an, quân đội và tổ chức, dự họp các phiên họp giao ban, và họp của ban chỉ đạo, trực tiếp góp phần soạn thảo các báo cáo gửi lên Bộ chính trị và Trung ương Đảng các thông báo của ban chỉ đạo vụ án... Có lẽ ở nước ta hiện nay khó có thể tìm ra được một người nào hiểu rõ vụ án năm xưa bằng ông Nguyễn Trung Thành. Điều đó hẳn Bộ chính trị biết rõ hơn ai hết.

b. Nhưng vì sao lại không sử dụng Nguyễn Trung Thành vào việc chuẩn bị báo cáo về vụ án? Vì sao Nguyễn Đình Hương phải "đuổi" Nguyễn Trung Thành ra khỏi bộ phận chuẩn bị báo cáo? Vì sao Bộ chính trị lại không gọi Nguyễn Trung Thành ra trình bày trước Bộ chính trị về tính chất đúng sai của vụ án? Vì sao ủy ban kiểm tra trung ương Đảng dù được nhiều người gợi ý, nhưng đều im hơi lặng tiếng, kiên quyết không mời Nguyễn Trung Thành lên báo cáo cụ thể xem đúng hay sai, có tội hay vô tội?

Ở đây, người ta không có ý đồ đi tìm hiểu sự thật về vụ án. Cái mà người ta mong muốn là phải khẳng định bằng bất cứ giá nào số bị can này là có tội, phá vụ án này là đúng đắn, là thành công lớn! Họ sợ gặp Nguyễn Trung Thành, sợ Nguyễn Trung Thành

sẽ cung cấp những sự thật về vụ án. Chính vì vậy mà ông Nguyễn Đình Hương phải "đuổi" Nguyễn Trung Thành ra khỏi bộ phận chuẩn bị báo cáo về vụ án, phải hoàn thành bản báo cáo mà không cho Nguyễn Trung Thành biết nội dung một chút nào. Và muốn để tỏ cho mọi người thông cảm, ông Nguyễn Đình Hương đưa ra lời giải thích rằng "Nguyễn Trung Thành đã không thuyết phục được tôi thì tôi không dùng anh ta nữa" (lời nói tại hội nghị cán bộ ngày 13-7), thậm chí còn viết một bức thư cho thường vụ thành ủy trắng trợn nói rằng không hề mời ông Nguyễn Trung Thành ra nói lại vụ án (?). Đó có phải thuộc về nhân cách không?

Qua việc kiểm tra các vụ án oan sai mấy chục năm trước đây, đáng lẽ cơ quan lãnh đạo phải nghe đầy đủ, nghe cả hai tai tất cả các ý kiến khác nhau đối với việc điều tra và định tội. Nhưng ở đây, ông Nguyễn Đình Hương chỉ trình bày ý kiến một chiều mà giấu đi các ý kiến khác nhau. Vậy thì làm thế nào Bộ chính trị có được thông tin đầy đủ để có được một nhận định và kết luận đúng đắn? Nếu dựa trên những báo cáo xuyên tạc sự thật, thì kết luận của cơ quan lãnh đạo tất nhiên không thể đúng được. Qua cách làm việc vừa rồi, có thể cả Bộ chính trị và ủy ban kiểm tra trung ương đều không có ý đi tìm sự thật, làm rõ đúng sai, mà quyết tâm trừng trị ông Nguyễn Trung Thành và ông Lê Hồng Hà cho thật nhanh gọn, để chặn đứng việc giải oan (?); và để tranh thủ sự đồng tình của các cấp, thì chỉ bằng ghép "thư 3-2-95 của Nguyễn Trung Thành và một vài báo cáo khoa học của ông Lê Hồng Hà" vào hoạt động "chống Đảng, gây rối chính trị, gây diễn biến hòa bình, chiến tranh tâm lý, đòi đa nguyên đa đảng, phụ họa với âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ" (?).

c. Thật ra, những nhược điểm của ông Nguyễn Đình Hương chỉ là một phần nhỏ, còn nguyên nhân quan trọng nhất chính là ở chỗ toàn bộ quá trình điều tra, giam giữ xét hỏi, quy tội đã được tiến hành một cách cực kỳ tùy tiện, vi phạm tất cả các quy tắc tối thiểu về tố tụng hình sự.

Trong cuộc đấu tranh chống tội phạm, kinh nghiệm hàng mấy trăm năm của thế giới và của nước ta đòi hỏi phải có sự quy định trình tự khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; phải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan điều tra, kiểm soát và tòa án; phải đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo; phải bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng... Tất cả những quy định đó nhằm trừng trị đúng tội phạm, không để lọt tội phạm, nhưng không được làm oan người vô tội; phải tôn trọng và bảo vệ quyền cơ bản của công dân, bảo hộ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân. Có thể nói tất cả các nguyên tắc nêu trên đều bị vi phạm, nhưng được che đậy bằng cách nói đây là "xử lý nội bộ" không đưa ra xử về pháp luật.

Người ta sau này cứ tưởng rằng Trung ương khóa III và Bộ chính trị lúc đó tập thể lãnh đạo việc phá án này. Thực ra mãi tới tháng 3-1971, Bộ chính trị mới họp để nghe về vụ án, và mãi tới tháng giêng 1972, Ban chấp hành Trung ương mới họp nghe báo cáo về vụ án. Người ta sau này cứ tưởng rằng có một ban chỉ đạo gồm 8 ủy viên trung ương để chỉ đạo vụ án. Nhưng thực ra mãi đến tháng 11-1968 mới lập ra ban chỉ đạo với nhiệm vụ giải quyết những việc còn sót lại của vụ án. Vì vậy, trong cả quá trình từ 1963 đến cuối năm 1968 toàn bộ công tác điều tra, bắt bớ, quy tội đều do ông Lê Đức Thọ chỉ đạo, tuy luôn luôn nhân danh Bộ chính trị mà không hề có một nghị quyết nào của Bộ chính trị cả.

Ông Lê Đức Thọ chỉ sử dụng một số cán bộ của ngành công an, bảo vệ quân đội và tổ chức Trung ương. Toàn bộ cán bộ của ngành kiểm sát, của tòa án không hề được tham dự, không hề được biết và được hỏi gì cả, nghĩa là bị gạt hoàn toàn ra khỏi vụ

án. Chính vì vậy, chẳng có quyết định khởi tố, chẳng có quyết định truy tố, chẳng có cáo trạng, chẳng có phiên tòa, chẳng có hội đồng xét xử, chẳng có người bào chữa, người bị cáo chẳng có quyền xem xét bản cáo trạng, bản kết tội đối với mình, chẳng có quyền kháng cáo gì cả (và cả cho tới ngày nay) vẫn không hề biết là mình bị quy kết những tội gì? Và trong thực tế, tất cả các đồng chí bị bắt giữ không hề phạm một tội nào nếu so với luật pháp.

d. Có thể nhận thấy tính chất sai lầm của vụ án dưới nhiều góc độ nữa :

- Ban chỉ đạo vụ án trước đây đã lẫn lộn những khuyết điểm, sai lầm so với Điều lệ Đảng, với hành vi phạm tội so với luật pháp. Nếu căn cứ vào luật pháp, thì những người này không hề phạm tội dù là nhỏ nhất.

- Nếu căn cứ vào luật pháp, thì hoàn toàn không có các tội danh : chống Đảng, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại.

- Việc quy tội làm tình báo cho người nước ngoài có phần hồ đồ và không có căn cứ chính trị pháp lý. Nói hồ đồ là vì không thể quy hàng trăm người dính vào vụ án đều có tội làm tình báo được. Công tác tình báo chỉ có thể là việc vài người cá biệt mà thôi. Vậy nếu chỉ có một vài người thì là những người nào? Họ lấy tình báo gì? Họ chuyển giao cho ai? Ở đâu? Ngày giờ nào? Sở dĩ nói không có căn cứ chính trị pháp lý vì tội tình báo bao giờ cũng gắn liền cho việc phục vụ cho một nước ngoài đối nghịch với nước ta, vì họ có những âm mưu và hoạt động phá hoại chính trị nước ta. Ở đây nước ngoài là nói Liên Xô, và suốt cả thời gian đó, Liên Xô chưa hề là nước đối địch, chưa hề có những hoạt động phá hoại chế độ chính trị nước ta. Chẳng những thế, Liên Xô còn là nước đồng minh chiến lược hàng đầu được nhiều văn kiện của Đảng và nhà nước xác định trong cuộc chiến tranh chống đế quốc trước đây.

- Nếu đọc các đơn khiếu oan liên tục của số người nay trong 20 năm liên tục sau khi được thả, nhất là các thư gửi Trung ương Đảng của các anh Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh, Lê Liêm, Lê Trọng Nghĩa, Lưu Đông, Hoàng Thế Dũng, Trần Thư... và của chị Mỹ (vợ anh Đặng Kim Giang), chị Phan Thị Tề (vợ anh Vũ Đình Huỳnh) thì nếu còn chút ít lương tâm, không ai không xót xa, rơi lệ, thông cảm với những nỗi đau khổ và bất khuất.

(Xin nêu thêm một ví dụ nhỏ về việc ông Nguyễn Đình Hương bịa đặt, xuyên tạc sự thật trong buổi báo cáo ngày 13-7-1995: ông Nguyễn Đình Hương có nêu lên việc ông Hoàng Nguyên, cán bộ ngoại giao (nay đã nghỉ hưu) có viết một bức thư cho ông Nguyễn Trung Thành với một nội dung rất phản động (ông Nguyễn Đình Hương trích trọng trích đọc đoạn văn rất phản động đó cho cả hội trường nghe). Nhưng trên thực tế thì ông Hoàng Nguyên không hề viết một bức thư nào như thế cho ông Nguyễn Trung Thành. Ông Hoàng Nguyên đang muốn tìm hiểu vì sao Nguyễn Đình Hương, một ủy viên Trung ương Đảng, lại là trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, thì chắc phải có một trình độ chính trị, tư tưởng vững vàng, một tác phong công tác chính chắn mà lại tùy tiện dựng đứng sự việc, vu khống người ngay đến như vậy. Mà lại ở một hội nghị nghiêm trang gồm các cán bộ lão thành, cốt cán của Đảng để bàn về an ninh chính trị đất nước dưới sự chủ trì của ông Đào Duy Tùng (?). Vì sao lại có sự bịa đặt đó? Và có cần đăng công khai lời xin lỗi lên báo chí không? Có nên có một hình thức kỷ luật nào đó đối với người bịa đặt đó không? Từ sự bịa đặt này, có nên nghiêm chỉnh xem xét lại báo cáo của ông Nguyễn Đình Hương hay không?)

(còn tiếp)

Lê Hồng Hà

62, Phố Ngô Quyền - Hà Nội

Đảng cộng sản Việt Nam với vấn đề của cải của nhân dân

Trần Minh Thảo

TS. Ông Trần Minh Thảo sinh năm 1945, tốt nghiệp đại học sư phạm và một số chứng chỉ văn chương và triết tại Đại học Huế. Tham gia các phong trào tranh đấu của sinh viên tại Huế, bị bắt giam tại lao Thừa Phủ, và được kết nạp đảng cộng sản tại đây năm 1969. Trước 1975, làm giáo sư Việt văn tại Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, và viết văn, viết báo với các bút hiệu Trần Hồng Quang, Hồng Hữu, Việt, Minh Thảo trên các tạp chí Việt, Đối Diện, các báo Điện Tín, Tin Sáng. Sau 1975 làm viên chức nhà nước cùng tại Bảo Lộc. Năm 1989 tự ý xin nghỉ hưu, sống bằng nghề sẩy trà.

Năm 1993, với tư cách một đảng viên, ông viết "Những suy nghĩ gửi Hội nghị Đảng toàn quốc" dài 29 trang đánh máy, trong đó ông phân tích quá khứ và hiện tình đất nước, và đề nghị một "Công thức quá độ làm ra Dân Giàu Nước Mạnh" gồm năm thành phần. Ông đề nghị "giải quyết vấn đề tự do dân chủ của người dân", mà bước thứ nhất là tạo điều kiện cho "mỗi người Việt Nam được quyền tự do đối thoại trên tinh thần dân chủ về mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh đất nước".

Và để thực hiện quyền tự do đối thoại này, ngày 1-12-1993, ông viết bức thư ngỏ gửi giáo sư Đặng Xuân Kỳ, Ủy viên trung ương Đảng, viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thông Luận đã đăng bức thư này trong số 70, tháng 4-1994. Cuối thư, tác giả hỏi ông Kỳ một câu có tính cách riêng tư: "Với tư tưởng mà tôi vừa trình bày, tôi có còn đủ tư cách là một đảng viên nữa hay không?".

Hình như không ai trả lời ông nên tháng 5 vừa qua, ông vẫn giữ tư cách của một "đảng viên thường, đã nghỉ hưu" để gửi đến cấp lãnh đạo đảng cộng sản những suy nghĩ về "của cải" và "tước đoạt". Đặc biệt lần này, Trần Minh Thảo gửi trực tiếp bài viết cho Thông Luận, như ông nói rõ trong thư gửi ban bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu cùng đọc giả những suy nghĩ của một người trung thực với chính mình.

P.N.L.

Bảo Lộc ngày 01 tháng 5 năm 1995

Kính gửi :

- Ban Bí thư trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
- Ban Văn Hóa tư tưởng trung ương Đảng
- Tạp chí xây dựng Đảng

Tôi kính gửi, kèm theo thư này, bài viết về những suy nghĩ của một đảng viên thường, đã nghỉ hưu, nhằm giới thiệu với các đồng chí, ít ra là một loại diễn biến tư tưởng về những gì xảy ra trên đất nước sau 20 năm Việt Nam thống nhất.

Tôi cũng xin được phép gửi bài viết này đến tạp chí Thông Luận tại Pháp (Châu Âu) để trao đổi về một vài vấn đề mà Ban lãnh đạo tạp chí nêu ra trong lời giới thiệu của tòa soạn nhân khi tạp chí ấy (số tháng 4 năm 1994) cho đăng tải bức thư ngỏ của tôi gửi giáo sư Đặng Xuân Kỳ, ủy viên trung ương Đảng, viện trưởng viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Kính chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Trân trọng.

Kính thư Trần Minh Thảo

(154 đường 28/3, P. B'laio, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng, ĐT: 63418)

Thử rút bài học từ việc Đảng Cộng Sản Việt Nam giải quyết vấn đề của cải trong nội bộ nhân dân.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, các bước ngoặt trọng đại như sự kiện diễn ra trong ngày 30-4-1975 không nhiều. Biến cố ấy là một trong vài cái mốc sẽ được lịch sử ghi nhớ mãi dù cho chế độ chính trị thay đổi như thế nào.

Đất nước thống nhất, hòa bình, độc lập đã nhân lên gấp bội mọi khả năng để phát triển một cách toàn diện, nhanh chóng, vững chắc trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật đúng với những gì mà Đảng nói, mỗi người Việt Nam đã nghĩ, loài người đã trông chờ.

Những gì mà đất nước có được sau 20 năm lại hoàn toàn không tương xứng với tầm vóc của biến cố ấy. Chỉ cần một đảng tư sản cỡ trung bình không có quá trình, không có công trạng gì cũng có thể làm được những gì mà một Đảng Cộng Sản đã làm trong hai mươi năm, có khi họ còn làm hay hơn vì kinh tế thị trường là sở trường của họ, là thói quen của họ. Tuy thế một chế độ chính trị nhất nguyên cực tả hay cực hữu hoặc khi tả khi hữu đều sản sinh ra các tình trạng sau đây:

- Một xã hội ngày càng phân hóa khốc liệt bất chấp các chính sách điều tiết để tồn tại của thể lực cầm quyền.
- Một kiểu nhà nước chuyên chính mà tùy tiện, ít kỷ cương hơn bất cứ loại nhà nước nào.
- Một nền chính trị vừa độc tài vừa mị dân luôn để ra tề bề phải, tham ô, nhũng nhiễu. Đó là nền chính trị của liên minh quyền lực và tiền của.
- Một nền kinh tế giàu lên của số ít trong liên minh quyền-tiền trên sự khánh kiệt của số đông và các nền tảng vật chất tinh thần của xã hội.
- Một nền văn hóa thị trường, được nhà nước cổ vũ, bảo vệ, coi đồng tiền là thước đo mọi giá trị. Đó là nền văn hóa của quyền.
- Sự nhượng dần chủ quyền quốc gia vì những lợi ích ngắn hạn, hẹp hòi, riêng tư, là hậu quả của những chính sách đối ngoại không có đối trọng ở bên trong.

Cái chúng ta có được sau 20 năm không giống cái chúng ta đã cam kết 20 năm trước. Hơn một thế hệ phấn đấu để được một cái mà trước đó Đảng đã cố làm cho mọi người khinh ghét nhưng chính nó lại làm hồi phục chút ít sinh khí của xã hội. Thay vì một xã hội nhân bản đẹp đẽ như Đảng đã hứa hẹn thì Việt Nam lại có được một xã hội duy vật chủ nghĩa thấp kém. Những đảng viên còn chút lương tri rất xấu hổ khi Đảng lại kể công: do sự lãnh đạo của Đảng mà Việt Nam có được cái đang có.

Tuy thế, vấn đề không phải ở chỗ chỉ ra cái gì là xấu, là không tương xứng. Cái quan trọng là thử tìm xem Đảng Cộng Sản Việt Nam đã sai lầm ở chỗ nào. Điều sai lầm nổi bật nhất trong các

sai lầm của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là cách thức Đảng giải quyết vấn đề của cải trong nội bộ nhân dân. Hậu quả của cách làm ấy không cách nào khắc phục được nếu không có một thay đổi có tính cách bản chất về chính trị.

Học thuyết đấu tranh giai cấp là chủ trương cho phép tước đoạt của cải của bộ phận này phân phối lại cho bộ phận kia. Cách hiểu như vậy là đơn giản nhưng không sai cả về lý thuyết lẫn thực tế.

Chủ trương tước đoạt của cải không phải là độc quyền của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhiều cuộc khởi nghĩa quần chúng trước khi có chủ nghĩa Mác cũng thường đề ra chủ trương cướp của nhà giàu chia cho người nghèo. Một chủ trương như vậy thường đưa các người chủ xưởng đến với quyền lực. Nếu thất bại, họ lưu lại trong truyền thuyết dân gian như những vị anh hùng, dù bị mang tiếng là ăn cướp, lục lâm thảo khấu.

Cái khác nhau giữa hai kiểu khởi nghĩa ấy là: kiểu cũ khi đã cướp được quyền lực, trở thành kẻ thống trị thì quên ngay khẩu hiệu tập hợp quần chúng khét tiếng đó. Có lẽ họ thấy cứ tiếp tục thực hiện khẩu hiệu ấy thì có hại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... và cả địa vị mà họ vừa đạt được. Người Cộng Sản thì không vậy. Khi đã cướp được quyền lực, Đảng vẫn tiếp tục thực hiện khẩu hiệu ấy dưới một danh nghĩa khác: thiết lập một chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể hóa, xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Đó là cuộc đấu tranh giai cấp, cuộc đấu tranh một mất một còn giữa hai con đường. Việc tiếp tục cuộc chiến tranh giữa giàu và nghèo đó được coi là sự trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp (vô sản), là kiên định quan điểm, lập trường chính trị. Vì vậy, có lúc, có người cả tiếng phê phán vua Quang Trung đã phản bội lợi ích của phong trào Tây Sơn.

Cuộc chiến tranh giai cấp vẫn tiếp tục sau khi Đảng đã cướp được chính quyền là sự khẳng định một lần nữa, về mặt nhà nước: Mọi sự chiếm hữu tư nhân về của cải là một tội ác, là một việc làm xấu cần vĩnh viễn loại trừ bằng biện pháp nhà nước (chuyên chính vô sản). Như vậy đấu tranh giai cấp không chỉ thủ tiêu sự chiếm hữu tư nhân về của cải mà còn loại trừ lòng ham muốn làm giàu là động lực của sự phát triển kinh tế có sự chiếm hữu tư nhân về của cải. Trên sự tan rã của nền kinh tế kiểu cũ, Đảng xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa có cơ sở là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể về của cải xã hội nói chung. Đó là một nền kinh tế không có một ông chủ cụ thể, được điều hành bằng pháp lệnh nhà nước mà sự mất mát, thua lỗ không ai được thương tiếc. Đó là một nền kinh tế hào phóng một cách hoang phí công quỹ, của cải, tài nguyên và sức lao động. Có người nói đó là nền kinh tế báo công luôn làm cho xã hội lâm vào tình trạng khủng hoảng thiếu, cả về lượng lẫn chất. Khu vực công trong nền kinh tế của các nước tư bản phát triển cũng mang đầy đủ các đặc tính ấy. Một nền kinh tế không có thực lực thường tạo ra sức ép chạy đua vũ trang để bảo vệ sự cai trị của thế lực chính trị đương quyền. Một nước nhỏ bé có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu như Bắc Triều Tiên cũng muốn có bom nguyên tử là điều dễ hiểu nói gì đến Liên Xô (cũ) và Trung Quốc đất rộng người đông tài nguyên dồi dào. Những tác hại cụ thể, những yếu kém cụ thể của nền kinh tế công hữu đã được Đảng nói đến. Ngay cả những tiêu cực của những đảng viên, cán bộ nắm các thứ quyền lực - là những người chủ đích thực của nền kinh tế công hữu - cũng đã được Đảng nói đến. Những tác hại cụ thể, những cái xấu cụ thể của cách làm ấy thì dễ thấy. Những tác hại vô hình thì khó thấy và ít được nói đến. Khi xã hội mất quyền tư hữu tài sản thì tình cảm, tâm lý, tư tưởng có những diễn biến nào? Mác nói, nền kinh tế ấy kích thích người ta tăng năng

suất lao động, của cải ngày càng nhiều, xã hội ngày càng phồn vinh. Những tiên đoán lạc quan như vậy đã thực tiễn chứng tỏ là không đúng. Một nền kinh tế nhiều nghĩa vụ hơn, ít quyền lợi hơn thì không đủ sức kích thích người lao động tăng năng suất. Ở giai đoạn đầu của quá trình tước đoạt và phân phối lại, lượng của cải xã hội bị hao mòn một phần. Ở giai đoạn tiếp theo nền kinh tế năng suất thấp không đủ sức thỏa mãn những nhu cầu tối cần thiết của xã hội. Của cải thiếu thốn kích thích tiếp sự tranh đoạt mà ưu thế nghiêng về phía quyền lực. Sự tranh đoạt của cải ngày càng khốc liệt đẩy nước đến bên bờ vực của sụp đổ toàn diện. Để tránh một thảm họa, Đảng quay trở về với các giá trị truyền thống, duy tâm như lòng yêu nước, nghĩa đồng bào, tình dân tộc. Những thứ ấy Mác coi khinh vì chúng rất tiểu tư sản và đã bị phá cho tan nát vì cuộc đấu tranh giai cấp. Trên đây là tình hình xã hội Việt Nam trong 10 năm đầu sau 30-4-1975.

Mười năm về sau, tình hình đất nước nói chung là khác trước. Chính sách đổi mới và mở cửa làm phục hồi động lực phát triển của nền kinh tế. Lượng của cải làm ra nhiều hơn, xã hội có hiện tượng giàu lên. Một tính toán chính thức cho thấy lượng của cải xã hội của 10 năm sau nhiều hơn 20 lần so với 10 năm trước. Tuy vậy, phú quý chưa sinh ra được lễ nghĩa. Điều ấy dễ hiểu vì Đảng chỉ muốn phú quý, chưa muốn có "lễ nghĩa". Lễ nghĩa ấy là thượng tầng kiến trúc. Một thượng tầng kiến trúc chủ trương phú quý nhưng vẫn lăm le thủ tiêu sự phú quý. Đó là nguyên nhân chính và trực tiếp mà "âm mưu địch" và kinh tế thị trường chỉ phụ thêm vào làm cho tình hình đất nước rối loạn trật tự, kỷ cương như hiện nay. Chắc hẳn Đảng cũng thấy được như vậy nhưng tẻ bề phái, óc đặc quyền đặc lợi để ra tình trạng "dùng dằng nửa muốn nửa không" trong các quyết định đổi mới tận cội nguồn của sự trì trệ. Cái cần phải quyết đoán thì không quyết đoán được, cái nên khoan thứ thì làm cho cứng nhắc chứng tỏ đó mà một quyền lực nhu nhược. Bao giờ còn duy trì tình trạng dân chủ chẳng ra dân chủ, độc tài không ra độc tài thì đất nước vẫn không có lối ra. Hơn nữa một quyền lực chính trị "cứng bên ngoài mềm bên trong", thực chất là nhu nhược thì ít được nhân dân tin yêu và kính trọng bị buộc phải thường xuyên áp dụng các biện pháp độc đoán, mi dân để thi hành quyền lực.

Một quyền lực như vậy không đủ sức giải quyết vấn đề của cải trong nội bộ nhân dân, tức là vấn đề công bằng xã hội. Bởi vì quyền lực đó đã lén lút liên minh với tầng lớp trên. Nhân dân lao động chiếm 3/4 dân số luôn chịu áp lực nặng nề của khủng hoảng và sự nghèo đói.

Học thuyết Mác-Lênin dùng vấn đề của cải để tập hợp quần chúng cho một cuộc lật đổ. Nhưng giải quyết vấn đề của cải xã hội theo học thuyết Mác-Lênin khi đã cướp được quyền lực rồi thì chỉ tạo ra được môi trường cho một cuộc lật đổ khác mà thôi. Vì vậy có người nói chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới lật đổ được chủ nghĩa cộng sản. Đúng thế, chủ nghĩa Cộng sản là bách chiến bách thắng chỉ cho các cuộc lật đổ. Công lao của chủ nghĩa ấy đối với công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc của Việt Nam cũng chỉ có chừng đó. Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, chủ nghĩa ấy làm tiêu hao của cải vì sự tước đoạt và tước đoạt lại, không làm ra được của cải vì chế độ công hữu thủ tiêu động lực làm giàu. Kinh tế thị trường trong nền chính trị chuyên chính dù đỏ hay trắng luôn lo sợ bị tước đoạt đã hình thành tư tưởng cướp giật, lừa đảo, sống vội, hưởng thụ tối đa, tham nhũng, hối lộ, móc ngoặc để có được nhiều của cải vất chất. Xã hội ấy đổ trút khủng hoảng và sự nghèo đói lên đầu nhân dân lao động chiếm đa số.

Nhưng tại sao một học thuyết hình thành từ những khái niệm nhân bản có tham vọng xóa bỏ sự khốn cùng tha hóa trong xã hội loài người lại làm cho sự tha hóa khốn cùng trầm trọng hơn? Có lẽ do chỗ đứng của Mác khi nhìn vào của cải và quyền tư hữu. Mác thấy của tư hữu đầy bùn nhơ và đề ra biện pháp rửa sạch bùn nhơ trong của cải. Khi bùn nhơ không còn nữa thì của cải cũng tiêu tan. Có lẽ sau thời săn bắn và hái lượm, của cải nào cũng là của đáng tội.

Đảng và những người dân chủ đa nguyên nghĩ thế nào về các loại của cải sau đây:

- Thứ nhất: Một số đảng viên, cán bộ có chức quyền, trước đó cơ bản là nghèo nay đã trở thành người có của, có con em đi học nước ngoài trả học phí bằng đô la, nếu học ở trong nước thì có khả năng theo đến nơi đến chốn khi tốt nghiệp để kiếm được việc làm.

- Thứ hai: một số cán bộ đảng viên (chiếm đa số) sau khi đất nước thống nhất, ngoài quá trình kháng chiến họ không có của cải. Họ cảm nhận được ngay nguy cơ rơi xuống đáy dù có quá trình và được bảo đảm về chính trị. Họ không còn coi khinh của cải nữa nhưng phải chật vật lắm mới trụ lại được ở mức tiểu tư sản.

- Thứ ba: Thành phần này hết sức đặc biệt, phần lớn đã tham gia chế độ cũ nhưng không giàu, một số là công nhân làm thuê cho các hãng xưởng nhà máy tư nhân. Sau khi đất nước thống nhất, họ mất hết thu nhập lại không có quá trình. Chỗ dành sẵn cho họ là ở đáy. Họ không bằng lòng sống trong chỗ dành sẵn, cố làm đủ thứ chuyện để leo lên. Nhiều người trong số họ đã leo lên được mà lên rất cao. Trong liên minh quyền tiền hiện nay có không ít những người trong thành phần này. Đứng trong liên minh đó, họ công khai thú nhận: nếu không có ngày 30-4-1975 thì họ không có cách nào để leo lên các nấc thang cao trong xã hội được.

- Thứ tư: gồm những gia đình có chồng, con, cha, anh... hy sinh trong hai cuộc kháng chiến, không còn thân nhân ruột thịt đương chức đương quyền. Mười năm đầu, họ sống chật vật thiếu thốn. Mười năm sau, do kinh tế phát triển, Đảng có điều kiện thực hiện một số chính sách ưu đãi. Cuộc sống của những người ấy được cải thiện. Trong thành phần này còn có những người bị thương tật trong cuộc kháng chiến không còn khả năng lao động, công tác. Nhưng nếu không có người thân hy sinh hoặc bị thương tật thì thành phần này có thể còn vươn lên cao trong liên minh quyền tiền.

Liên minh quyền tiền hình thành trong chế độ chính trị mà thoạt tiên là ghét bỏ quyền tư hữu và của cải là điều Đảng phải suy nghĩ một cách nghiêm chỉnh.

Một cái nhìn thánh thiện vào của cải thường khắc nghiệt, hẹp hòi không khỏi có chút ganh tị, ghen ghét. Một chính sách khắc nghiệt với của cải không thể nào làm cho đất nước giàu mạnh lên được. Một hành động tước đoạt được pháp luật bảo hộ luôn làm tiêu hao của cải, phá hoại sản xuất, lung đoạn quyền lực, đảo lộn cấu trúc xã hội, hủy hoại các giá trị truyền thống. Tình trạng đó không có lợi cho ai cả. Ngay cả sau khi Đảng thay đổi cách nhìn của cải mà hệ thống chính trị vẫn tiềm tàng khả năng tước đoạt, thì tuy lượng của cải có tăng lên, sự tha hóa khốn cùng trong xã hội đã không giảm đi mà lại còn trầm trọng hơn.

Điều ấy cho thấy một đường lối chính trị tiềm tàng yếu tố tước đoạt ngoài mặt thì khinh ghét của cải tư mà trong lòng lại ham muốn, thèm khát của cải vô hạn độ với mục đích ngồi cao trong nấc thang xã hội thì khi của cải xã hội tăng lên, hành vi tước đoạt cũng tăng lên, tràn lan, công khai một cách ngạo mạn bất chấp luật pháp và đạo lý vì luật pháp và đạo lý hàm ý bảo hộ hành vi

tước đoạt. Liên minh quyền tiền hình thành và lớn mạnh có nền móng trong lòng chế độ chính trị nhất nguyên. Liên minh ấy làm cho quyền lực nhà nước trở nên nhu nhược mà ngược ngạo. Nó bảo vệ rất tích cực và có hiệu quả, của cải do tước đoạt mà có: tham nhũng, ăn cắp, chộp giật, buôn lậu, lừa đảo, làm hàng giả, cướp giật đều có mẫu số chung "tước đoạt". Đó là tình cảnh của Việt Nam 10 năm sau khi mở cửa làm giàu.

Thế nhưng cũng không thể khẳng định một chính trị nào đó tôn trọng triệt để quyền tư hữu tài sản, coi lợi nhuận là mục đích của xã hội loài người là hoàn toàn tốt. Có một chế độ như thế mà quyền lực chính trị và tiền của móc ngoặc được với nhau tự do hoành hành thì đấy là một chế độ luôn đẻ ra nghèo đói, áp bức, bóc lột, mất nhân phẩm, không ổn định, tâm trạng bạo loạn, tư tưởng lật đổ, cách mạng, cuối cùng là chiến tranh và nghèo đói. Đó là tình cảnh các nước Châu Âu tư bản chủ nghĩa vào thời của K. Marx.

Tuy vậy chủ nghĩa tư bản có một thành tựu rất quan trọng, có ý nghĩa nhiều hơn những cống hiến của chủ nghĩa ấy về cách làm giàu. Đó là học thuyết về cách thức tổ chức, quản lý, điều hành nhà nước. Học thuyết ấy coi việc xây dựng một nền chính trị dân chủ có đối lập là động lực của phát triển, phồn vinh và công bằng xã hội... Nhưng đó là chuyện khác không thuộc phạm vi bài viết này.

Có lẽ, do những thành tựu đó mà chủ nghĩa tư bản vượt qua được cơn giãy chết chằng?

Trong vấn đề của cải, chế độ tư bản chủ nghĩa đã chứng tỏ là chế độ có khả năng làm ra nhiều của cải nhất cho xã hội hơn bất cứ một chế độ nào mà nhân loại có được cho đến nay. Do đó chủ nghĩa ấy có khả năng lớn nhất trong việc giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến của cải.

Tuy vậy trong các nước tư bản chủ nghĩa vẫn tiềm tàng nhân tố không ổn định. Khi quyền lực nhà nước trở nên yếu kém, nhu nhược, hoặc lén lút móc ngoặc với tiền của dơ bẩn, tiền bạc và bạo lực thay cho luật pháp thì khủng hoảng nhất định xảy ra. Có lẽ vấn đề lớn nhất của chủ nghĩa tư bản là làm sao giữ cho quyền lực chính trị nhà nước trung lập tích cực đứng ngoài và đứng trên mọi quyền lợi cục bộ.

Việt Nam xã hội chủ nghĩa và các quốc gia nguyên là xã hội chủ nghĩa cũng có cùng vấn đề như vậy nhưng nghiêm trọng hơn nhiều. Những nhà nước đó đang ở thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, thời kỳ mà giai cấp tư sản (mới) tích tụ vốn bằng mọi cách để làm giàu. Quyền lực chính trị trong các nhà nước ấy hành xử quyền lực vì lợi ích một bộ phận. Cũng do quyền lực, nó luôn chạy theo của cải, đứng về phía có của. Một quyền lực nghiêng lệch như thế không thực hiện được công bằng xã hội, độc đoán mà nhu nhược tùy tiện mà ngược ngạo. Những phê phán của Mác đối với chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đầu còn đúng cho Việt Nam ngày nay và các nước nguyên là xã hội chủ nghĩa. Có bao nhiêu lao động nông nghiệp bỏ ruộng vườn chạy vào các thành phố gia nhập vào đội quân thất nghiệp, bán thất nghiệp? Bao nhiêu phụ nữ nông thôn và vợ con nhân dân lao động thành thị trở thành điếm vì đói nghèo, sạt nghiệp do lạm phát, giá sinh hoạt không ngừng tăng? Bao nhiêu trẻ em không được học hành thường xuyên bỏ sung cho đội quân đường phố? Chúng ta chỉ biết con số lao động có việc làm, số gái hoàn lương, số trẻ em trở lại lớp. Những con số kia thì hoàn toàn bí mật như bí mật quốc phòng. Số gái điếm giao động giữa 200.000 và nửa triệu, riêng tại thành phố Hồ Chí Minh con số 50.000 cũng chưa phải là chính xác nếu tính thêm số bán thân không chuyên nghiệp. Do áp lực của việc công nghiệp hóa, đô thị hóa, Việt Nam đã và tiếp tục nhượng đi

những gì để có các tỷ đô la đầu tư của nước ngoài? Trên hết là sự hoài nghi về các giá trị, các hứa hẹn, các cam kết.

Chủ trương tước đoạt tài sản tư có khả năng tập hợp lực lượng rất lớn nhưng khả năng phá hoại còn lớn hơn nhiều lần. Sau "kinh tế thị trường" của cải xã hội tăng lên, sự tước đoạt được kích thích, phổ biến và trắng tráo, ngạo mạn. Khi nào hệ thống chính trị còn lưu luyến với chủ trương tước đoạt thì sự tước đoạt càng khốc liệt do tư tưởng sống vội, hưởng thụ ngay và sự mất lòng tin vào tương lai. Việc nước đã rồi lại càng rồi. Vua Quang Trung thủ tiêu khẩu hiệu tước đoạt sau khi đã cướp được quyền lực nhà nước không phải là phản bội phong trào Tây sơn mà vì ông là người nhìn xa trông rộng, biết cách làm việc nước đầy thôi.

Như vậy "tước đoạt" và "công hữu" không làm cho xã hội có công bằng, ấm no, hạnh phúc, không phải là phương thức hay để giải quyết vấn đề của cải trong nội bộ nhân dân- là mối quan tâm hàng đầu của mọi chế độ chính trị.

Kinh tế thị trường có khả năng làm ra nhiều của cải cho xã hội- là cái gốc của no ấm. Nhưng khi tách nó ra khỏi hệ thống mà nó là một bộ phận thì tuy xã hội có thêm của cải mà bất công, nghèo đói vẫn cứ tăng lên. Gắn kinh tế thị trường với hệ thống chính trị xã hội nhất nguyên thì không thể nào có được vừa ấm no vừa công bằng, văn minh.

Kinh tế thị trường là một bộ phận của cái hệ thống- đã làm nên các nước công nghiệp phát triển và các con rồng, con cọp- gồm ba thành phần:

- Dân chủ có đối lập
- Nhà nước pháp quyền
- Kinh tế thị trường nhiều thành phần

Hệ thống ấy không chỉ có khả năng làm ra của cải mà còn kiến tạo được một nhà nước mạnh, trong sạch, tài năng, trung lập với mọi quyền lợi cục bộ để thực hiện tốt công bằng xã hội và một xã hội năng động, tự quản được nhiều công việc mà nhà nước không làm được hoặc luôn đáp ứng chậm chạp, trễ nải vì đặc tính quan liêu, bần giấy của bất kỳ hệ thống hành chính nào. Hệ thống ấy còn có khả năng ngăn ngừa và trừng trị hành vi móc ngoặc giữa quyền lực và tội ác có tổ chức hoặc các của cải dơ bẩn khác.

Hệ thống ấy chính là động lực của sự phát triển của xã hội loài người, là cách thức tốt nhất để giải quyết vấn đề của cải trong nội bộ nhân dân.

Ghi chú: Về khái niệm dân chủ có đối lập hay dân chủ đa đảng thì Đảng đã công khai thông báo nhiều lần đó là âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch trong và ngoài nước; Nhưng bất cứ ai có chút tự trọng và lương tri khi nói đến công bằng xã hội thì ít nhiều đều phải đụng chạm đến khái niệm đó.

Mác và Lênin đã khẳng định "đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc và động lực của sự phát triển". Trong phương pháp luận Mác-xít Lê-nin chỉ ra rằng: quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là hạt nhân của phép biện chứng (nói chung).

Có lẽ vấn đề đối lập chính trị từ Stalin trở đi mới trở thành vấn đề cấm kỵ hàng đầu của đảng Cộng sản khi nắm được quyền lực và khi không còn đối lập chính trị nữa thì chủ nghĩa cộng sản không phát triển lên được, dần dần suy thoái và sụp đổ. Chúng ta cần đối lập, không cần đối kháng.

Viết xong ngày 30-4-1995

Trần Minh Thảo

154 đường 28/3, Phường B'Lao

Thị xã Bảo Lộc- Lâm đồng

ĐT:63418

Trần Anh Hùng với

Cyclo

hay là **Tiếng Ru Địa Ngục**

Thụy Khuê

Nếu có người không thích *Cyclo* của Trần Anh Hùng, chuyện đó dễ hiểu. Trần Anh Hùng là một đạo diễn thực hiện cái tương phản của đời sống trong mức độ sâu xa nhất mà điện ảnh Việt Nam chưa thể thực hiện được. Và điện ảnh Tây Phương cung cấp phương tiện để hoàn tất ở phương tiện tài chính và phong cách tự do trong hoạt động sáng tạo, ngoài khía cạnh tài năng của bản thân Trần Anh Hùng.

Tác phẩm tương phản trong cái nghĩa nó nói lên cả hai khía cạnh. Một bên là niềm yêu mến, dịu dàng, âu yếm, trong đó có tình gia đình, tình cha con, tình mẫu tử, tình đôi lứa - gọi chung là tình yêu - biểu hiện trong *Tiếng ru* và một bên là *Tội ác*. Điểm đặc biệt thứ nhì trong tác phẩm của Trần Anh Hùng là tính cách nhập nhằng biên giới giữa *có tội* và *vô tội*. Một tác phẩm như thế sẽ bị những người muốn định ranh rõ ràng giữa thiện và ác khó chấp nhận được, nhất là những giá trị truyền thống từ ngàn năm trước như bà mẹ Việt Nam hiền hậu. Mẹ Âu Cơ có thể trở thành một thứ Bồ già - parrain - trụ trì một băng đảng du đàng, buôn lậu, giết người.

Cyclo vừa là một nhân vật, vừa là phương tiện chuyên chở của Trần Anh Hùng để đi sâu vào Sài Gòn - Hochiminhville - vào xã hội đương thời và có thể cũng là hình ảnh của bất cứ một thành phố lớn nào trên trái đất, có cả mặt chìm lẫn mặt nổi: một bộ mặt tươi rói tinh táo, ngây thơ, vô tội ban ngày và bộ mặt đàng điếm, nghiện ngập, giết người ban đêm.

Nhân vật *Cyclo* như một thứ Faust riêng biệt của Trần Anh Hùng. Một Faust vô tội, vì tình cờ bị mất cyclo mà phải bán linh hồn cho quỷ, và con đường hành hương của *Cyclo* xuống địa ngục phải qua nhiều cửa ải: cửa ải đầu tiên là bà chủ hãng xích-lô. Một bà mẹ Việt Nam truyền thống mà tình thương đưa con yêu dẫu tật nguyên tủa ra ngào ngạt như những âm hưởng mà chúng ta đã thuộc lòng qua lịch sử, qua thi ca. *Mẹ già cuộc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày* trong nhạc Phạm Duy, hoặc *Con đi đánh giặc mười năm chưa bằng khó nhọc đời bà sáu mươi* trong thơ Tố Hữu.

Đây là mặt phải của tấm mè-đai. Mặt trái của mẹ Âu Cơ mà Trần Anh Hùng đưa ra là một thứ mẹ Mìn, mẹ Trùm, mẹ Bồ Già, cầm đầu băng đảng giết người và buôn lậu nha phiến. Đây có thể chỉ là một hình ảnh siêu thực, nhưng người xem cũng có thể muông tượng là hình ảnh rất thực của bà mẹ Tám Cám nuôi hai đứa con, một ghẻ, một ruột, để chúng bắn giết nhau suốt hai mươi năm chưa chán. Trần Anh Hùng dường như đã nắm bắt cả hai tinh thần: dịu dàng, âu yếm và độc ác, giết người trong con người Việt Nam thời đại để chiếu gros plan lên màn ảnh vì tuyến tô màu. Chiếu như thế nào?

Trước hết về kỹ thuật. Một kỹ thuật hiện đại, phim không

có cốt truyện, toàn là những mảnh ghép, những diễn biến đứt đoạn của đời sống và qua đó cuộc đời xuất hiện trong trạng thái bán khai, thô bạo, thơ mộng và quyến rũ. Vẫn trong phong cách *Mùi Du Đủ Xanh*, cuốn phim đầu tay của anh, Trần Anh Hùng dùng camera để quay những cảm giác. Cuốn phim nói rất ít. Thường *nhìn* và *cảm* nhiều hơn. Người xem có cảm giác như chính chiếc lá, giọt sương, con sâu, con bọ không những tham dự vào môi trường mà tất cả những thực thể ấy cùng trườn vào da thịt chúng ta, ngọ nguậy vào ngũ quan, kích thích cảm quan của chúng ta. Cộng hưởng với phần nhạc đệm huyền hoặc, kích động và kinh hoàng của nhạc sĩ Tôn Thất Tiết: thính giác cũng bị chiếm hữu.

Tác phẩm chạm đến nhiều giá trị truyền thống chủ yếu là truyền thống về gia đình, ở đây là sự phá vỡ môi trường gia đình. Gia đình đang tự hủy vì phải va chạm với những giá trị khác năng động hơn, như tiền bạc và bạo lực, trong kinh tế thị trường.

Truyền thống về văn hóa tư tưởng: nhân vật vừa là nhà thơ vừa là xếp băng đảng; một tay làm thơ, một tay giết người. Chấm dứt huyền thoại về người con gái Việt Nam nền nếp "áo trắng đơn sơ mộng trắng trong" trong thơ Huy Cận. Và nhân vật chính là *Cyclo*, tượng trưng cho sự vô tội? Nhưng chính sự vô tội lại rơi vào tội ác. Vậy phải đánh giá *Cyclo* như thế nào?

Sự lựa chọn một diễn viên - Lê Văn Lộc - chưa xuất hiện trước ống kính bao giờ, chứng tỏ Trần Anh Hùng muốn đi sâu hơn nữa trong khía cạnh ý nghĩa ngây thơ, ngây ngô, naif, của con người vừa *nhập nghiệp* trên hai bình diện: khía cạnh diễn viên và khía cạnh tội ác. Lê Văn Lộc đã phản ánh được thủ thách đó. Trên nét mặt của *Cyclo* là một dấu hỏi khổng lồ và triền miên về các sự kiện đã xảy ra, về hành động của mình và về hậu quả mỗi hành động. *Cyclo* băng tinh trong hành trình tội ác cũng như người chị của *Cyclo*, do Trần Nữ Yên Khê diễn tả, cũng băng tinh trong hành trình làm điếm của mình. Cả hai luôn luôn có những cử chỉ vụng dại, những cái nhìn e dè, lấp lửng, không hiểu những gì đã xảy ra và không hiểu chính những hành động của mình. Nhân vật nhà thơ, chủ chứa và xếp băng đảng, do Lương Triều Vỹ [Leung Chiu-wui] đóng, là lá bài bắc cầu giữa hai thế giới. Anh ta yêu nghệ thuật, biết trọng cái đẹp, trong phòng treo tranh Bùi Xuân Phái - luôn luôn quần quai trong những suy tư - chảy máu cam trong tâm hồn. Nhưng hành động lại đao búa, sát nhân và thủ phạm. Nhìn xa, nhà thơ cộng hưởng ba tâm hồn: Tú Bà, Sở Khanh và Goethe. Nhìn gần anh biểu dương cho các nhà thơ xung phong, nhà thơ quyền thế, mỗi câu thơ là một viên đạn bắn vào kẻ thù hoặc kẻ không thù.

Sự tương phản không chỉ nằm ở trong đầu mỗi nhân vật mà còn nằm trong cách xếp đặt hình ảnh, biểu tượng. Trần Anh Hùng tận dụng những gros plan của mình để đưa ra những hình ảnh đắt giá, giống như nhà thơ tận dụng ý nghĩa của mỗi chữ.

Trong *Cyclo* có những bối cảnh ăn sâu vào tâm trí người xem, như hình ảnh miệng đứa con tật nguyền của bà chủ xích-lô - luôn luôn mở ra, hóp hóp như miệng cá - và hình ảnh của *Cyclo* - mơ tưởng được đớp cá. Rồi hình ảnh đứa bé tật nguyền

thích nghịch sơn, bôi sơn vào người và *Cyclo*, trong cơn mê sảng vì thuốc phiện đã tẩm sơn vào người cho giống đứa bé tật nguyền. Bối cảnh vừa nói lên sự thèm muốn yêu thương, đôi khát tình mẫu tử của *Cyclo* - vừa chứng tỏ những bất công trong sự phân phát tình thương giữa người và người, ngoài sự bất công giàu nghèo trong xã hội.

Rồi hình ảnh cái máy bay Mỹ rớt giữa đường phố Sài Gòn ngày hôm nay và con người sống quanh đó, như chưa hề biết có sự hiện diện của nó chứng tỏ chiến tranh vẫn còn sinh động trong con người, mặc dầu không ai để ý đến. Rồi hình ảnh của một tay anh chị vừa giết người vừa hát bài hát ru ù ơ như để ru kẻ xấu số vào giấc ngủ ngàn thu. Hoặc hình ảnh bà chủ xích-lô vừa quạt vừa hát ru con, lằng đằng trong tiếng ru, bà hạ lệnh thủ tiêu, đánh đập. Đó là những tiếng ru địa ngục, vừa nói lên sự tương phản sâu xa giữa tình yêu và tội ác, vừa cho thấy sự cộng tác, sống chung hòa bình giữa tội ác và tình yêu.

Bên cạnh những cảnh cực kỳ dã man, ống kính xoay về với thế giới trẻ thơ, chiếu rọi những khuôn mặt ngây thơ vô tội, như để nhấn mạnh thêm sự tương phản hay để gieo một chút hy vọng ở ngày mai, hoặc để nói lên tính cách ngây ngô của con người trong hành trình tội ác của mình.

Tính chất tương phản vừa là một giá trị lớn trong nghệ thuật đồng thời gây những phản ứng gai ngứa nơi người xem. Thành phần ưa những thành quả tích cực sẽ gai ngứa khi nhìn thấy những khía cạnh tiêu cực mà Trần Anh Hùng đưa ra, coi đó như một hình thức bôi nhọ các giá trị truyền thống, như tình mẫu tử, óc tự hào dân tộc, v.v. . .

Thành phần ít chính thống hơn, sẽ cảm thấy ở những hình ảnh bạo liệt này, những gáo nước lạnh, những giọt cường toan, nhỏ vào lương tâm chính mình - nếu mình có một lương tâm - khiến mình ghê tởm chính cái đồng rác nhầy nhụa trong huyết quản của mình. Sự ghê tởm này chắc chắn sẽ có một giá trị cảnh tỉnh - cho những ai cảm thấy cần phải chia sẻ cái nhìn đü hiền của người mẹ, lời ru ầu ơ của người cha, và hào quang chiến thắng của mỗi lần xung kích, cho những kẻ không bao giờ được hưởng những tiếng ru, không được ngậm hào quang chiến thắng thì sự phân phát tình thương sẽ cân bằng hơn, kéo lại phần nào những chênh lệch giàu nghèo truyền kiếp trong xã hội.

Và đó là giá trị đích thực của tác phẩm.

Trong ba đại hội điện ảnh hàng năm của thế giới - Oscar, Cannes và Venise - Oscar và Cannes dựa trên những tiêu đề khác. Duy chỉ có Venise lấy nghệ thuật và tư tưởng làm chủ đích. Và những nhà điện ảnh của đại hội đã nhìn thấy giá trị nghệ thuật và tư tưởng trong tác phẩm của Trần Anh Hùng khi họ trao giải Sư Tử Vàng, cho người nghệ sĩ trẻ, mới bước chân vào nghề, với cuốn phim thứ nhì, một sự kiện hiếm hoi trong lịch sử điện ảnh thế giới.

Đối với người Việt chúng ta, nếu cần có một niềm tự hào dân tộc, thì có lẽ nên đặt ở điểm tự hào rằng ống kính của Trần Anh Hùng đã đào bới những nỗi đau, những rác rưởi trong xã hội Việt Nam để nói lên cái rác rưởi, cái đau chung của nhân loại.

Thụy Khuê

Lướt qua "đổi mới" kinh tế

Vô Nhân Trí

LTS. Vì số trang giới hạn của Thông Luận, chúng tôi trích đăng dưới đây phần I và đoạn kết của bài tham luận ông Vô Nhân Trí đã đọc trong cuộc hội thảo do báo Việt Luận tổ chức ngày 20-08-1995 tại Sydney. Ông Vô Nhân Trí là tiến sĩ luật, kỹ sư thương mại tại Pháp; học Ph.D. Birmingham, ở Anh. Ông đã từng là chuyên gia của Ủy ban Khoa học Xã hội ở Hà Nội, của Viện Khoa học Xã hội Thành phố HCM. Năm 1980, bị công an bắt, ông đã ra khỏi đảng. Năm 1984 ông xuất ngoại và tới định cư ở Paris. Năm 1990, ông nghiên cứu tại CNRS Paris và Australian National University, Canberra. Ông là tác giả cuốn Vietnam's Economic Policy Since 1975 và của một số bài về kinh tế đã đăng trên nhiều báo tại Việt Nam, Liên Xô cũ, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc v.v...

"Đổi mới" kinh tế

Như ai cũng biết, chính sách "đổi mới" của đảng công sản Việt Nam [ĐCSVN] đã được đề ra từ Đại hội đảng lần thứ 6 (tháng 12, 1986). Gần 10 năm "đổi mới" đã trôi qua. Vậy ta thử xem tình hình hiện nay ra sao, cả về mặt kinh tế lẫn về mặt chính trị (1). Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi chỉ nói lướt qua "đổi mới" kinh tế mà thôi (2) và sẽ bàn nhiều về "đổi mới" chính trị trong một dịp khác.

Với việc thực hiện "kinh tế nhiều thành phần" (tức là kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân và kinh tế gia đình) và một số cải cách kinh tế quan trọng (còn được gọi là "liệu pháp sốc nhỏ, small shock therapy) trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp quốc doanh, giá cả, ngân hàng, nội và ngoại thương, hối đoái v.v... chủ yếu là từ năm 1989 trở đi tạo cho nền kinh tế Việt Nam một số kết quả khả quan trong những năm 1990-1994. Và một trong những kết quả đó là sự tăng trưởng khá nhanh của Tổng sản phẩm Quốc nội (Gross Domestic Product, GDP). Theo số liệu thống kê chính thức - và số liệu này, theo chính lời xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Hà Nội là "chưa đủ độ tin cậy cần thiết" (3) - thì sự tăng trưởng GDP của Việt Nam đã tăng tốc độ từ 6% năm 1990/91 lên tới 8,8% năm 1993-1994 (4).

Có lẽ cần nhấn mạnh ở đây là sự tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ 1990 đến nay không chỉ nhờ có chính sách "đổi mới" như Hà Nội đã huyênh hoang mà còn nhờ "Trời cho" nữa, như việc sản xuất dầu lửa trong những năm gần đây sau một thời gian thăm dò khá dài, như thời tiết, nói chung là thuận lợi trong một số năm liên tục v.v... Để đánh giá đúng mức sự tăng trưởng của GDP thì ta cũng cần nhớ là xuất phát điểm của nền kinh tế Việt Nam trước "đổi mới" là khá thấp (5), do đó, tỷ lệ tăng khá cao của GDP chỉ phản ánh một sự tăng thể tích vừa phải của sản xuất mà thôi.

Sự tăng trưởng nhanh chóng của GDP còn nói lên một điều nữa là chính sách phát triển kinh tế theo mô hình Stalinist - Maoist trước đây là bất hợp lý, trái với quy luật kinh tế biết chừng nào: chỉ cần thay đổi một số ít chính sách nhằm khơi dậy các động

cơ kinh tế của người dân là đã thấy ngay kết quả tích cực của họ.

Nhưng dù đạt được một mức tăng trưởng khá cao, ta không nên quên rằng, đứng về mặt khối lượng mà nói, thì GDP của Việt Nam cũng còn rất thấp so với Thái Lan chẳng hạn, một nước có cùng kích thước với Việt Nam cách đây khoảng 20 năm. Nếu lấy năm 1991 để so sánh thì ta thấy 58 triệu dân Thái Lan sản xuất 15 lần nhiều hơn 68 triệu dân Việt Nam (6).

Dù có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế khá cao trong những năm gần đây, ta cũng không nên quên rằng Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo nhất ở châu Á, và thuộc vào hạng 4 nước nghèo nhất thế giới: Việt Nam đứng trước Somalia, nhưng đứng sau Tanzania và Mozambique (7). **Kết quả cuộc điều tra về mức sống tại Việt Nam** do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Tổng cục Thống kê tiến hành trong năm 1992-1993 cho thấy rằng 51% dân trong nước sống dưới mức nghèo khổ theo tiêu chuẩn quốc tế (một người có mức sống dưới 129 USD/đầu người, hàng năm phải đạt 2.150 calo/ngày), trong số đó có khoảng phân nửa dân cư ở đồng bằng sông Cửu Long, vốn là khu vực trù phú nhất của Việt Nam. Mức nghèo khổ thay đổi từ 33% ở vùng Đông Nam Bộ đến 72% ở vùng duyên hải Bắc Trung Bộ.

Sự chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị thể hiện như sau: 57% dân quê ở trong tình trạng nghèo khổ so với 26% cư dân nghèo khổ ở đô thị; và tỉ lệ dân nghèo ở nông thôn chiếm 90% dân nghèo cả nước. Gần 50% trẻ em dưới 5 tuổi thiếu dinh dưỡng (điều này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng trong việc tăng trưởng của trẻ em Việt Nam trong nhiều thế hệ sau này). Tài liệu điều tra nói bên trên còn cho thấy là mức tiêu thụ trung bình đầu người hàng năm của cả nước chỉ đạt 1,37 triệu đồng tức là khoảng 129 USD, với sự chênh lệch là 160 USD tại thành thị và 100 USD ở nông thôn (8).

Còn theo số liệu điều tra của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thì 4 khu vực nghèo đói nhất trong nước hiện nay là: Khu Bốn cũ, Tây Nguyên, Trung Du miền Bắc và Duyên Hải miền Trung (9). (Tiêu chuẩn xác định hộ nghèo là thu nhập bình quân dưới 13kg gạo/tháng/người; và hộ đói là dưới 8kg/tháng/người).

Điều cần nhấn mạnh ở đây là, với sự phát triển kinh tế thị trường hoang dại (a wild market economy), bên cạnh 51% số dân sống dưới mức nghèo khổ thì ta thấy xuất hiện ngày càng đông các hộ giàu, mà trong cách làm giàu của họ, như một cán bộ cao cấp đã thừa nhận "đã xuất hiện những tiêu cực đa dạng như tham nhũng, hối lộ, ăn cắp, trốn thuế, buôn lậu" và "những thủ đoạn phi kinh tế (đó)... làm cạn kiệt tài nguyên, hủy hoại môi sinh, làm rối loạn xã hội và xâm phạm đạo đức, nhân phẩm con người" (10). Lẽ dĩ nhiên, trong số hộ làm giàu nói trên, đại đa số là đảng viên cao cấp, "đảng viên có chức, có quyền trong đó một số ít nhờ chức quyền mà có tiền, cực kỳ làm tiền, đang chi phối mọi công việc của đảng, của đất nước"; *chức, quyền, tiền* ấy đã kết hợp họ thành một giai tầng mới, giai tầng *tài phiệt đỏ* (...). Thế lực tài phiệt đỏ (đỏ). đang làm giàu theo công thức chuyên chính vô sản để tích lũy tư bản... một kiểu tích lũy có tốc độ cao gấp bội lần kiểu tích lũy tư bản cổ điển... (và) số tài sản của họ đang hối hả tích lũy là xương, máu, mồ hôi, nước mắt của... toàn thể nhân dân" (11) (tôi nhấn mạnh - VNT).

Điều đáng chú ý là, như một nhà kinh tế học của đảng CSVN đã thừa nhận, "những động lực và dự trữ được công cuộc đổi mới (kinh tế) tạo ra cho đến nay (đầu năm 1993 - VNT) sắp được khai thác đến giới hạn tự nhiên của nó" rồi (12). Nói cách khác, giai đoạn "cởi trói" nền kinh tế đã kết thúc, và giai đoạn này chỉ là một giai đoạn tương đối ngắn và để thực hiện trong một quá trình dài

để chuyển một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trước đây sang một nền kinh tế thị trường tự do (13). Đáng tiếc là nền kinh tế Việt Nam hiện nay vẫn còn bị vướng víu bởi cái gọi là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, (dưới) sự quản lý của Nhà nước (và) do đảng CS lãnh đạo" (14). Do đó, cho tới nay những cải cách kinh tế chỉ có tính cách *nửa vôi* mà thôi. Và lại thế nào là "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" thì chưa có ai trong ĐCSVN có thể định nghĩa một cách rõ ràng và cụ thể cả! Một cán bộ của đảng đã "phải thừa nhận rằng một nền kinh tế hàng hóa phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho đến nay chưa hề có...", còn phải trải qua nhiều suy nghĩ tìm tòi để đưa ra được một lý thuyết về một nền kinh tế hàng hóa như thế" (15). Dù vậy, ĐCSVN vẫn muốn áp đặt cho 75 triệu nhân dân ta một dự phóng kinh tế - xã hội mà chính các nhà lãnh đạo và kinh tế học của đảng đang mò mẫm tìm kiếm! Điều này nói lên mức độ hết sức vô trách nhiệm của tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN đối với nhân dân ta!

Trên lý thuyết thì nói "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" (và đây cũng là bất chúc Trung Quốc "xây dựng một nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa"), nhưng trên thực tế thì đang thực hiện, như đã nói bên trên, một nền kinh tế thị trường hoang dại mà trong đó tham nhũng và buôn lậu là hai đặc tính nổi bật - ĐCS còn gọi đó là hai "quốc nạn". Theo Lữ Phương thì cái "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" nói bên trên, trong thực tế "chỉ là tên gọi mỹ miều cho một thứ chủ nghĩa tư bản thời sơ kỳ mà Mác đã phê phán" mà thôi (16).

Cũng như ở Trung Quốc, cho tới nay quá trình "đổi mới" ở Việt Nam vẫn theo hai vận tốc: thực hiện "đổi mới" kinh tế bằng biện pháp *nửa vôi*, nhưng vẫn kèm hãm "đổi mới" chính trị bằng biện pháp *nửa của nửa vôi*. Nếu muốn công cuộc "đổi mới" tiến bước vững vàng thì ĐCSVN cần phải bước cả hai chân một lượt tức là phải đẩy nhanh và mở rộng hơn nữa quy mô "đổi mới" chính trị hiện nay, vì kinh nghiệm của các nước cộng sản cho thấy, như J. Kornai, nhà kinh tế học nổi tiếng người Hungaria đã nói, cải cách chính trị - tư tưởng là "điều kiện chủ yếu" để mở đường cho các thay đổi cơ bản trong các lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội và văn hóa (79). Không những ở các nước cộng sản trước đây mà lịch sử cận đại của Á châu cũng đã chứng tỏ rằng; ở các nước từ Nam Triều Tiên đến Đài Loan, từ Thái Lan đến Ấn Độ, cải cách kinh tế phải đi song song với cải cách chính trị (8).

Đẩy mạnh chính trị ở Việt Nam hiện nay chủ yếu có nghĩa là phải chuyển từ chế độ chuyên chính vô sản (mà người ta còn gọi một cách mỉa mai là "Nhà nước của dân, do dân, vì dân") sang chế độ dân chủ chân chính, tức là chế độ đa nguyên, đa đảng (có đảng đối lập) phù hợp với nền kinh tế thị trường; và trong chế độ dân chủ thực sự đó, những quyền tự do dân chủ cơ bản và nhân quyền phải được tôn trọng.

Để thực hiện mục tiêu này, thay vì đoàn kết dưới trướng của đảng như đảng mong muốn, chúng tôi chủ trương một sự tập hợp chính trị *mới* của toàn dân, một *khối đại đoàn kết mới* bao gồm *tất cả* những lực lượng yêu chuộng tự do, dân chủ chân chính, ở trong và ngoài nước, *kể cả* những đảng viên, cán bộ đã giác ngộ, nhằm chống lại tập đoàn lãnh đạo đảng ngoan cố hiện nay. Đó là chìa khóa của một sự đổi mới chính trị triệt để (chớ không phải nửa của nửa vôi như hiện nay) nhằm mở đường cho những cải cách cơ bản khác trong xã hội.

Paris tháng 9/95
Võ Nhân Trí

Chú thích:

- (1) Võ Nhân Trí, *Vietnam's economic and political "Renovation" assessment*. Paper delivered at the World Conference organized by the "International Committee for a Free Vietnam", US Senate, Washington DC, 2nd May 1956, đăng trong Thế Kỷ 21, số tháng 7-1995, tr. 47-48.
- (2) Về "đổi mới" kinh tế, xem:
 - Võ Nhân Trí, *Vietnam's economic policy since 1975*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore 1990, Allen & Unwin, Sydney, 1990, Chap. 4;
 - Võ Nhân Trí & Anne Booth, *Recent Economic Development in Vietnam*, in *Asian Pacific Economic Literature*, Australian National University, Canberra, Vol. 6, No 1, May 1992;
 - Yannick Mades Claire, *Au delà des apparences: un autre regard sur le Vietnam des années 1990*, in *Revue Tiers-Monde*, Paris, N° 140, Dec. 1994;
 - Michel Herland, *Approche de la transition dans le communisme asiatique: Le cas du Vietnam*, Colloque International: Sources et approches du Vietnam, Université d'Aix en Provence, Mai 1995 (France);
 - IDE Spot Survey, *Dynamic Vietnam*, Institute of Developing Economics, Tokyo, Japan, June 1995;
 - Lê Đăng Doanh, *Vietnam's economic situation and economic reform*, Central Institute for Economic Management, Hanoi, Paper presented at the Seminar of Cepremap, Paris, March 13, 1995.
- (3) Lê Văn Toàn, "Số liệu thống kê, đặc biệt là các chỉ tiêu giá trị tổng hợp chưa đủ độ tin cậy cần thiết để làm cơ sở vững chắc cho việc nhận định tình hình; (...) có chỉ tiêu còn chịu ảnh hưởng phổ biến của yếu tố "chủ quan"...", Tạp chí *Thống Kê* số 2, Hà Nội, 1991, tr. 2.
- Ngoài ra, ông Võ Quang Việt, một chuyên viên thống kê kinh tế của Liên Hiệp Quốc và đồng thời là cố vấn chính thức của chính phủ Hà Nội, gần đây có nhận xét như sau: "thống kê Việt Nam thua khá xa Bangladesh, một nước kém phát triển nhất ở Á châu" (tạp chí *Diễn Đàn* (sẽ gọi tắt là DD), Paris, tháng 3-1995, tr. 16).
- (4) *Saigon ECO*, 1-1-1995, tr. 10.
- (5) Phòng vấn Võ Văn Kiệt, *Le Monde*, Paris 5-5-1995.
- (6) Agence Financière Pour l'Asie, Ambassade de France, Tokyo: *Vietnam: situation économique et financière à l'automne de 1992*, Décembre 1992, tr. 13.
- (7) *World Bank Policy Research*, 1994, Ref. 678-83.
- (8) *Nhân Dân* (sẽ gọi tắt là ND), 11-2-1995; *Vietnam News Agency*, Hà Nội, 13rd Feb. 1995; *Thời báo Kinh Tế Saigon* 12-1-1995; *World Bank Report* n°13143-Vietnam; *Vietnam Public Sector Management and private Incentives. An Economic Report*, Sep. 26, 1994, tr. 79-82; *Dinh Xuân Quân*, Thế Kỷ 21, USA, May 1995, tr. 30-33.
- (9) *Lao Động*, Hà Nội, 4/6/95.
- (10) Đỗ Nguyên Phương, *Tạp Chí Cộng Sản* (sẽ gọi tắt là TCCS), Hà Nội, số 5, 1994, tr. 33.
- (11) Thư của Bùi Minh Quốc, *Thông Luận* (sẽ gọi tắt là TL), Paris, tháng 2-1995, tr. 10.
- (12) Lê Đăng Doanh, *Nghiên Cứu Kinh Tế*, số 2, tháng 4, 1993, tr. 5.
- (13) Theo nhà kinh tế học ở Harvard, Dwight Perkins, người đã từng được mời làm cố vấn kinh tế cho Hà Nội, thì "Vietnam (is) being in the 'Twilight Zone', somewhere between a Stalinist command economy and a Western - style market economy, with only a hazy notion of how to complete the journey". Trích theo báo *Time*, April 24, 1995, tr. 36.
- (14) Đỗ Mười, bài nói chuyện nội bộ tại Hội nghị cán bộ do ĐCSVN tổ chức tại Hà Nội ngày 3-3-1994, đăng trong *DD*, tháng 7, 1994, tr. 18.
- (15) Không Đoàn Hội, *TCCS*, số 3, 1994, tr. 25.
- (16) Lữ Phương, bài phỏng vấn trong *DD*, tháng 7, 1995, tr. 15.
- (79) J. Kornai, *The socialist system, the political economy of communism*, Princeton University Press, New Jersey, 1992, tr. 568.
- (80) Kareen Elliott House, *The Wall Street Journal*, Feb. 24, 1995.

Chống Mỹ cứu nước

Phạm Ngọc Lân

Ngày chủ nhật 6 tháng 8-1995, người dân Hà Nội nào tò mò hẳn được chứng kiến một cảnh lạ mắt, một cảnh có lẽ họ chưa từng thấy trong đời họ: lá cờ "sao và sọc" của Hoa Kỳ được ba người "lính thủy đánh bộ" Mỹ trong lễ phục trang nghiêm kéo lên pháp phới bay trên nền trời của thủ đô nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher vừa khánh thành ngôi nhà chín tầng, tòa đại sứ đầu tiên của Hoa Kỳ tại Hà Nội.

Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam đã hoàn tất. Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình, ông Christopher "thanh minh" rằng việc bình thường hóa này không nhằm chống một nước nào, mà chỉ vì quyền lợi của nước Mỹ mà thôi. Sở dĩ phải thanh minh vì có quá nhiều kẻ đa nghi nhất định đổ diệt cho Hoa Kỳ ý đồ muốn trở lại làm "tên sen đầm quốc tế" trong vùng Đông Nam Á, nhất là để kèm hãm mộng bành trướng của Trung Quốc.

Nhưng không có lửa sao có khói? Nghi ngờ như thế thì - của đáng tội - cũng đúng thôi! Nói theo văn chương thời thượng là "có cơ sở". Quả vậy, Bắc Kinh trong những năm gần đây càng ngày càng trịch thượng đối với các nước trong vùng. Bản đồ Trung Quốc bao gồm cả vùng biển rộng lớn mà ta gọi là biển Đông, và họ gọi là Nam Hải. Năm 1974, Bắc Kinh đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa do hải quân Việt Nam Cộng Hòa trấn đóng. Gần đây hơn, hải quân Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa cũng bị họ đánh nhiều lần trên quần đảo Trường Sa. Tháng 2 vừa qua, Philippines chung hứng khí buổi sáng thức dậy khám phá có doanh trại của Trung Quốc trên hòn đảo Mischief Reef, không xa đảo Palawan của Philippines.

Bắc Kinh ló mòi bành trướng như thế thì ai là người lãnh đạo đầu tiên? Hỏi là đã trả lời: chính là đất nước Việt Nam anh hùng của chúng ta. Các vị lãnh đạo "Đảng ta", khi vui thì "môi hở răng lạnh" cùng đàn anh phương Bắc, khi buồn thì "vạch trần bộ mặt phân động của bọn bành trướng Bắc Kinh đối với nước ta trong suốt một thời gian dài"¹. Người tình phụ Hà Nội đành quay đi tìm người yêu mới bên kia Thái Bình Dương.

Phải nói rằng mối tình một thời của Hoa Kỳ với Bắc Kinh cũng chỉ là mối tình hờ. Nó chấm nở với mấy tay cầu thủ bóng bàn Mỹ đầu thập niên 70 và mãn khai vào năm 1972, khi Nixon qua thăm Trung Quốc ký thông cáo chung Thượng Hải. Nhưng từ đó đến nay, mối tình đó cũng trời sứt và tàn úa dần theo năm tháng. Gần đây nó còn bị dày xéo khi Hoa Kỳ "dám" đón tiếp tổng thống Đài Loan trên đất mình.

Từ nhiều năm qua, Hà Nội đã tìm mọi cách để mong được bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Sau khi đã yêu sách đủ điều trong công việc tìm kiếm hài cốt lính Mỹ mất tích, Hoa Kỳ xét đã đến lúc chín muồi để trở lại địa bàn Đông Nam Á.

Lắm kẻ xấu mồm đã bêu riếu những ông lãnh đạo đảng ở xứ ta: từ "chống Mỹ cứu nước" đến "rước Mỹ moi tiền" sao mà nhanh thế! Tôi không đồng ý với những luận điệu phỉ báng đó, vì thật ra những người ngày trước hô hào "chống Mỹ cứu nước" có phải là những người ngày nay lảng lạng "rước Mỹ moi tiền" đâu! Còn nếu có người vận lại là dù sao cũng vẫn là "Đảng ta" thì câu trả lời cũng đã sẵn: Đảng ta đã tuyên bố đổi mới, nhằm nhờ gì một khẩu hiệu "chống Mỹ cứu nước" mà không đổi! Chỉ tội nghiệp cho cả triệu người đã vinh viễn nằm xuống cho "sự nghiệp chống Mỹ cứu nước" kia. Và tủi nhục cho cả một dân tộc phải chịu cảnh nghèo đói trong một đất nước lạc hậu.

Thế thì ngày xưa người Mỹ có mặt tại miền Nam Việt Nam để làm gì mà phải "chống Mỹ cứu nước"? Người cộng sản hỏi đó trả lời đồng loạt, dứt khoát, không đắn đo, không sai một chữ: Để quốc Mỹ xâm lược nước ta để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Còn người dân miền Nam có rất nhiều cách trả lời khác nhau, phần lớn là rườm rà: bảo vệ thế giới tự do, ngăn chặn làn sóng đỏ vì cái thuyết đô-mi-nô luôn chờ sẵn để được thử nghiệm, giúp xây dựng một miền Nam phồn vinh, đổ tiền của vào để lũng đoạn chính trường, làm ung thối xã hội, vân vân và vân vân, tùy hoàn cảnh và vị thế của mỗi người. Nội điểm này không thôi đã thấy chính quyền miền Nam thua chính quyền miền Bắc về mặt "xây dựng lập trường vững chắc". Nói nôm na là tuyên truyền.

Tổng thống Mỹ Richard Nixon khẳng định trong hồi ký của ông: "*Nước Mỹ can thiệp vào Việt Nam để ngăn cản Bắc Việt áp đặt chính quyền toàn trị của họ lên miền Nam bằng xâm lăng quân sự, vì chiến thắng của cộng sản sẽ đem lại đau khổ cho đại đa số dân Việt Nam, sẽ làm tổn hại đến quyền lợi chiến lược của Hoa Kỳ, và sẽ là mối đe dọa cho đồng minh và bạn hữu của chúng ta trong các nước không cộng sản khác*"².

Theo thiên ý của người viết, nước Mỹ đã là siêu cường quốc thì lúc nào cũng muốn có mặt tại những nơi trọng yếu trên địa cầu để tìm cách thực hiện chính sách của họ. Trong bối cảnh chiến tranh lạnh gay gắt của những thập niên 50 và 60, miền Nam Việt Nam là một điểm trọng yếu, nên họ muốn hiện diện tại đất nước chúng ta là chuyện dễ hiểu - đứng về mặt thực tế mà nói. Vấn đề sinh tử của chúng ta là người mình có đủ khôn khéo để làm cho quyền lợi của dân tộc mình phù hợp phần nào với quyền lợi của họ hay không. Từ đó mới có phát triển đất nước theo lối cộng sinh hai bên cùng có lợi. Khổ nỗi là các nhà lãnh đạo anh minh vào lúc đó - cả trong Nam lẫn ngoài Bắc - có lẽ đã không anh minh đủ nên đất nước phải chìm đắm trong chiến tranh với hậu quả tàn khốc mà ta còn chịu ảnh hưởng ngày nay.

Đời sống của Việt Nam Cộng Hòa quá ngắn ngủi, chỉ được hai mươi năm, từ 1955 khi thủ tướng Ngô Đình Diệm truất phế quốc trưởng Bảo Đại, bằng trưng cầu dân ý ngày 23-10 lên làm tổng thống đầu tiên, đến ngày 30 tháng 4-1975 khi bộ đội Quân đội Nhân dân tiến vào dinh Độc Lập nhận sự đầu hàng của tướng Dương Văn Minh, **tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa**. Hai mươi năm **chẳng qua** chỉ là một chớp mắt của lịch sử, nhưng hai mươi năm đó đã chứng kiến biết bao biến cố dồn dập, sẽ còn là một kho báu cho các nhà sử học tương lai.

Nói đến sử, phải công nhận là tại hải ngoại gần đây nở rộ một số sách và bài báo nhắc đến thời kỳ này, trong số đó có những công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh. Chỉ tiếc là đa số các tác giả viết với chủ đích **bệnh nhân vật này**, hay kết án tổ chức nọ, nên tuy các sự kiện nêu lên khá đầy đủ và chính xác, người đọc vẫn

không cảm nhận được cái bình tâm của một người viết sử. Các tác giả thường nói đến "khách quan". Riêng tôi cho rằng không ai có thể viết hoàn toàn "khách quan" cả. **Cầm bút là để diễn tả cái gì đó trong đầu mình, như vậy sao không khỏi chủ quan?** Kể cả người viết sử. Vấn đề là làm sao để cái chủ quan của mình đừng bóp méo cái khách quan của sự kiện, và dám thành thật nói với người đọc rằng đây là "sử dưới nhân quan của tôi". Đọc cùng một sự kiện lịch sử do hai người viết, chỉ riêng văn phong của mỗi người đã ảnh hưởng đến cảm nhận người đọc, chưa nói gì đến các chi tiết khác.

Thời kỳ đệ nhất cộng hòa được nhắc đến nhiều nhất trong các sách báo kể trên. Nhiều cuốn hồi ký của các nhân vật Hoa Kỳ và Việt Nam được dùng để dẫn chứng. Hồi ký chỉ có giá trị cho người đọc biết ý kiến của tác giả vào lúc viết hồi ký, còn các dữ kiện thì trí nhớ con người cũng chỉ có hạn, nhất là đến một tuổi nào đó. Gần đây cuốn hồi ký của cựu bộ trưởng quốc phòng McNamara gây chấn động bên Mỹ vì các suy nghĩ của ông năm 1995, lúc ông 79 tuổi, chứ không phải những suy nghĩ trong thời kỳ ông còn tại chức, tức lúc ông chưa đầy 50 tuổi. Đặc biệt một số người Việt bên Mỹ bất mãn vì McNamara cho rằng một trong những nguyên nhân thất bại của Mỹ là: *"Chúng ta hoàn toàn đánh giá thấp tính cách quốc gia của phong trào của Hồ Chí Minh. Chúng ta xem ông trước hết là một người cộng sản, và thứ đến mới là một người quốc gia Việt Nam (a Vietnamese nationalist)"*¹³. Trong khuôn khổ bài viết này tôi không muốn tham gia cuộc tranh cãi về cuốn sách của McNamara - để khỏi lạc đề - nhưng có một điều làm tôi chú ý là cuốn sách này không phải chỉ là một hồi ký, mà còn có giá trị của một tư liệu lịch sử vì đa số những dữ kiện nêu ra đều trích dẫn từ tài liệu gốc của Mỹ đã được bạch hóa (declassified), chứ không phải lấy từ trí nhớ của tác giả như đa số các hồi ký khác. Dĩ nhiên, những nhận định chủ quan của tác giả vẫn là phần quan trọng nhất trong loại tác phẩm này.

Rất tiếc là có nhiều sách về sử của tác giả người Việt tại hải ngoại không dùng tài liệu gốc mà dựa vào những cuốn sách khác. Riêng về thời kỳ ông Diệm, các tài liệu của Mỹ (Bộ ngoại giao, Nhà Trắng, Bộ quốc phòng, CIA,...) đã bạch hóa gần hết. Chỉ việc đến các thư viện lưu trữ (National Archives II ở College Park, Maryland, Thư viện Tổng thống Eisenhower ở Abilene, Kansas, Tổng thống Kennedy ở Boston, Massachusetts, Tổng thống Johnson ở Austin, Texas, v.v...), cửa luôn rộng mở cho những ai muốn nghiên cứu, tha hồ tìm tòi.

Trở lại vai trò của Mỹ tại miền Nam Việt Nam trong thời kỳ đất nước chia đôi, tôi lại nhớ khi được quản giáo lên lớp giảng mười bài học tập căn bản trong trại cải tạo tập trung L9 T1 ở Long Khánh, bài đầu tiên với đề tài "đế quốc Mỹ xâm lược nước ta như thế nào?" (và những ai đã từng trải qua nhà tù cải tạo hẳn còn dư vị cay đắng của tựa đề bài cuối cùng: "Lao động là vinh quang"!). Chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ được hình tượng bằng con bạch tuộc có nhiều vòi, vòi thì hút máu chính nhân dân của xứ họ, vòi thì hút máu nhân dân các thuộc địa. Thực dân kiểu mới bóc lột một cách tinh vi, không cần phải chiếm cứ đất đai, mà chỉ cần làm cho người dân thuộc địa lệ thuộc về kinh tế, bằng cách trở thành những người tiêu thụ hàng hóa, trong khi tài nguyên trong nước thì bị đế quốc thực dân mới khai thác.

Ôn lại chuyện cũ hai mươi năm trước tôi bỗng giật mình. Nhà nước đang hô hào kinh tế thị trường, đang làm đủ mọi cách để thu hút đầu tư nước ngoài, thế thì có phải để biến người dân Việt Nam thành người tiêu thụ hàng hóa, cuối cùng lệ thuộc về kinh tế vào

những đại công ty đa quốc gia không? Có phải chúng ta đang mời những tay "tư bản sùng sỏ" đến khai thác tài nguyên của chúng ta không? Chủ thuyết "thực dân mới" có còn giá trị nữa không?

Người ta cũng lên lớp giảng rằng thực dân mới không cai trị trực tiếp thuộc địa - như thế là thực dân kiểu cũ rồi! - mà cai trị thông qua các chính quyền bản xứ tay sai. Và dĩ nhiên, những người lãnh đạo miền Nam Việt Nam trong hai nền cộng hòa được nêu ra làm điển hình cho cái chủ thuyết đó.

Thời đệ nhất cộng hòa với quan hệ Mỹ Việt vô cùng phức tạp đáng cho chúng ta suy nghĩ. Đối với người cộng sản, ông Diệm do Mỹ dựng lên làm tay sai, lúc thấy không đắc lực nữa, Mỹ thẳng tay dẹp bỏ. Đối với người quốc gia chống ông Diệm, ông là một nhà độc tài, chế độ của ông gia đình trị, thối nát, không thể thắng cộng sản được nên ông bị quân đội đứng ra lật đổ. Đối với những người bênh ông Diệm, ông là một nhà yêu nước chân chính, vì ông không muốn trở thành bù nhìn của Mỹ nên bị Mỹ giết qua bàn tay của các tướng lãnh tham gia đảo chính.

Tất cả các phe đều đưa ra những lập luận để chứng minh cái nhìn của mình là đúng.

Nhưng nói ông Diệm do Mỹ dựng lên thì không đúng. Sau khi về nước chấp chính ông được Mỹ ủng hộ hết mình - cho đến đầu năm 1963 - thì đúng. Ông Diệm có ở Mỹ từ 1950 đến 1953, có tiếp xúc với chính giới Hoa Kỳ, đến 1953 ông về sống tại Bỉ một năm trước khi được ông Bảo Đại lúc đó đang ở Pháp mời làm thủ tướng. Về nước ngày 7 tháng 7 năm 1954, ông phải đối đầu trong hơn một năm với sóng gió đến từ phe thân Pháp, đứng đầu là tướng Nguyễn Văn Hinh, rồi loạn Bình Xuyên và sự chống đối của các giáo phái. Trong lúc sóng gió như thế, đã có lúc ông bị chính giới Mỹ đòi dẹp bỏ. Vào tháng 4-1955, tướng Collins, lúc đó là Đại diện đặc biệt của Hoa Kỳ tại Việt Nam, kết thúc một bản báo cáo về bộ ngoại giao bằng câu: *"Tôi thấy không có giải pháp nào khác hơn là sớm thay thế ông Diệm"*¹⁴. Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Foster Dulles đã trả lời bằng một bức thư dài trong đó có đoạn: *"Ông Diệm không phải do chúng ta chọn lựa, mà do người Pháp. Chúng ta đã ủng hộ ông ta và ủng hộ 100% vì (a) không có ai khác hơn xuất hiện ở chân trời và (b) không ai có thể sống sót nếu không được ủng hộ hết mình"*¹⁵.

Ông Diệm đã vượt qua được những khó khăn chông chất lúc đầu và bắt đầu ổn định tình thế. Sau một thời gian tương đối yên lành và hòa bình, năm 1959 bắt đầu lộn xộn. *"Tháng 9-1959, đoàn đại biểu Xứ ủy Nam Bộ dự Hội nghị Trung ương lần thứ 15 ở Hà Nội về đến Nam Bộ. Xứ ủy họp Hội nghị lần thứ IV. Tháng 10 và 11 các địa phương miền Nam đã được triển khai Nghị quyết Trung ương và đề ra kế hoạch tổ chức thực hiện... Nghị quyết viết: 'Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Lấy sức mạnh quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân'"*¹⁶. Và năm sau, ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Trong hai năm 1960 và 1961, phe cộng sản càng ngày càng mạnh, nên ngày 7-12-1961, ông Diệm phải viết thư cầu cứu ông Kennedy tăng viện. Chương trình ấp chiến lược cùng với sự tăng cường viện trợ của Mỹ đã làm giảm bớt áp lực của cộng sản, nhưng chỉ bớt phần nào thôi, và dư luận Mỹ cũng như một số người trong chính quyền Hoa Kỳ bắt đầu đánh dấu hỏi về sự hữu hiệu của chính quyền ông Diệm. Khi vụ Phật giáo bùng nổ với

biến cố ngày Phật Đản 8-5-63 tại đài phát thanh Huế làm 8 người thiệt mạng, rồi vụ tự thiêu của Thượng tọa Thích Quảng Đức ngày 11-6-63 tại Sài Gòn, chính quyền đã đối xử vụng về làm cho ác cảm của cả thế giới tăng dần, nhất là với những lời tuyên bố của bà Ngô Đình Nhu gọi những vụ tự thiêu là những "barbecue". Đại sứ Mỹ Nolting có lẽ là một trong những viên chức hiếm hoi bên ông Diệm thì bị thay thế vào tháng 6-63. Tân đại sứ Cabot Lodge đang trên đường đến nhận nhiệm sở thì xảy ra vụ hành quân đêm 20 rạng ngày 21 tháng 8-1963 lục soát tất cả các chùa "tranh đấu" và bắt giữ tăng ni.⁸ Đây là giọt nước làm tràn ly đã đầy, phe chống ông Diệm trong chính quyền Mỹ - chủ chốt là Thứ trưởng ngoại giao đặc trách các vấn đề chính trị Averell Harriman, Phụ tá bộ trưởng ngoại giao đặc trách các vấn đề Viễn Đông Roger Hilsman và đại sứ Cabot Lodge - quyết định ủng hộ các tướng lãnh đảo chánh ông Diệm.⁹ Phải hơn hai tháng sau, qua nhiều màn hồi hộp gay cấn, cuộc đảo chánh mới diễn ra, kết thúc bằng cái chết của hai anh em ông Diệm và ông Nhu.

Nhắc lại các sự kiện trên chỉ để minh họa cho cách đối xử của Mỹ đối với một chính quyền mà họ đã ủng hộ hết mình. Có nhiều lý do khiến họ đã thay đổi lập trường.

Đầu tiên có thể nhắc đến mâu thuẫn về vấn đề chủ quyền quốc gia. Sự hiện diện càng ngày càng đông của người Mỹ (16.732 vào cuối tháng 10-1963, gấp bội so với con số khoảng 900 vào cuối năm 1960, nhưng còn rất xa con số 536.100 sau này, vào cuối năm 1968¹⁰), trong quân đội cũng như trong dân sự, nhất là tại nông thôn làm cho người dân có cảm tưởng là người Mỹ điều khiển mọi việc. Ông Diệm và ông Nhu đều muốn điều đình để bớt số người Mỹ hiện diện ở cấp thấp, trong khi Hoa Kỳ viện cớ họ phải có mặt để kiểm soát việc thực hiện các công tác do viện trợ Mỹ đài thọ, tránh nạn tham nhũng. Mâu thuẫn này trở nên trầm trọng hơn nữa vào đầu năm 1963 khi điều đình về cách sử dụng "quỹ chống nổi dậy" (Counter-insurgency fund), phần lớn dùng cho chương trình áp chiến lược. Phía Hoa Kỳ đòi phải có sự phê chuẩn của một ủy ban hỗn hợp Việt Mỹ, kể cả ở cấp tỉnh, trong lúc phía Việt Nam muốn giữ toàn quyền quyết định để giữ nguyên tắc chủ quyền quốc gia.¹¹ Nhưng dù sao thì những mâu thuẫn này cũng có thể giải quyết bằng thương lượng.

Điểm thứ hai là Hoa Kỳ cảm thấy chính quyền ông Diệm tỏ vẻ muốn tìm con đường khác để giải quyết vấn đề Việt Nam. Nhiều tiếng đồn đại về việc ông Nhu tiếp xúc bí mật với đại diện của Bắc Việt và Mặt trận giải phóng, qua trung gian của đại diện Ba Lan của Ủy ban quốc tế kiểm soát đình chiến Mieczyslaw Maneli¹². Để rắc rối thêm vấn đề, đại sứ Pháp Lalouette cũng góp phần trong công việc này, nhất là sau lời tuyên bố bất ngờ của Tổng thống Pháp De Gaulle ngày 29-8-1963, sẵn sàng giúp Việt Nam, cả hai miền Nam Bắc, trong việc tìm kiếm hòa bình, độc lập và thống nhất.¹³

Điểm thứ ba, và có lẽ quan trọng nhất, là sự cảm nhận của dư luận Hoa Kỳ về cách cai trị của ông Diệm. Ông Ngô Đình Diệm là người yêu nước, nhưng ông chỉ thấy kiểu yêu nước của ông mới là đúng, nên ông dẹp hết các đảng phái quốc gia khác. Đảng Cần lao của ông Nhu là đảng duy nhất lãnh đạo trong bóng tối, còn bề mặt là Phong trào cách mạng quốc gia chi phối mọi sinh hoạt chính trị và đoàn thể. Ông cũng là người cẩn trọng, và vì cẩn trọng quá sinh ra đa nghi, nên ông chỉ tin cẩn vào những người trong gia đình ông, đặc biệt là anh em ông. Ông là người làm việc không biết mệt, nên cái gì ông cũng ôm đồm, không muốn chia

bớt công việc và trách nhiệm cho người khác. Những người đã từng tiếp xúc với ông, dù Việt hay Mỹ, đều đồng ý ở một điểm: ông rất thích độc thoại, nói hàng giờ không ngừng nghỉ, và như thế thì rất khó mà lắng nghe ý kiến người khác. Tất cả những điều đó chất chứa làm thành cái mà người ta thường gọi là "mất lòng dân", và cũng là cái mà người lãnh đạo thường không cảm nhận được. Khi xảy ra những cái vụng về như ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo nhân ngày Phật đản (lệnh được nhanh chóng thu hồi sau đó), rồi thảm nạn ở đài phát thanh Huế làm chết oan tám người, những người Phật giáo tranh đấu đã khéo giương ngọn cờ bảo vệ Phật pháp, và dư luận trong nước cũng như - và nhất là - trên thế giới đã ủng hộ ngay, vì những bất mãn đã chất chứa từ lâu ngày, và cũng vì thái độ không khoan nhượng và kẻ cả của ông và những người trong gia đình ông đối với phe tranh đấu.

Nếu bảo rằng các tướng lãnh tổ chức đảo chánh mà không có sự can thiệp của Mỹ là sai¹⁴. Nếu không có Mỹ bật đèn xanh thì chẳng có tướng nào dám đứng ra làm đảo chánh cả. Nhưng ngược lại nếu ông Diệm thực sự được lòng dân, và nhất là biết thực thi dân chủ thì không có "bàn tay lông lá" nào làm gì nổi một chính quyền được dân ủng hộ cả.

Người Mỹ có truyền thống dân chủ từ ngày lập quốc. Những chỉ trích chính quyền ông Diệm trong báo chí Mỹ trong thời gian trước khi ông bị lật đổ đều chia mũi dùi vào khía cạnh độc tài của chế độ ông ta. Người dân Mỹ không chấp nhận chính quyền của họ lấy tiền của người công dân đóng thuế để ủng hộ một chính thể mà họ cho là độc tài, với một đảng duy nhất chi phối mọi sinh hoạt của đất nước. Họ không chấp nhận để nhân quyền bị chà đạp, và đòi thả ngay các tăng ni Phật tử và sinh viên tranh đấu bị bắt giữ. Ông Diệm đã đưa ra tất cả những lý do để biện minh cho cách cai trị của mình: tình trạng chiến tranh, nước đang mở mang chưa thể có dân chủ "hoàn toàn", v.v..., nhưng dư luận Mỹ vẫn một mực không chấp nhận để cho dân chủ và nhân quyền bị chà đạp.

Những ai đang chủ trương "rước Mỹ moi tiền" cũng nên nghiên cứu kỹ giai đoạn lịch sử này. Và nhất là không nên đặt vấn đề "ai thắng ai" trong một mặt trận mới với Mỹ, mặt trận "nhân quyền", để rồi lại ngồi than khóc tiếc thương "năm mươi năm chiến thắng oai hùng".

Phạm Ngọc Lân

Chú thích.

1. *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*. Văn kiện của Bộ Ngoại Giao nước CHXHCN Việt Nam. Hà Nội, nxb Sự Thật, 1979, tr.3

2. Richard Nixon. *Plus jamais de Vietnams (nguyên tác: No more Vietnams)*. Paris, Albin Michel, 1985, tr. 53

3. Robert S. McNamara. *In retrospect, the tragedy and lessons of Vietnam*. New York, Times Books, 1995, tr.33

4. Điện văn của Đại diện đặc biệt của Mỹ tại Việt Nam (Collins) gửi bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, số 4663, ngày 19-04-1955. Department of State, Central Files, 751G.00/4-1955. Top secret. Đã bạch hóa và in lại trong *Foreign Relations of the United States (FRUS), 1955-1957, vol.I* (Washington, United States Government Printing Office, 1985), tài liệu số 127. "I see no alternative to the early replacement of Diem"

5. Thư của Ngoại trưởng Hoa Kỳ (John Foster Dulles) gửi Đại diện đặc biệt tại Việt Nam (Collins). 20-04-1955. Eisenhower

library, Dulles Papers, Indochina, June 54-April 56. Top secret. Đã bạch hóa và in lại trong FRUS, sdd, tài liệu số 128. "Diem was picked not by us but by the French. We have backed him and backed him 100% because (a) nobody better appeared on the horizon, and (b) because no one can survive without wholehearted backing (chữ được nhấn mạnh trong bản chính)

6. *Chung một bóng cờ (về Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam)*. Hà Nội, nxb Chính trị quốc gia, 1993, tr. 21

7. Trên tờ New York Times ngày 15-8-1963, bà Nhu trả lời một bài xã luận của báo này (ngày 10-8-63) và nhắc lại những lời tuyên bố của bà trước đó: "I would clap hands at seeing another monk barbecue show, for one cannot be responsible for the madness of others" (Tôi sẽ vỗ tay khi thấy một màn kịch nướng sư khác, vì người ta không thể chịu trách nhiệm về sự điên loạn của người khác)

8. Nhiều sách báo nói Thượng tọa Thích Trí Quang là người lãnh đạo Phật giáo duy nhất thoát lưới và xin tị nạn trong tòa đại sứ Mỹ. Sự thật là Thượng tọa cũng bị bắt nhốt tại cảnh sát quận 7, nhưng đã giả danh là Đinh Văn Tấn và không bị phát hiện, nhờ sự che chở của một số cảnh sát viên có cảm tình. Được thả chiều ngày 1-9-63 cùng với một số tăng ni khác, ông về chùa Pháp Quang, và hai giờ sau cùng hai nhà sư trẻ đi taxi đến tòa đại sứ Mỹ xin tị nạn (điện văn số 396 ngày 1-9-63 và 399 ngày 2-9-63 của đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gửi bộ trưởng ngoại giao. Department of State, Central files, SOC 14-1 S VIET, Confidential, National Archives II, College Park, MD)

9. Điện văn của Bộ ngoại giao Mỹ gửi cho Tòa đại sứ tại Việt Nam, số 243, ngày 24-8-1963, lúc 9 giờ 36 phút tối. Department of State, Har-Van Files, Overthrow of the Diem Government in South Vietnam, 1963. Top secret. Đã bạch hóa và in lại trong FRUS, 1961-63, vol III, (Washington, United States Government Printing Office, 1991), tài liệu số 281. Bức điện văn nổi tiếng này đã gây tranh cãi nhiều vì Hilsman đã lợi dụng ngày cuối tuần lúc tổng thống Kennedy, các bộ trưởng ngoại giao Dean Rusk và quốc phòng McNamara đều đi nghỉ mát để thông qua bức điện văn bằng điện thoại, với dụng ý làm cho người này tưởng người kia đã thông qua

10. Louis A. Peake. The United States in the Vietnam war, 1945-1975. New York, Garland Publishing, 1986, tr. 348 và kế tiếp

11. Điện văn của đại sứ Mỹ Nolting gửi bộ ngoại giao Hoa kỳ, số 882, ngày 5-4-1963. Department of State, Central files, POL 26-1 S VIET. Secret. Đã bạch hóa và in lại trong FRUS, 1961-63, vol III, sdd, tài liệu số 81

12. Điện văn của đại sứ Mỹ tại London gửi bộ ngoại giao Hoa kỳ, số 2092, ngày 28-10-1963. Department of State, Central files, POL 27-14 VIET. National Archives II, College Park, MD

13. Báo Le Monde, số đề ngày 31-8-1963. Lời tuyên bố ngắn gọn được De Gaulle đọc trong một phiên họp của nội các Pháp, và được bộ trưởng thông tin Pháp Alain Peyrefitte đọc cho báo chí sau phiên họp đó (một thủ tục hiếm có). Chính quyền Kennedy dĩ nhiên là không hài lòng tí nào về chuyện De Gaulle "xía" vào lãnh vực mà họ cho là của riêng họ. Trả lời phỏng vấn của báo chí, phát ngôn viên bộ ngoại giao Hoa Kỳ đã lạnh lùng phán "No comment" (miễn phê bình) về lời tuyên bố này

14. Trong hồi ký "Việt Nam nhân chứng" (nxb Xuân Thu, 1989), tướng Trần Văn Đôn mô tả cuộc đảo chánh như một vấn đề nội bộ của Việt Nam, không có bàn tay của Mỹ trực tiếp nhúng vào. Xét về mặt lô chức thuần túy thì ông Đôn cũng có phần đúng, vì đến ngày 28-10, tức bốn ngày trước đảo chánh, Đại tá CIA Lucien Conein mới được tướng Đôn cho biết sơ qua về thành phần các đơn vị tham gia đảo chánh, còn về ngày giờ dự định làm đảo chánh thì tướng Đôn sẽ chỉ báo trước cho Mỹ bốn tiếng đồng hồ (điện văn của CIA Sài Gòn gửi cho bộ ngoại giao Hoa Kỳ, số 2023 ngày 29-10-63, Top secret. Đã bạch hóa và in lại trong FRUS 1961-63, vol. IV, tài liệu số 225)

Đối Thoại

Nguyễn Huy Bảo

Bài về "Dân tộc Việt Nam đứng trước vấn đề tôn giáo" mà tôi đăng trên Thông Luận số 76, tháng 11 năm 1994, đã gây âm vang : ông Phạm Trọng Chánh, tiến sĩ về giáo dục đại học Sorbonne có viết bài phê bình dài đăng trong TL số 79.

Vì sự tiến triển cần thiết của cách phê bình trong nhân sĩ chúng ta, hôm nay tôi trả lời bài viết trên vì tôi thấy ông Phạm Trọng Chánh có phạm vào một vài nguyên tắc về luật phê bình .

Ông PTC trách tôi đã dám tặng ông Phạm Quỳnh danh hiệu là một nhà thâm Nho. Ông Chánh viết : "Ông Phạm Quỳnh hồi xưa đi thi hậu bổ (hay là Ecole des Interprètes ?) bị môn Hán học phải bỏ trống chỉ viết được tên Phạm Quỳnh, nhưng vì môn Pháp văn và quốc ngữ quá xuất sắc nên quan khâm sứ (hay thống sứ?) phải xin cho ông nửa điểm để khỏi bị loại".

Cách phê phán như vậy, tôi cho là nông nổi, ấu trĩ quá. Vì ông Phạm Quỳnh hồi thanh niên đi thi đốt chữ Hán thì suốt đời ông phải đốt chữ Hán sao? Ta nên bỏ cách phê phán của người ít hiểu biết, ít kinh nghiệm : khi xưa, hồi thiếu thời, lúc đi thi mà đốt hay giỏi thì suốt đời phải là đốt hay giỏi. Bên Mỹ lễ phát bằng cuối năm người ta gọi là lễ mở đầu (cho học hỏi vào đời). Ông Phạm Quỳnh sau này có dịp đứng trách nhiệm một tờ tạp chí như Nam Phong, một phần nửa viết bằng chữ quốc ngữ, nửa viết bằng chữ Hán; có dịp sống chung; tiếp xúc với bao nhiêu nhà Hán học, các cụ khoa bảng của thời trước mà không tiêm nhiễm được chút văn hóa của các cụ này sao?

Cho được biết rõ cụ Phạm có phải là hạng thâm nho hay không, thì ta nên đọc lại các bài của cụ viết ở trong Nam Phong. Như những bài về tinh thần lập quốc (Nam Phong số 164 tháng 7-1931) hay về Quốc học (số 163 tháng 6-1931) và nhiều bài khác thì ta thấy nhan nhản các câu dẫn Hán tự rõ ràng một anh đốt về Hán tự khi đi thi tốt nghiệp Ecole des Interprètes cũng không đến nỗi tủi hổ trước anh linh thân phụ mình, xưa kia cũng thuộc giòng giới Nho giáo.

Ông Phạm Trọng Nhân trong cuốn "Phạm Quỳnh tuyển tập và di cảo" trang 13 có cho ta biết là cụ Phạm về cuối đời mình "có dịch Nôm và bình giảng 51 bài thơ Đỗ Phủ...". Như vậy tôi tưởng khi ta tặng cụ danh hiệu là thâm Nho thì cũng không phải là quá đáng vậy.

Đến khi ông Phạm Trọng Chánh viết : " Thái độ ngạo mạn của cụ Phạm Quỳnh đã gây một phản kháng khá mạnh trong giới sĩ phu Nho học. Cụ nghệ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Ngô Đức Kế đã không ngừng bút chiến với Phạm Quỳnh trên báo Tiếng Dân cụ trở thành một biểu tượng văn hóa, điều này đã dẫn đến cái chết bi thảm của cụ." Viết như thế thì tôi không còn biết nói vào đâu được nữa. Một nhà tiến sĩ Sorbonne mà còn có ý kiến xưa cũ như vậy thì tôi rất lấy làm lạ.

Khi ta đối thoại, phê bình một quan niệm, một hệ thống tư tưởng, một lý thuyết, ta không có quyền trách ai là ngạo mạn. Vì

đây là lĩnh vực của lý trí. Chỉ có lý trí mới được phê phán. Ông Cha, thầy giáo, chính quyền không có quyền gì ở chỗ này. Hiện nay các nhà trí thức Âu hay Á đều công nhận như vậy. Đi ngược giòng chảy là thoái hóa.

Các thanh niên, trí thức hiện nay ở Việt Nam vào tù ra khám cũng là để chống lại sự độc tôn, cũng vì không chịu cách cư xử của một chính phủ tự cho mình muốn gì cũng được, bất chấp luật lệ mà chính mình đã ban bố. Hôm nay thì trắng cho là phải, ngày mai thì phải cho là đen; không có chân lý tuyệt đối mà chỉ có chân lý nhất thời, của Đảng.

Ông Chánh còn làm ở chỗ này nữa : là cụ Phạm bị giết không phải vì một vấn đề văn chương mà vì chính trị. Cụ Phạm bị giết cùng với ông Ngô Đình Khôi là vì có tin quân Pháp nhảy dù ở Việt Trì. Họ sợ cụ sẽ tiếp tay với người Pháp chăng ?

Bài của ông Chánh còn nhiều chỗ sai lầm khác nữa như khi ông viết : " So với cai trị của Anh quốc thì nước Anh không đập phá các tôn giáo cổ truyền của dân bản xứ. Tại Tích Lan "Tam Tạng kinh điển" đồ sộ của Phật giáo đã được nhanh chóng dịch ra tiếng Anh, tạo nên một phong trào nghiên cứu Phật học khắp thế giới từ đầu thế kỷ thì việc đập phá vào Phật giáo và Nho giáo tại Việt Nam để xây dựng nền văn minh Thiên Chúa giáo tại châu Á không có gì đáng hãnh diện cho một số thực dân Pháp trước cái di sản của nhân loại". Viết như vậy ông Chánh không kể chi tới sử ký, không cần biết tới sự thực. Như tôi đã nói trong bài trước của tôi, người Pháp lúc đó không chống Phật giáo, Khổng giáo trái lại họ lại muốn chấn hưng hai đạo đó để lập một khối chống lại đạo Công giáo. Chia để trị, đây là phương pháp thông thường, đã có từ đời La Mã của kẻ xâm lăng. Lý do thứ hai là có lẽ họ nghĩ rằng dân được Nho giáo, Phật giáo thấm nhuần thì dễ bảo hơn. Còn một lý do thứ ba này nữa : chính phủ Pháp thời bấy giờ là một chính phủ "dời" (laic), tam điểm, ghét đạo, bắt các nhà tu nam nữ bỏ trường không được dạy thanh niên Pháp, chiếm tài sản của giáo hội Pháp. Làm sao chính phủ đó lại muốn xây dựng nền văn minh Thiên chúa giáo tại châu Á ?

Ta nên đọc lại lịch sử của chính phủ Combes bên Pháp (1902-1905). Hồi bấy giờ các trường trung học của các dòng Đa Minh, dòng Tên, dòng Oratoriens phải đóng cửa hết. Các cha, các bà phước phải chạy sang Mỹ, Phi châu, Mỹ la tinh, Á đông mới có chỗ dạy học. Tệ hại của chính sách đó còn lại tới bây giờ. Ta đừng tưởng bên Đông dương không có sự đàn áp như vậy. Dưới Toàn quyền Robin, với sự điều khiển của ông Thalomas, giám đốc học chính Đông dương, các cha dòng Đa Minh không được phép mở trường trung học, nên các cha mới phải mở Maison Lacordaire trên quần ngựa. Đây chỉ là một nội trú cho học sinh chứ không phải là một trường trung học. Sau này Lacordaire mới trở thành Câu lạc bộ Phục Hưng, cha Cros và cha Lich đứng đầu. Ông Thalomas ở bên Pháp có tiếng là chống đạo. Ông có một chức cao trong hội Tam điểm. Bên Đông dương, hội Pháp thuộc, học chính bao giờ cũng ở trong tay hội Tam điểm. Các người Việt Nam như cụ Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh đều là Tam điểm. Đại giảng đường trường Luật đều khắc chạm dấu hiệu Tam điểm ở trên trần nhà (địa bàn và ba chấm). Cho nên gán cho mẫu quốc (?) thời đó và chính phủ thuộc địa ý định một nền văn minh Thiên chúa giáo thì thật là không đúng.

Ông Chánh với một vẻ khinh rẻ còn viết : "Đạo Ki tô sang Phi châu thì các linh mục, các sơ đánh trống nhảy múa trong lúc làm lễ". Tôi cũng có dịp sang Phi châu làm chuyên viên cho UNESCO. Tôi thấy trẻ con ở nhà một cộng sự viên dưới quyền tôi, khi không cũng nhảy nhót trong nhà. Người da đen họ khiêu vũ một cách tự nhiên, cũng như họ đi, họ ngồi, họ thở vậy. Cho nên khi giáo hội Thiên chúa giáo lập những cách nhảy múa trong nhà thờ thì tôi thấy làm như vậy cũng là một cách "mặc khải" Thiên Chúa trong văn hóa của người dân da đen vì theo tôi, người Thiên chúa giáo khiêu vũ như vậy cũng là một cách cầu kinh. Và lại tối hôm đó tôi cũng được mục kích như ông Chánh họ khiêu vũ ở trên truyền hình, trước bàn thờ. Cách khiêu vũ như vậy tôi cho là rất kính cẩn, dịu dàng đẹp mắt.

Dân Do thái họ cũng khiêu vũ trước bàn thờ Yahveh. Sách Cựu Ước cũng nói tới các vụ này mà hiện nay các con chiên Thiên chúa giáo người Pháp cũng có nhiều dịp nhảy múa như ông cha thiêng liêng của họ, người Do thái.

Tôi mong rằng anh em Phật giáo cũng có dịp đọc những câu kinh Phật bằng tiếng Việt. Như vậy cũng là một cách "mặc khải" đạo Phật ở xứ ta. Ông Nguyễn Tiến Lăng, trong quyển hồi ký của ông có kể chuyện này : khi ông ngồi tù vì Việt Minh có bắt giam ông, bực quá ông muốn cầu cứu Đức Phật mà không nhớ có câu kinh nào cả. Ông phải tự chế, tự làm ra một câu kinh để xin Phật cứu giúp.

Nhờ có các bài hát mới, nhờ có các bản kinh bằng tiếng Việt mà bản đạo Thiên chúa giáo mang lại cho văn hóa Việt Nam chúng ta một nguồn sinh lực mới ! Nhạc sĩ Phạm Duy một hôm vào nhà thờ ở bên Mỹ ngạc nhiên, sung sướng khi thấy tiếng Việt được dùng vào việc thờ phượng Thượng đế.

Một chứng cứ khác tỏ ra rằng giáo hội công giáo không bắt ép con chiên bản đạo theo văn minh Âu châu là trong các tiểu chủng viện và đại chủng viện, trước đại chiến thứ nhất, không được phép dạy tiếng Pháp. Ai mà bị bắt được học lên tiếng Pháp là bị đuổi ra ngay. Hồi đó chỉ được phép học chữ Nho, chữ Nôm và chữ la tinh thôi. Chắc ông Chánh chưa bao giờ đọc sách về : "Mười lăm sự thương khó Đức Chúa Giời" ? Sách này, một hồi, chỉ viết bằng chữ Nôm. Mãi sau này mới dịch ra quốc ngữ.

Viết tới đây các độc giả chắc đã rùm tai lẩm ròi nên tôi xin kết luận. Nước ta hiện nay rất khốn đốn vì không những bị loạn về vật chất mà lại cả về tinh thần. Một bọn người muốn lật đổ trật tự thiên nhiên của tạo hóa, tự cho mình cái sức, cái quyền để thay đổi bản chất loài người. Họ muốn, như Thượng Đế có một xã hội mới để sinh đẻ ra một loại người mới. Thật là kiêu căng hết chỗ nói. Kiêu căng rồi cuộc thành ra ngu si tuyệt vời. Nếu anh em Phật giáo, Khổng giáo gom sức nhau lại với anh em Thiên chúa giáo để mang lại cho nước Việt Nam yêu quý của chúng ta một trật tự khác, một trật tự dựa trên thực tế, bản chất loài người chứ không ở trên những thuyết lý không tưởng, thì phúc cho dân ta biết chừng nào ! Mong thay !

Nguyễn Huy Bảo (86 tuổi)

(Cụ Bảo là cựu Khoa trưởng Đại học Văn khoa Sài gòn)

Lòng yêu nước của người Việt Nam

Võ Xuân Minh

Có lẽ trong cuộc đời không có gì đáng quý bằng tình yêu. Nó mang lại cho chúng ta những cảm giác êm đềm khi nhìn về quá khứ, phấn khởi khi hướng về tương lai. Và trong hiện tại, nó mang lại cho chúng ta niềm tin và sức sống. Tình yêu luôn luôn cần thiết cho đời sống của mỗi người, mỗi gia đình cũng như mỗi quốc gia. Nhất là khi quốc gia đang bị đặt trước những thử thách lớn thì tình yêu quốc gia dân tộc - hay lòng yêu nước - càng quan trọng.

Khi nói đến lòng yêu nước thì chúng ta thường hay tự hào về lòng yêu nước của mình và thường cho rằng mọi người Việt đều yêu nước. Điển hình là những phản ứng gần đây của độc giả và thân hữu khi Nguyễn Gia Kiểng đặt nghi vấn: "*Lòng yêu nước của người VN có thể chỉ là một ngộ nhận*". Tuy nhiên, nếu mọi người Việt đều yêu nước thì dân Việt đã không phải tốn rất nhiều xương máu và VN đã là một quốc gia giàu mạnh; ngoại trừ khi cho rằng lòng yêu nước không đóng một vai trò quan trọng nào trong việc quyết định số phận của quốc gia dân tộc.

Thật ra, khi nhìn lại lịch sử VN thì chúng ta thấy rằng không phải tất cả mọi người Việt đều yêu nước. Từ vua quan cho đến thứ dân không thiếu những người đã hy sinh quyền lợi quốc gia vì những ý đồ cá nhân hay bè phái.

Các vua chúa đều coi đất nước là của riêng mình. Họ coi trọng ngôi vị của họ hơn là quyền lợi của người dân hay nay cả sự tồn vong của đất nước. Vì ngôi vị, họ giết hại công thần, gây máu lửa, nhiều khi còn cầu cứu nước ngoài đem quân sang nước ta. Khi soạn bộ Việt Nam sử lược (VNSL) Trần Trọng Kim đã than rằng: "*Nhà nào làm vua, cho cả nước là của riêng nhà ấy, hễ ai lấy mất thì tìm cách lấy lại, lấy lại không được thì nhờ người khác lấy lại cho, chứ không nghĩ đến cái lợi chung trước cái lợi riêng, cái quyền nước trước cái quyền nhà... hễ khi nào nước có biến loạn lại chạy sang van lạy để rước chúng [quân Trung Hoa] sang. Khác nào đi rước voi về đày mò vậy*".

Còn dân thì thời nào cũng có - như Nguyễn Trãi viết trong Bình Ngô đại cáo - "*bọn gian tà bán nước cầu vinh*". Thời Bắc thuộc "lần thứ tư" (1407-1428) VNSL có chép: "*Từ khi bọn Lý Bân, Mã Kỳ sang thay Trương Phụ, dân ta bị bọn ấy sách nhiễu thật là khổ sở... những người An-nam như những tên Nguyễn Huân, Lương như Hốt, Đỗ duy Trung theo hàng nhà Minh, khéo đường xu nịnh, được làm quan to, lại càng ý thế giặc, làm những điều tàn bạo hung ác hơn người Tàu*".

Trong thời Pháp thuộc thì Phan Đình Phùng, trong thư gửi cho Hoàng Cao Khải, cũng có kể: "*Phải biết quan Pháp đi tới đâu, có lũ tiểu nhân mình túa ra bày kế lập công, thù vợ oán chạ. Những người không có tội gì, chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế nọ, ngày mai phạt thế kia. Phàm có cách gì đục khoét được của cải của dân, chúng nó cũng đem ra tận dụng hết thảy. Bởi đó mà thói hư mối tệ tuôn ra cả trăm cả ngàn...*"

Tuy nhiên đó không phải là lý do đã khiến cho quốc gia VN đang đứng bên bờ vực thẳm. Đất nước nào cũng có những

người xấu và những người tốt, cũng có những người không yêu nước và những người yêu nước, cũng có những người tàn phá đất nước và những người xây dựng đất nước. Và điều đó không cản trở bước tiến của dân tộc, vì bình thường thì chính nghĩa vẫn thắng hung tàn, người tốt vẫn thắng người xấu.

Điều bất hạnh cho chúng ta là trên đất nước của chúng ta ít khi có chỗ đứng cho những người yêu nước thành thực. Phải bùi ngùi mà nói rằng: *người VN không có quyền yêu nước; quốc gia VN không có chỗ dung thân cho người yêu nước*. Và đó là lý do đã khiến cho chúng ta dù có một địa lý khá thuận lợi và những con người thông minh cần mẫn mà vẫn quần quai trong nghèo nàn, lạc hậu.

Không phải chỉ có thời Bắc thuộc hay thời Pháp thuộc lòng yêu nước mới bị đàn áp, mà ngay cả trong thời kỳ độc lập tự chủ lòng yêu nước cũng phải chịu cùng một số phận. Trong thời quân chủ phong kiến, vì đất nước là của riêng nhà vua nên việc nước là việc của nhà vua, quan lại chỉ là bầy tôi của nhà vua. Gặp ông vua biết lo việc nước thì mới có thể đóng góp, còn gặp ông vua ngu bạo thì chỉ có cách "treo ấn từ quan" hay là phải chịu làm phường xu nịnh, nếu không muốn bị chặt đầu. Còn người dân chỉ có bốn phận phục vụ nhà vua chứ không có quyền bàn đến việc nước, lo đến việc nước hay yêu nước. Như Phan Chu Trinh đã nhận định: "*Những kẻ học trò và dân gian không được nói đến việc nước. Thương nước mà phải tù tội (!) cho nên những nhà thế phiệt giữ mình cho đến nổi uốn nắn con tử trong nhà, lấy sự lo việc đời, sự thương nước làm sợ*". Và ông cho rằng: "*cái độc quân chủ nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân VN ta*". Để khi nhìn lại đất nước thì: "*trong hai mươi triệu người ai cũng biết có nhà mà không biết có nước... nói đến việc "mất nước" thì chẳng có ai mơ màng vào đâu*".

Điều đau buồn cho VN là dù chế độ quân chủ đã chấm dứt nhưng đất nước VN vẫn còn là của riêng một nhóm người, người VN cũng vẫn không có quyền yêu nước. Những người yêu nước hiện nay cũng bị đàn áp dã man không kém thời vua chúa ngày xưa. Phần đông là bị tù đày, phần khác phải trốn tránh.

Yêu nước VN là cả một vấn đề, là phải chấp nhận mọi rủi ro, những cảnh tù đày, những sự bạc đãi. Hàng ngàn năm như vậy nên không có gì là đáng ngạc nhiên nếu hôm nay lòng yêu nước chẳng còn lại được bao nhiêu, yếu như ngọn đèn dầu leo lét trước gió.

Chúng ta đang đứng trước một tình trạng báo động. Một vòng lẩn quẩn đang thành hình và có thể đưa dân tộc VN xuống vực thẳm. Đó là vì lòng yêu nước của chúng ta không đủ mạnh để bảo vệ những người yêu nước nên họ bị đày đoạ giam cầm, còn những phần tử gian manh trục lợi thì tự do thao túng quốc gia, làm đổ nát giềng mối xã hội. Vì giềng mối xã hội đổ nát nên người dân chán chường và "quay lưng" lại với đất nước, và do đó, lòng yêu nước lại yếu hơn, người yêu nước lại bị cô lập hơn. Nếu đà này tiếp tục thì chủ quyền quốc gia sẽ mất vào tay giới tài phiệt mafia và quốc gia VN sẽ tan rã.

Hiện tượng "quay lưng" lại với đất nước cũng đã thành hình và đang phát triển. Trên báo Ngày Nay (Mỹ) trong tháng 9 vừa qua, Chân Phương có kể lại lời "thỏ lộ" của một kỹ sư trẻ: "*Tôi đã xong với VN, tôi hằng mơ ước mãi sẽ về để xây dựng lại đất nước nhưng anh nhìn coi, không thể xây dựng bất cứ một thứ gì trên nền tảng mục nát, thối rữa này...*". Đây không phải là một trường hợp lẻ loi. Và Chân Phương kết luận: "*tiếc rằng nhiều người đã về với đày ập nhiệt huyết nhưng đã ra đi với sự ngao*

ngán, chán chường". Hiện nay, nếu những người Việt tại quốc nội được tự do chọn lựa nơi sinh sống thì sẽ có bao nhiêu người bỏ nước ra đi? Một cuộc thăm dò dư luận cộng đồng hải ngoại cũng cho biết là rất nhiều người muốn trở về sống trên mảnh đất quê hương, nhưng họ không thể về khi VN vẫn còn là một quốc gia thối nát, tàn bạo, bất dung.

VN có nguy cơ mất nước. Cứu nước hôm nay là xây dựng một VN lành mạnh, nhân ái, có chỗ đứng và tiếng nói cho mọi người, đặc biệt là những người yêu nước, để họ có thể xây dựng lại VN. Cuộc chiến đấu hôm nay trước hết là chiến đấu để bảo vệ quyền yêu nước và phát triển lòng yêu nước.

Bảo vệ quyền yêu nước và phát triển lòng yêu nước đi đôi với nhau. Vì chỉ khi nào lòng yêu nước phát triển đủ mạnh thì mới có thể bảo vệ được quyền yêu nước, và ngược lại, khi quyền yêu nước được bảo vệ thì lòng yêu nước mới có môi trường thuận lợi để phát triển. Nhưng bắt đầu là phát triển lòng yêu nước.

Lòng yêu nước hiện nay bị thoái hóa vì những người lãnh đạo quốc gia đã làm người dân mất niềm tin vào đất nước. Nếu có một đối lập dân chủ lành mạnh có khả năng gây lại niềm tin trong quần chúng thì lòng yêu nước sẽ phục hồi. Với trào lưu dân chủ hiện nay, điều này không ở ngoài tầm tay của chúng ta. Hai điều kiện cần để tạo dựng một đối lập dân chủ có tầm vóc là:

1. Những đoàn thể, những tổ chức chính trị dân chủ chân chính cần phải nhận diện nhau và tìm cách phối hợp hay kết hợp với nhau.

2. - Những người yêu nước thầm lặng cần phải lên tiếng.

Có lẽ chúng ta đều đồng ý với nhau là tập đoàn lãnh đạo hiện nay đã mất hết lý tưởng, mất hết đồng thuận, đang cấu xé lẫn nhau và bị mọi người chán ghét. Họ không có lý do nào để tồn tại. Nhưng họ vẫn tồn tại. Họ tồn tại là vì những người thành thật yêu nước, những tổ chức dân chủ chân chính không có là bao và chưa kết hợp được với nhau một cách chặt chẽ. Để đưa đất nước ra khỏi tình trạng hiện nay, trước hết những người yêu nước, những tổ chức dân chủ chân chính cần phải biết nhau, quý mến nhau và kết hợp với nhau để tạo thành một sức mạnh.

Kế đến là chúng ta phải tự phá bỏ cái vòng lẩn quẩn là chờ đợi một đối lập dân chủ lớn mạnh rồi mới ủng hộ, vì đối lập dân chủ chỉ lớn mạnh khi được những người dân chủ ủng hộ. Điều này đòi hỏi những người dân chủ đang trần trở vì tương lai của đất nước phải làm một cố gắng để tham gia hay, ít ra, quan tâm tích cực hơn đến đời sống chính trị. Thời đại nào cũng có những tổ chức thời cơ lẩn lộn với những tổ chức chân chính và làm phân tán lòng dân. Chỉ có sự quan tâm của mọi người đến đời sống chính trị mới có thể làm cho đời sống chính trị trở nên minh bạch, và sau đó trở nên lành mạnh. Dù muốn dù không, chúng ta cũng phải chịu trách nhiệm trước lịch sử, trước sự phán xét của thế hệ sau về sự im lặng của chúng ta.

Một điều quan trọng khác cần để ý đến là phải nhận định rõ ràng về "cách" yêu nước để tránh những ngộ nhận tai hại. Trước đây, năm 1925, có lẽ vì lo cho dân, muốn tránh cho người dân cảnh hỗn loạn nên Phan Chu Trinh cho rằng: "thương nước cho phải đường mới gọi là thương nước, nếu thương nước không phải đường thì đã không ích gì cho ai mà còn làm hại sinh linh nữa". Hiện nay cũng vậy, bằng mọi giá, chúng ta phải tránh cho VN những cuộc bạo loạn có thể xảy ra trong tương lai. Nhưng, chúng ta cũng phải thẳng thắn bác bỏ những quan niệm chỉ đạo về lòng yêu nước, vì nó có thể là cái cớ để buộc tội nhau. VN đã trả một giá rất đắt cho độc quyền lễ phải. Chúng ta hãy khẳng

định rằng: mọi người đều có quyền yêu nước theo ý riêng của mình.

Chúng ta cũng cần định nghĩa lại lòng yêu nước vì nó thay đổi theo từng thời. Chẳng hạn như định nghĩa tình yêu nước là tình yêu quê hương xứ sở; lòng mong muốn và ý chí dẫn thân, hy sinh để bảo vệ nó, đặc biệt là chống quân ngoại xâm (patriotisme: amour de la patrie; désir, volonté de se dévouer, de se sacrifier pour la défendre, en particulier contre les attaques armées - Petit Robert) không còn hợp thời vì giai đoạn chiến tranh xâm lược không còn nữa. Dĩ nhiên, thời nào yêu nước cũng là mong muốn dẫn thân để bảo vệ chủ quyền quốc gia và xây dựng đất nước. Nhưng hiện nay sự ổn vững của quốc gia cũng như sự giàu mạnh của đất nước tùy thuộc vào đồng thuận dân tộc, vào sự gắn bó của người dân để chia sẻ một tương lai chung. Khi đồng thuận dân tộc không có, khi người dân không tha thiết cùng nhau chia sẻ một tương lai chung thì quốc gia sẽ suy yếu và có thể bị tan rã. Có lẽ vì vậy mà hiện nay (ở Pháp) ít ai nói đến lòng yêu nước (theo định nghĩa ở trên) mà chỉ nói đến tự do, dân chủ, bao dung. Bởi vì đó là các giá trị nền tảng bảo đảm cho đời sống của người dân được thoải mái, hạnh phúc và cũng là nền tảng của văn minh tiến bộ, dân giàu nước mạnh. Các giá trị này khi được tôn vinh và phát huy thì sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi để xây dựng một đồng thuận dân tộc vững bền. Hiện nay chúng ta không sợ làm lẫn khi nói rằng yêu nước là yêu dân (vì người dân là tài sản quý nhất của đất nước); (và vì dân mà) dẫn thân để bảo vệ và phát huy các giá trị tự do, dân chủ, bao dung. Hay có thể nói ngắn gọn: yêu nước là yêu tự do, dân chủ, bao dung. Ở thời đại này yêu nước mà không yêu tự do, dân chủ, bao dung là yêu nước chiêu bài, yêu nước bip bợm.

Lòng yêu nước chỉ có thể phát triển một cách mạnh mẽ khi quyền yêu nước không bị chà đạp. Để bảo vệ quyền yêu nước, trước tiên là bảo vệ những người vì tương lai của đất nước mà hiện nay đang bị giam cầm, khủng bố. Họ là biểu tượng của lòng yêu nước. Đó là Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế cùng với các chí hũu trong nhóm Diễn Đàn Tự Do và Cao Trào Nhân Bản. Đó là Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái cùng với nhiều người khác ở trong Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc & Xây Dựng Dân Chủ. Đó là Hòa Thượng Huyền Quang, Quảng Độ cùng với nhiều Thượng Tọa, Đại Đức trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Đó là Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Hộ cùng với nhiều người khác trong Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cù. Đó là Phạm Văn Thành cùng với những người yêu nước khác. Đó là chị Trần Thị Thúc, chị Tâm Vấn và biết bao nhiêu người mẹ, người vợ của những người tù lương tâm đã và đang hy sinh cuộc đời của họ cho tương lai đất nước một cách thầm lặng. Chúng ta không nên đánh giá thấp khả năng của chúng ta. Nếu mọi người cùng lên tiếng, nếu mọi người cùng đóng góp thì chúng ta có thể tạo nên một sức mạnh có khả năng bảo vệ được những người đáng quý nhất của đất nước. Bảo vệ họ là bảo vệ quyền yêu nước của người VN.

Một khi lòng yêu nước phục hồi và phát huy, quyền yêu nước được tôn trọng và những người yêu nước được tôn vinh, thì VN sẽ trở thành một mảnh đất tươi mát, hiền hòa đầy tình thương và hy vọng. Người Việt sẽ về, người Việt sẽ ở lại, sẽ cùng nhau xây dựng một tương lai chung. Chúng ta sẽ có hòa hợp dân tộc và sẽ làm được tất cả.

Võ Xuân Minh

THỜI SỰ... TON TỨC... THỜI SỰ...

Đào Duy Tùng được Giang Trạch Dân tiếp kiến

Theo báo Nhân Dân (Bắc Kinh) ngày 21-9-1995, ông Đào Duy Tùng nhân vật thứ tư của Bộ chính trị và Ban bí thư của đảng cộng sản Việt Nam, đặc trách tư tưởng và ý thức hệ, được tổng bí thư đảng cộng sản Trung Quốc kiêm chủ tịch nước đích thân tiếp đón trọng thể ở Bắc Kinh. Người cùng trách nhiệm với ông Tùng trong đảng cộng sản Trung Quốc, ông Đinh Quan Căn thì chỉ là một ủy viên bộ chính trị hàng thứ 15.

Như vậy có thể nói gần như toàn bộ ủy viên Bộ chính trị Việt Nam đã lần lượt sang Bắc Kinh từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ vào năm 1991.

Khác với các lần trước, các nhà lãnh đạo Việt Nam chỉ được tiếp kiến ở Thành Đô (Tứ Xuyên), ở Diếu Ngụ Đài (Bắc Kinh), nơi dành tiếp rước các quan khách nước ngoài hay ở Đại Hội Đường bên cạnh Quốc hội, ông Đào Duy Tùng lần này được tiếp kiến ở "Cấm Cung" Trung Nam Hải, nơi làm việc của đảng và chính phủ Trung Quốc. Sau đó, ông lại đặt được vòng hoa trước đài tưởng niệm Mao Trạch Đông ở quảng trường Thiên An Môn.

Người ta lại hỏi tại sao ông Tùng được các nhà lãnh đạo Trung Quốc ưu đãi như thế? Ông Tùng được tiếp đón như một tân tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam như tuần báo Kinh Tế Viễn Đông đã cho biết trong nhiều tháng qua? Nếu như giả thuyết này đúng thì phe bảo thủ ở Việt Nam đang "thành công" trong việc quay chiều đổi hướng xích lại gần đảng cộng sản Trung Quốc. Như vậy đại hội lần thứ 8 của đảng cộng sản Việt Nam sẽ được tổ chức trong tháng 6-1996 có thể sẽ chỉ là một cuộc hội thảo cho có lệ, các quyết định đã được Bắc Kinh phê chuẩn?

Mã Lai xây cất một thủ đô mới

Vào đầu tháng 9-1995, chính phủ Kuala Lumpur đã lấy quyết định xây dựng một thủ đô mới cho Liên bang Mã Lai. Thành phố này sẽ mang tên Putrajaya để tưởng nhớ hoàng gia Abdul Rahman Putra, cựu thủ tướng Mã Lai từ độc lập năm 1957 đến 1970, và sẽ nằm 35 cây số về phía nam thủ đô hiện tại. Hiện giờ, mảnh đất 4.400 ha dành cho thủ đô tương lai chỉ là những đồi rừng với thỉnh thoảng vài cánh vườn dừa. Giá liệu của công trình này khoảng 8 tỷ USD. Có chừng 76.000 công chức và 59.000 nhân viên thuộc khu vực tư sẽ được chuyển từ Kuala Lumpur đến Putrajaya. Thủ đô mới sẽ có một trung tâm liên lạc cực kỳ tối tân và một hệ thống vận tải đầy đủ gồm xe lửa lẫn xe điện. Ngoài ra, số tiền 6 tỷ Mỹ Kim còn được dự trù để xây cất một phi trường mới nhằm phục vụ giao thông giữa Kuala Lumpur và Putrajaya. Thế thì vào năm 2000, Putrajaya sẽ là thủ đô hành chính trong khi Kuala Lumpur vẫn giữ vai trò trung tâm kinh tế của Liên Bang. Ngày nào chính quyền Việt Nam công nhận kinh tế thị trường cùng chế độ độc đảng là một con quái thai, liên lúc đó nước ta có khả năng trở thành con rồng châu Á thứ... n

Phe dân chủ thắng cử tại Hồng Kông

Ngày 17-9 vừa qua, lần đầu tiên nhưng cũng là lần cuối trong một tương lai có thể dự kiến, dân chúng Hồng Kông tham gia một cuộc bầu cử tự do. Mục đích là tuyển chọn 20 trên 60 thành viên Hội đồng Hành pháp (*Legislative Council*) được bầu theo kiểu phổ thông đầu phiếu. Những ghế còn lại do các đoàn cử tri - gồm những tập thể xã hội, nghề nghiệp và những kẻ trúng cử địa

phương - tuyển chọn. Kết quả là sự thất bại lớn của những tổ chức tùy thuộc chế độ Trung Hoa lục địa. Liên minh Dân chủ cho sự Cải thiện Hồng Kông, thân thiện với Bắc Kinh chỉ chiếm được 2 ghế trên 20 (tổng cộng, 6 trên 60) thêm nữa, lãnh tụ Tsang Yok Sing thất cử. Ngược lại, Đảng Dân chủ do Martin Lee lãnh đạo, có lập trường cứng rắn đối với Bắc Kinh, chiếm được 12 ghế (29 trên 60). Đảng Tự do mà thành phần là những doanh nhân gần gũi với chính quyền Trung Quốc chiếm 10 ghế trên 60. Những ghế còn lại do các ứng cử viên độc lập chia nhau.

Dù rằng họ đã tham dự cuộc bầu cử một cách gián tiếp bằng cách ủng hộ một số ứng cử viên, Bắc Kinh đã tuyên bố họ sẽ giải thể Hội đồng Hành pháp lập tức sau khi Hồng Kông trở về chủ quyền Trung Quốc, ngày 1-7-1997. Dân chúng Hồng Kông, xưa đến nay thờ ơ về chuyện chính trị, bắt đầu ý thức được rằng trọng lượng kinh tế của lãnh thổ sẽ không là một bảo đảm tuyệt đối cho sự tồn tại của lối sống hiện tại. Thật vậy, tình hình đã đổi nhiều từ 1984, khi Đặng Tiểu Bình cùng cựu Thủ tướng Anh, Margaret Thatcher ký kết "*bản tuyên ngôn chung*", theo đó Hồng Kông sẽ có quy chế của một "*vùng hành chính đặc biệt*" với "*một mức độ tự trị cao*". Điều thứ nhất, Hồng Kông không còn là cánh cửa duy nhất cho phép Trung Quốc giao thương với xã hội tư bản: tất cả miền nam Trung Quốc với những thành phố như Thượng Hải, ngày càng có khả năng thay thế Hồng Kông đóng vai trò này. Ngược lại, sau "mùa xuân Bắc Kinh" 1989 và từ khi Đài Loan khởi đầu cuộc tiến công ngoại giao trên thế giới, nỗi lo chủ yếu của chính quyền Trung Quốc là khẳng định uy quyền của mình trên tất cả những lãnh thổ mà họ coi là thuộc chủ quyền Trung Quốc. Trung Quốc đã cho một số dấu hiệu cho biết nếu cần, họ sẽ không do dự giết những con "gà đẻ trứng vàng" nếu chúng không gáy theo ý muốn. Về vấn đề Hồng Kông, thái độ hùng hổ mới của Bắc Kinh được thể hiện qua một điều khoản của Luật Cơ bản (*Fundamental Law*) - một văn kiện có tác dụng định chế tương lai của lãnh thổ sau 1997, do giữa Trung Quốc và Anh Quốc thương thuyết - bài trừ "*việc lật đổ*" chế độ. Bây giờ, dân chúng Hồng Kông mới hiểu được rằng không có gì bảo đảm sự thịnh vượng hơn là dân chủ, nhưng điều ấy có vẻ hơi muộn.

Bắc Triều Tiên cầu cứu vì lụt

Những cơn mưa lớn vào tháng 7 và tháng 8 vừa qua đã gây nhiều thiệt hại cho Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Triều Tiên (CHDCNDTT) hơn là những gì các thông cáo chính thức đầu tiên cho biết. Vào giữa tháng 9, chính quyền Bắc Triều Tiên đành phải bỏ qua chủ nghĩa tự túc của mình để kêu gọi sự cứu trợ của Liên Hiệp Quốc, Ủy ban Quốc tế Hồng Thập tự và các tổ chức từ thiện như Y sĩ Không Biên giới (YSKGB). Theo những gì YSKGB kể lại, số người chết lên tới hàng ngàn, và tình trạng y tế và lương thực rất bi đát. Họ sợ trước nạn bệnh dịch tả. Bình Nhưỡng, qua Liên Hiệp Quốc, đã xin Hoa Kỳ 10 triệu vacxin ngừa tả. Những nước láng giềng, Nga, Trung Quốc và Đại Hàn sợ cảnh tượng người ty nạn dồn vào biên giới. Theo những con số chính thức, 5 triệu người - một phần tư dân chúng Bắc Triều Tiên - là nạn nhân thiên tai này. Về mặt lương thực, dù Nhật Bản và Nam Hàn đã gửi cho CHDCNDTT 450.000 tấn gạo, chính phủ chỉ có khả năng đáp ứng 60% nhu cầu của nhân dân.

Trên nguyên tắc, ngày 18-10 chế độ sẽ làm lễ kỷ niệm 50 năm Đảng Lao động được thành lập. Một số nhà quan sát tự hỏi chính

THỜI SỰ... TIN

quyền sẽ hoãn lại cuộc lễ vì thiên tai hay không. Nhưng theo một nhà phê bình người Nga, "một chế độ [như chế độ Bình Nhưỡng] sinh hoạt một cách độc lập với những điều kiện đời sống của dân chúng". Chúng ta sẽ xem ai có lý.

Khó khăn trong việc thành lập một vùng trao đổi tự do

Những chênh lệch giữa các nền kinh tế của những thành viên Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vẫn là trở ngại chính cho việc thành lập một Vùng Giao thương Tự do (AFTA) mà nguyên tắc được quyết định vào năm 1992 qua hội nghị Singapore. Mục tiêu vào lúc đó là hạ thấp những quan thuế giữa các thành viên ASEAN dưới 5% trong khoảng thời gian từ 1993 đến 2003. Sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN vào tháng 7 vừa qua, thời điểm này được kéo lại năm 2000 với một kỳ hạn 3 năm dành cho Việt Nam vì nền kinh tế nước ta còn quá yếu.

Tuy nhiên, buổi gặp gỡ ngày 16-9-1995 tại Brunei, giữa các bộ trưởng kinh tế ASEAN đã không đưa đến một thỏa thuận nào cả, trên lịch trình cũng như về nội dung của AFTA. Brunei, Singapore và Mã Lai mà sức mạnh kinh tế trở thành tương đương với các nước Tây phương, muốn công việc được xúc tiến nhanh chóng để ASEAN khỏi chậm trễ so với Hiệp hội Cộng tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Ngược lại, Indonesia, Philippines và Việt Nam còn muốn bảo vệ một số địa hạt kinh tế của mình. Trong buổi họp nói trên, Indonesia còn cho thêm 14 sản phẩm nông nghiệp vào danh sách những hàng hóa được bảo vệ. Về phần nước ta, thì danh sách những sản phẩm có khả năng được giảm thuế... chưa sẵn sàng. Có nhiều chỉ dấu cho thấy cuộc gặp gỡ thượng đỉnh tại Bangkok tháng 12 sắp tới sẽ không xảy ra một cách dễ dàng hơn, nhất là nếu chính phủ Việt Nam tiếp tục làm việc theo cách đó.

Thu hút đầu tư ngoại quốc

Hai tháng sau khi Việt Nam và Liên hiệp Âu châu (LHÃC) ký kết Hiệp định Cộng tác, phó chủ tịch Ủy ban Âu châu, Manuel Marin thăm viếng Việt Nam. Trong buổi họp báo ngày 20-9-1995, ông Marin cho biết LHÃC sẽ gửi đến Việt Nam một phái đoàn chuyên gia nhằm nghiên cứu những vấn đề mà họ coi là ưu tiên: phát triển địa hạt tư doanh, cải tiến các hệ thống ngân hàng, tài chính và tiền tệ. Để thi hành những công tác này, theo lời ông Marin, LHÃC sẵn sàng cung cấp "tất cả sự yểm trợ kỹ thuật cần thiết".

Thật vậy, bảy năm sau khi Việt Nam mở cửa cho những đầu tư ngoại quốc, giữa Việt Nam và giới doanh nhân phương tây, "tuần trăng mật đã chấm dứt" theo lời tập chí Far Eastern Economic Review. Các nhà kinh doanh phương Tây than phiền tình trạng quá nhiều biểu thuế và luật pháp mơ hồ. Ai cũng hiểu rằng nguyên nhân của những tệ đoan ấy là nạn tham nhũng.

Một số công ty Tây Phương rút lui khỏi Việt Nam

Ngày 6-9-1995, công ty khai thác dầu hỏa Total (Pháp) tuyên bố rút lui khỏi một dự án xây cất nhà máy lọc dầu tại Dung Quát. Dự án này trị giá khoảng 1,2 tỷ USD, phần hùn của Total là 360 triệu USD (30%). Hai công ty Daewoo Corp (Nam Hàn) và Lucky Goldstar Intl Corp (Đài Loan) tuyên bố sẽ thế chỗ Total

TỨC... THỜI SỰ...

trong dự án này.

Total đưa ra lý do là địa điểm xây cất này không thuận lợi về mặt kinh tế. Dung Quát là một hải cảng thuộc tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, cách Sài Gòn 900 cây số về phía Bắc. Khi quyết định chọn Dung Quát là thí điểm xây cất, chính quyền cộng sản Việt Nam muốn tạo ra một số công ăn việc làm cho các tỉnh miền Trung vì tỷ lệ thất nghiệp tại đây hiện nay lên rất cao (từ 30 đến 50%). Trước đó hai dự án xây dựng nhà máy lọc dầu khác tại miền Nam đã bị thủ tướng Võ Văn Kiệt bác bỏ, mặc dù nơi đây rất thuận lợi về mặt kinh tế và được các công ty đầu tư ngoại quốc ủng hộ.

Ngày 15-9-1995, công ty vận tải quốc tế P&O của Úc cũng tuyên bố rút lui khỏi dự án mở rộng cảng Bến Nghé. Dự án này, trị giá 19 triệu USD, nhằm gia tăng vận tốc bốc dỡ từ 20.000 lên 500.000 containers/năm. P&O rút lui vì công cuộc thương thuyết với phía Việt Nam không tiến triển sau hơn một năm hợp tác.

Các công ty đầu tư ngoại quốc tiếp tục than phiền về các thủ tục bàn giấy vẫn còn rườm rà tại Việt Nam. Một cách nói ngoại giao về nạn tham nhũng từ trên xuống dưới?

Độc giả viết

Giải tỏa mở rộng đường, không bồi thường.

Thành phố Hải Phòng có quốc lộ số 209 nối liền thị xã Kiến An đi thị xã Đồ Sơn, kể từ năm 1976 đến nay đã hai lần giải tỏa để mở rộng mặt đường.

Lần thứ nhất vào khoảng mùa xuân năm 1976, từng đoàn xe mô tô của công an kết hợp với dân quân địa phương tới những địa điểm dân cư đã được định sẵn, gặp nhà ở họ ra lệnh phá, gặp quán nước họ ra lệnh phá quán, các rặng tre già lâu năm ven đường của các hộ gia đình cũng được lệnh phá trừ ngay lập tức. Tôi đã chứng kiến cảnh một bà mẹ nông dân nghèo khóc lóc lay van những ông công an, dân quân đang tháo rỏ máu nhà tranh của bà, không chỉ riêng bà mà hàng trăm nghìn người ở ven quốc lộ 209 đều hốt hoảng, sợ hãi lo âu. Những mái nhà tranh, những rặng tre già trong thời kỳ chiến tranh là nơi ẩn dấu các phương tiện quân sự của Đảng, nay không cần nữa, Đảng bảo phá là phá, người dân chỉ biết tuân theo, không được kêu oan, không có bồi thường, mà có kêu cũng không có ai giải quyết. Thời ấy Đảng là vô địch và tuyệt đối lắm.

Cho đến năm 1995, lại một lần nữa giải tỏa mở rộng đường, người dân ven quốc lộ chưa qua khỏi cơn ác mộng của Đảng gây ra năm xưa, thì lại chịu những tai họa mới.

Đảng vẫn lặp lại những hành động độc đoán đối với dân, như đã làm cách đây gần hai mươi năm. Cứ phá, cứ mở rộng, không bồi thường nhiều gia đình thiệt hại tài sản trị giá lên tới hàng chục triệu đồng. Đảng làm ngơ coi như không biết đến những thiệt hại về kinh tế, những đau khổ về tinh thần và làm xáo trộn cuộc sống của người dân vốn đã khó khăn lại càng khó khăn thêm. Kể từ gần mười năm nay, Đảng giương cao ngọn cờ "đổi mới", hồ hào lấy dân làm gốc phấn đấu cho nước nhà dân chủ giàu mạnh. Đúng là lời Đảng nói và việc Đảng làm là hai thái cực trái ngược nhau.

Trong khi đó ở các tỉnh phía nam, nhất là khu vực quanh thành phố Hồ Chí Minh, nếu công trình nào của nhà nước cần mở rộng mà làm thiệt hại đến tài sản của người dân, thì người dân đều được bồi thường. Thế thì tại sao người dân ở ven quốc lộ 209 tại Hải Phòng lại không được bồi thường?

□□□

Giải tỏa mở rộng đường là yêu cầu cần thiết để phát triển giao thông, nhưng không vì thế mà làm thiệt hại đến đời sống của dân, vô trách nhiệm với họ. Nếu người dân làm thiệt hại đến tài sản của Đảng và nhà nước, thì người dân bị luật pháp xử tội. Còn Đảng và nhà nước làm thiệt hại đến tài sản của dân thì ai là người xử tội Đảng. Đây là một nghịch lý trong số vô vàn nghịch lý của xã hội do Đảng cố ý tạo ra.

Sự chịu đựng của người dân chỉ có giới hạn, mong Đảng lãnh đạo chớ có xem thường.

Trần Văn Độ
Saarburg, Đức Quốc.

Những con người trung thực

Bài dịch "Bộ mặt thật của Lenin" trong Thông Luận 85, Bùi Tín đóng góp thêm với độc giả sau bài dịch "Cuộc sống của Mao", càng làm cho tôi tập trung suy nghĩ hơn để trả lời câu hỏi từ lâu ray rút trong tôi: "Có người cộng sản không?"; bởi vì một số bài viết từ trong nước có lời kêu gọi đến "những người cộng sản chân chính", "những người cộng sản lương thiện". Vậy thì Stalin, Lenin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, những lãnh tụ cộng sản có cơ đều là những người cộng sản giả tạo, những người cộng sản bất lương cả sao?

Theo ý tôi, không có "người cộng sản". Không có tiêu chuẩn nào đặt ra để đánh giá đó là người cộng sản, cho dù họ là thành viên của đảng ấy. Và vì vậy, không có người cộng sản chân chính cũng không có người cộng sản lương thiện. Chỉ có con người chân chính, những người lương thiện.

Nhưng nếu chỉ là cách gọi thể thôi, thì câu hỏi đặt ra có ích gì trong lúc này, khi mà cuộc tranh đấu cho dân chủ ở trong nước đang rất khắt trương và cũng rất cam go, quyết liệt?

Riêng tôi thấy có chút ích lợi là để xóa bỏ mọi mặc cảm giữa những người đã hoặc đang là thành viên của đảng cộng sản Việt Nam với những người không có liên hệ với tổ chức ấy, và chỉ cần nhìn nhận lòng trung thực của con người, nền tảng tinh thần của những người chân chính, những người lương thiện.

Cuộc đấu tranh với chế độ độc tài để dân chủ hóa đất nước ngày nay không cần đến mưu mẹo của Khổng Minh, không cần đến tương kế, tựu kế hay trận đồ bát quái, nhưng rất cần và chỉ cần lòng trung thực, khẳng khái của Nguyễn Trãi. Khác với lòng trung thành đôi khi trở nên trung thành mù quáng, tính trung thực chứa đựng tình cảm lý trí sâu sắc, nó như là gốc rễ, như là cội nguồn của lòng tin, của tình yêu, của sự khoan dung, không có lòng trung thực không thể có những đức tính tốt (nếu có chẳng thì chỉ là giả tạo, nhất thời). Những người trung thực rất gần gũi nhau về tình cảm và rất dễ liên đới nhau bởi một lẽ tự nhiên. Để nhìn nhận người khác trung thực hay không, trước hết mình phải có lòng trung thực. Trừ chế độ dân chủ, bất cứ chế độ xã hội nào khác, những người trung thực đều là nạn nhân bị thảm trong khi họ là động lực chính thúc đẩy xã hội loài người tiến lên. Hãy bảo vệ và ủng hộ hết lòng những người trung thực, những người chân chính nhất là những người đang mắc vòng lao lý hoặc đang bị bao vây, cô lập chỉ vì tranh đấu cho dân chủ, cho quyền sống chính đáng của con người, họ đang là đối tượng đàn áp khốc liệt của chính quyền cộng sản trong nước.

Lòng trung thực không chỉ có nơi người ngoài đảng cộng sản mà có ở rất nhiều đảng viên cộng sản, họ có mặt trên mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, ở mọi địa phương.

Lòng trung thực không chỉ có nơi người trong nước, mà có ở rất nhiều người ở hải ngoại, họ trần trụi với tương lai xứ sở, họ dốc hết tâm lực vào các hoạt động hầu tìm ra hướng đi thích hợp

nhất cho đất nước. Họ cũng không hề nghĩ đến lợi ích cho chính mình. Tôi không thể làm một danh sách đến độc giả nhưng chắc chắn là không ít.

Vậy là chúng ta có những điểm chung rất cơ bản, đó là những điểm chung về tình cảm, rất bền vững. Hơn lúc nào hết, đây là lúc mà những con người trung thực, khẳng khái phải bày tỏ ý chí của mình, và cũng chính lúc này những con người trung thực phải kết thành một mặt trận để giành thắng lợi cho dân chủ. Những người trung thực ở trong nước, nạn nhân trực tiếp của chính quyền cộng sản cần được giúp đỡ một cách thiết thực mà bất cứ ai trong chúng ta ở hải ngoại cũng có thể làm được bằng cách bày tỏ tình cảm của mình và đóng góp ít nhiều vật chất theo khả năng. Chúng ta có thể gửi trực tiếp cho những người đã có địa chỉ hoặc thông qua Vietnam Libertés - Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt (*), hội sẽ chuyển đến các nạn nhân, những người anh em của chúng ta. Dù chúng ta giúp đỡ vật chất không được bao nhiêu nhưng ý nghĩa tinh thần thì lớn lao gấp bội, nó thể hiện sự liên đới bởi lương tâm đối với hy sinh của những con người trung thực, và nhờ hành động này mà mỗi chúng ta cũng được yên lòng chút ít.

Việc làm của giáo sư Tôn Thất Thiện gửi một phần không nhỏ lương hưu trí của mình dành riêng cho các trí thức từng thuộc đảng cộng sản, đã bất chấp mọi hậu quả đứng lên đòi dân chủ, đã góp phần xóa đi mọi mặc cảm lâu nay để nhằm vào lợi ích chung cần được phát huy rộng rãi.

Phạm Ngọc Trường (Tours)

(*) LTS: Vietnam Libertés, 11 Mail le Cobusier
77185 Lognes -France

Bắt sò

Trong bài "Phúc Trình" của Phù Du, Thông Luận 85, tôi đọc đi đọc lại câu "không như ở Mỹ chỉ lợi nước bắt sò đã bị phạt vạ" mà không hiểu gì cả. Nước Mỹ vốn là nước có nhiều tự do. Ở một số tiểu bang, mang súng đi kè kè ngoài đường phố còn được hưởng chi "chỉ lợi nước bắt sò đã bị phạt vạ". Điện thoại lại cho tòa soạn mới vỡ lẽ ra là ông Đại Sứ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc ở Mỹ đi bắt sò vùng cấm bị cảnh sát Mỹ trông thấy. Ông "quăng sò toan chạy thoát thân, không ngờ đôi cái bàn chân vướng giầy, thành chẳng khỏi bàn tay Mỹ bắt, Mỹ bắt rồi Mỹ phạt vạ ngay, phạt rồi ông trả luôn tay, nắm hương rau tía ớt cay không sò!!!"

Tình cờ tôi có dịp gặp một chuyên viên vừa ở Việt Nam qua, hỏi xem anh ta có biết chuyện này không. Anh cho hay chuyện này bên nhà ai cũng biết hết.

Thật là tội nghiệp cho ông Đại Sứ. Chỉ vì tham mấy con sò mà cả nước biết đến tên mình. Nhưng cũng may là ông chỉ "lợi nước bắt sò" bằng tay thôi, chứ ông không theo một số dân khá đông tại Việt Nam bắt cá bằng chất nổ, thuốc trừ sâu hay điện. Hiện trạng bắt cá bằng chất nổ, giết điện trong nước hiện nay rất là phổ thông. Người ta phải làm chết rất nhiều con cá và sinh vật khác mới bắt được một vài con. Bắt cá kiểu này mỗi sinh bị hủy hoại không sao lường được. Theo nguồn tin báo chí tại Việt Nam cách đây không lâu, chỉ riêng tỉnh Thanh Hóa, trong vòng một tháng chính quyền cộng sản đã tịch thu 28 tấn thuốc nổ dùng để đánh cá.

Tưởng tượng ông Đại Sứ dùng một vài cân thuốc nổ nội địa để bắt cá tại Mỹ, cho dù ông có xì tiền ra chắc cũng không để thoát thân đâu. Trong khi đó tại Việt Nam, ông có dùng cả tấn thuốc nổ bắt cá cũng chẳng ai phiền hà gì ông cả. Nếu có là chỉ có người lợi xuống nước giành bắt cá với ông thôi. Đứng là xứ Mỹ không tự do bằng xứ Việt Nam thật!

NTC (Paris)

Độc lại Trần Bình Nam

Năm 1983, lần đầu tiên vào một tiệm sách sau khi đã ra nước ngoài, cuốn sách mà tôi mua ngay trước khi chọn lựa những cuốn khác là "Những Ngày Chưa Quên" của Đoàn Thêm. Tôi cần cuốn sách đó, và tôi nghĩ mọi người muốn có dữ kiện về giai đoạn Cách Mạng Tháng 8 cũng cần nó như tôi. Đoàn Thêm ghi chép lại một cách giản dị và khách quan những gì mắt thấy tai nghe.

Sách của cụ là một chứng liệu quý giá. Có những sự kiện mà ngay lúc xảy ra chúng ta nhìn rất rõ, với tất cả mọi chi tiết, nhưng chúng ta không ghi lại, rồi với thời gian chúng ta không thể nhớ lại một cách rõ rệt, và khó giải thích cái tại sao của chúng.

Tôi có cùng một phản ứng với *Tuyển Tập Bình Luận Chính Trị của Trần Bình Nam 1991-1994*, như đã có đối với cuốn "Những Ngày Chưa Quên" của Đoàn Thêm.

Trần Bình Nam ghi lại một cách tỉ mỉ những sự kiện xảy ra, với những lời bình luận có mục đích giải thích. Trong khắp tuyển tập của ông, người ta gặp những đoạn như:

[...] "*Nguyễn Chí Thiện sinh năm 1933 tại phố Hàng Bột, Hà Nội, khoảng năm 1950 gia đình ông dời về Hải Phòng. Năm 1958 hợp tác với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm ông xuất bản tập san Vì Dân, bị bắt đi tù 2 năm. Được trả tự do năm 1960, năm 1961 ông lại bị bắt vì tham gia nhóm Đoàn Kết...*" (trang 18).

[...] "*Chính Trị Bộ (đảng cộng sản Việt Nam) được tăng thêm 4 ủy viên, nâng tổng số lên 17 người, và Trung ương đảng bổ túc thêm 20 ủy viên nâng tổng số lên 161... Tướng Lê Khả Phiêu năm nay 56 tuổi là một sĩ quan thăng tiến nhanh chóng trên bậc thang quân đội và chính trị. Năm 1974 ông ta còn là một trung tá. Năm 1979 lên thiếu tướng cùng Lê Đức Anh chỉ huy chiến dịch Cam Bốt. Năm 1989 lên trung tướng, và thượng tướng năm 1992...*" (trang 80).

Để có những sự kiện chi tiết như thế, Trần Bình Nam đã phải bỏ rất nhiều công phu sưu tập và ông đã viết ra để chia sẻ với độc giả của các báo Thời Luận, Người Việt, Mõ, Thời Nay, Độc Lập, Thông Luận. Nay ông tập trung lại và xuất bản có lẽ vì sợ độc giả quên đi. Ưu tư của ông lúc nào cũng thế: cố gắng cho độc giả những dữ kiện để suy nghĩ và kết luận. Trần Bình Nam sưu tập và ghi chép giùm độc giả. Ông coi đó là một công việc quan trọng và cần thiết, và ông hoàn toàn có lý.

Lật ra bất cứ một tờ báo nào, tôi không bao giờ bỏ sót những bài của Trần Bình Nam bởi vì tôi tin chắc là sẽ tìm được những dữ kiện quý báu. Đến nay tôi chưa bao giờ thất vọng. Trần Bình Nam khá hà tiện trong những bình luận, ông chỉ bình luận để giúp độc giả hiểu rõ vấn đề chứ không hề có ý định lôi kéo độc giả vào một lập trường nào.

Thí dụ: "*Thế quân bình đặc biệt hiện nay tại Á Châu và vai trò tương lai trong vùng của Hoa Kỳ có thể đưa tới một điều trớ trêu là một liên minh quân sự nào đó giữa Hoa Kỳ và Việt Nam...*" (trang 331)

Đã so sánh hai cuốn sách của Đoàn Thêm và Trần Bình Nam thì tôi cũng cần nói đến sự khác biệt của chúng. Tác phẩm của Đoàn Thêm là một hồi ký, trong khi *Tuyển Tập* của Trần Bình Nam là một loại nhật ký chính trị. Đoàn Thêm nhớ lại, chắc chắn là dựa

trên những ghi chép, trong khi Trần Bình Nam ghi lại một cách tỉ mỉ những gì đang xảy ra. Tác phẩm của Đoàn Thêm là những ký ức, trong khi tác phẩm của Trần Bình Nam là một biên khảo công phu.

Hai tác giả cũng khác nhau. Đoàn Thêm là một học giả thuần túy cố gắng đem tâm tình vào những ký ức, Trần Bình Nam vừa là một nhà bình luận vừa là một nhà hoạt động chính trị, cố gắng quên cảm xúc cá nhân để nhận định một cách khách quan. Cả hai chỉ giống nhau ở chỗ muốn cố gắng hiến cho độc giả những dữ kiện hữu ích.

Trần Bình Nam, tên thật là Trần Văn Sơn, một cựu sĩ quan và cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc đời chính trị của ông gắn liền với lịch sử cận đại của đất nước. Ông đã là một dân biểu đối lập tại Việt Nam, đã sống những ngày đầu dưới chế độ cộng sản, đã đào thoát ra nước ngoài và trở thành một lãnh tụ đối lập. Tôi đã có may mắn được biết ông, trở thành thân quen với ông. Ông là một trong những khuôn mặt chính trị hải ngoại mà tôi kính phục, vì khả năng cũng như vì nhân cách. Mặc dầu uy tín của Trần Bình Nam không chối cãi được, tôi vẫn lấy làm tiếc rằng cộng đồng người Việt hải ngoại, và đối lập Việt Nam, chưa dành cho Trần Văn Sơn một chỗ đứng xứng đáng với ông.

Sự thiếu quân bình ấy có lẽ là vì bản chất Trần Văn Sơn. Ông là một con người ôn hòa và khiêm tốn, thể hiện qua văn phong giản dị, và sáng sủa, của tác phẩm. Ông không sôi nổi, không tìm đụng chạm, chỉ kiên nhẫn trình bày với lòng tin là một khi đã hiểu đúng người ta sẽ có kết luận đúng.

Tôi không có ý mô tả Trần Văn Sơn như là một con người đặt sự thận trọng lên trên hết. Khi cần, ông có thể lấy một thái độ rất dứt khoát. Sự bất thiệp không mâu thuẫn với thái độ bộc trực. Một thí dụ: Năm 1991, vào lúc Thông Luận còn bị chống đối mạnh tại Mỹ, ông đã tổ chức cho chúng tôi sang tiếp xúc và bày tỏ lập trường tại Los Angeles, San José, Houston và Washington. Một thí dụ khác: Năm 1989, Trần Văn Sơn đã không ngần ngại công khai bày tỏ sự bất đồng của ông với giáo sư Nguyễn Ngọc Huy trong việc thành lập một liên kết giữa chín tổ chức chính trị mà hai ông cùng chủ trương. Trần Văn Sơn muốn một kết hợp chặt chẽ để tiến tới một mặt trận đối lập trong khi Nguyễn Ngọc Huy chỉ chấp nhận một phối hợp lỏng lẻo. Điều trớ trêu là con người hoạt động Trần Văn Sơn đã đúng trên nguyên tắc trong khi nhà lý thuyết Nguyễn Ngọc Huy lại đúng về mặt thực tế.

Những bình luận của Trần Văn Sơn trong tuyển tập đều minh bạch, không úp mở và xác đáng. Người ta có thể không đồng ý với tất cả những gì ông phát biểu, nhưng ngay cả khi không đồng ý, những bình luận của ông vẫn có tác dụng soi sáng vấn đề và giúp độc giả nhìn lại được tâm lý chính trị của người Việt ở một thời điểm.

Cuốn sách của ông, tôi sẽ giữ thật cẩn trọng. Tôi biết sẽ thường xuyên cần tới nó và tôi chắc chắn giá trị của nó sẽ tăng lên với thời gian. Nó chứa đựng những gì mà người ta cần biết và cần nhớ.

Nguyễn Gia Kiểng

Tuyển Tập Bình Luận Chính Trị của Trần Bình Nam 1991 - 1994

Nhà xuất bản Mõ Làng, 355 trang, giá 15 USD

Có thể đặt mua: Mr TRAN, PO BOX 2074,

VAN NUYS - CA 91404, USA.

Chi phiếu (15 USD) xin đề Mr TRAN

Sổ Tay

Việt Nam Đoàn Viết Hoạt

"VIETNAM DOAN VIET HOAT" là tên của một cuốn sách do tổ chức Ký Giả Không Biên Giới (Reporters Sans Frontières) xuất bản.

Cuốn sách rất nhỏ, chỉ hơn hai chục trang, với giấy dày và bìa cứng màu đỏ sậm như màu máu. Năm chữ "*Viet, nam, Doan, Viet, Hoat*", chiếm hết trang bìa, được cắt từ những bài viết trong tập Diễn Đàn Tự Do, đánh bằng một máy chữ thô sơ. Cách trình bày tạo cho tập sách nhỏ một vẻ vừa thê lương vừa hùng tráng. Nội dung? Một bài giới thiệu khoảng 200 chữ, một chân dung Đoàn Viết Hoạt, một bài làm chứng của Trần Thị Thúc, tức bà Đoàn Viết Hoạt, một bản dịch thư ngỏ của Đoàn Viết Hoạt gửi cho Ngày Đoàn Viết Hoạt, tổ chức tại Paris ngày 3-10-1993, vài trang phóng ảnh một đoạn băng tiếng Việt của Đoàn Viết Hoạt, bốn trang phóng đại những dòng chữ đánh máy, một bài thơ và một đoạn dịch từ một bài của Đoàn Viết Hoạt. Chỉ có thế.

Reporters Sans Frontières không thấy cần nhiều lời. Người phụ trách xuất bản nói một cách dứt khoát: "Đây không phải là một cuốn sách mà là một tượng đài tôn vinh một con người cao cả". Một ký giả của tổ chức Reporters Sans Frontières run giọng vì ngưỡng mộ: "Đoàn Viết Hoạt là một nhân vật duy nhất trên rất nhiều phương diện: một người có văn hóa cao, có nhận định sáng suốt, có lòng dũng cảm vô biên và rất quảng đại. Chịu bao nhiêu dày dạn mà ông ta vẫn không khuất phục, vẫn kêu gọi hòa giải và khoan dung. Chúng tôi chưa thấy một người nào vĩ đại đến thế. Việt Nam thật may mắn có được Đoàn Viết Hoạt".

Kể ra cũng có phần đúng. So với những con người đã làm nên lịch sử tại các quốc gia khác, Đoàn Viết Hoạt vượt hẳn. Sakharov là một nhà khoa học chế bom nguyên tử để cho chế độ Liên Xô suýt nữa tiêu diệt cả nhân loại, rồi phản đối. Ông ta không có đường lối cứu nước Nga và cũng chỉ chứng tỏ một ý chí đấu tranh vừa phải. Lech Walesa là một công nhân dùng dũng cảm, có công khởi xướng cuộc đấu tranh của công nhân Ba Lan nhưng kiến thức và tinh thần hẹp hòi. Aung San Suu Kyi tình cờ về nước thăm mẹ rồi bị lôi cuốn vào một cuộc đấu tranh không ngờ. Mandela là một tay khủng bố, bị tù và trở thành anh hùng sau khi kêu gọi hòa giải dân tộc. Họ đều không gian khổ như Đoàn Viết Hoạt, kể cả Mandela. Nhưng họ đều được giải Nobel về hòa bình. Hai trong bốn vị đó đã trở thành nguyên thủ quốc gia, bà Aung San Suu Kyi rồi đây cũng có hy vọng. Vaclav Havel là nhà soạn kịch ký tên vào Hiến Chương 77, ở tù, được nhân dân Tiệp ái mộ và trở thành tổng thống sau khi chế độ cộng sản Tiệp sụp đổ. Tất cả những vị đó đều vĩ đại, nhưng khách quan mà nói họ không bằng Đoàn Viết Hoạt. Họ đã trở thành vĩ đại và thành công vì được dân tộc

họ tôn vinh và ủng hộ. Còn Đoàn Viết Hoạt vẫn ở tù vì vẫn chưa được ủng hộ như họ.

Thưa quý vị ký giả Reporters Sans Frontières, quý vị cần hiểu người Việt Nam chúng tôi. Chúng tôi vẫn chờ đợi một lãnh tụ, nhưng lãnh tụ ấy phải tự tạo ra thời thế, phải tự giành lấy thắng lợi chứ đừng hòng chúng tôi ủng hộ. Ông ta đi tìm hậu thuẫn ở đâu thì tìm.

Và chúng tôi rất khó tính: chúng tôi muốn một lãnh tụ vừa già dặn, vừa trẻ trung, phải có kiến thức, có học vị cao, có nhận định sáng suốt, có quá khứ trong sạch, có tâm hồn cao thượng. Và phải rất dũng cảm. Muốn chúng tỏ sự dũng cảm thì phải thách thức chế độ. Thách thức chế độ mà không bị tù là đối lập cuội. Ở tù mà im lặng luôn thì cũng là tầm thường, có thể chỉ là lá bài của chế độ cộng sản. Ở tù mà vẫn tiếp tục chống đối thì mới là ngon. Nhưng nếu ở tù mà vẫn dám chống đối mà không bị thủ tiêu, lại còn tuồn được bài viết ra ngoài thì chắc là phải có sự đồng tình của chế độ, có thể chỉ là con bài do chế độ cộng sản dựng lên. Còn nếu bị đem xử bắn luôn như Phan Quang Cảnh, Trần Văn Bá thì chúng tôi đành quên luôn vì người đã chết còn ích lợi gì nữa mà ủng hộ.

Đoàn Viết Hoạt có đủ những yếu tố của cái portrait robot của lãnh tụ mà chúng tôi đang đợi: trưởng thành nhưng trẻ trung, có kiến thức, có cả học vị tiến sĩ (bằng cấp đối với chúng tôi rất quan trọng), có nhận định sâu sắc, có cả lòng dũng cảm và có cuộc đời trong sạch không có gì để chúng tôi có thể chê trách. Chúng tôi khó tìm lý do để không ủng hộ ông ta, trong khi chúng tôi thực ra không muốn ủng hộ ai cả. Ông ta làm phiền lòng chúng tôi quá.

Và lại đất nước chúng tôi thiếu gì hào kiệt, đâu phải chỉ có một Đoàn Viết Hoạt? Chúng tôi còn Nguyễn Đan Quế, cũng trẻ trung, cũng can đảm, cũng có đường lối đúng đắn, cũng vào tù ra khám. Chúng tôi có Quảng Độ, Huyền Quang, Chân Tín dày dạn đạo đức và quyết tâm. Chúng tôi có Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, Hoàng Minh Chính. Chúng tôi có những người đang tranh đấu và chấp nhận vào tù như Hà Sĩ Phu, Báo Cự, Hồ Hiếu, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Ngọc Lan, v.v... Chúng tôi cũng không thiếu những nhà văn phản kháng. Bất cứ một dân tộc nào đang chịu ách độc tài mà có được một vài người như thế cũng đều sẽ tự coi là có diễm phúc và tôn làm biểu tượng đấu tranh. Nhưng chúng tôi thì khác.

Quý vị muốn thử lòng chúng tôi chăng? Quý vị chờ đợi chúng tôi mua cuốn sách "*Vietnam Doan Viet Hoat*" của quý vị để chúng tỏ lòng biết ơn đối với một người mà quý vị coi là cao cả? Quý vị đừng quên lời của Plutarques: "Sự bội bạc với các vĩ nhân là dấu hiệu của một dân tộc lớn". Chúng tôi là một dân tộc rất lớn. Các dân tộc khác chỉ bội bạc với các vĩ nhân của họ khi không cần họ nữa. Còn chúng tôi, chúng tôi bạc bẽo với những hào kiệt của chúng tôi ngay cả khi chúng tôi đang rất cần họ. Chúng tôi vĩ đại.

Phù Du

TB: Những quý vị nào không khó tính muốn mua cuốn sách đó để bày tỏ cảm tình với Đoàn Viết Hoạt có thể liên lạc với Thông Luận. Giá 70 F kể cả cước phí (tại Châu Âu).

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam-Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó